

SARAH WEEKS

Nguyễn Hồng Dung dịch

Các giải thưởng dành cho So B. It:

- Parents Gold Choice Award
- The Rebecca Caudill Award
- The William Allen White Award

So B. It

Bí ẩn một cái tên



NXB Hội Nhà văn

vctvegroup

Sarah Weeks

So B. It

Bí ẩn một cái tên

Người dịch: Nguyễn Hồng Dung

Phát hành: Phương Nam Book

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2011

Lời khen tặng dành cho So B. It:

“Cuốn tiểu thuyết có đủ sự hồi hộp để lôi cuốn những người ưa thích sự bí ẩn, đồng thời Weeks đã miêu tả sinh động cuộc phiêu lưu thể chất và xúc cảm của Heidi với sự chùng mịch và tiết chế về ngôn từ đến mức đáng khâm phục.”

- *The Horn Book*

“Văn phong duyên dáng - chân thực, cảm động và được gọt giũa cô đọng đến mức tinh tế.”

- *ALA Booklist*.

“Những nhân vật thú vị, khác thường. Người đọc sẽ thực sự cảm động.”

- *VOYA*.

SARAH WEEKS là ca sĩ, người viết nhạc và một tác giả viết sách cho thiếu nhi. Cô đã viết hơn 30 cuốn truyện tranh và các tiểu thuyết cho teen. Weeks thường đi thăm các trường học và thư viện trên khắp nước Mỹ, đọc sách của mình, hát những bài hát do mình sáng tác và trò chuyện với trẻ em về việc viết lách. Sarah Weeks hiện sống tại thành phố New York cùng hai con trai. Bạn có thể ghé thăm cô trên trang web www.sarahweeks.com.

Ta không thể thực sự biết về bộ não của Mẹ chỉ bằng cách nhìn vào bà, nhưng điều đó trở nên rõ ràng khi bà lên tiếng. Giọng của bà cao vút, giống như một đứa bé gái, và bà chỉ biết vòn vện có hai mươi ba từ. Tôi biết điều này từ thực tế, vì chúng tôi giữ một danh sách những từ Mẹ nói, ghim nó ở tủ bếp. Phần lớn từ ngữ khá quen thuộc, giống như *tốt* và *nữa* hay *nóng*, nhưng có một từ duy nhất Mẹ nói thì rất đặc biệt, *soof*.

Tặng David - người đã dạy tôi rất nhiều về cả những điều biết và không biết.

- S.W

Lời nói đầu

So B. It và hành trình đi tìm sự thật,

Nếu bạn thích tìm kiếm cuốn sách viết về những sự thật lạ lùng đến khó tin, cuốn sách chứa đựng những điều bí ẩn và hồi hộp, cũng thật khó lòng đoán được kết thúc, có sức lôi cuốn mạnh mẽ đến mức không dễ dàng gì buông sách xuống nửa chừng... thì So B. It đúng là tác phẩm dành cho bạn.

Có thể nói, So B. It là một tác phẩm độc đáo, từ giọng văn nhẹ nhàng mà có sức lay động kỳ lạ, đến một cốt truyện đơn giản nhưng sâu sắc, ẩn chứa những triết lý thông minh đáng để ngạc nhiên. So B. It được viết qua giọng kể của Heidi - cô bé 12 tuổi đáng yêu, ngây thơ và đầy tò mò - về hành trình tìm về sự thật, về quá khứ của chính mình. Heidi có một cuộc đời kỳ lạ: cô bé không biết về quá khứ, không biết cha mình là ai, không biết ngày sinh của chính mình. Cô bé sống cùng người mẹ bị thiếu năng, người chỉ có thể nói được 23 từ tất cả, và Bernadette - một phụ nữ hàng xóm bị bệnh sợ khoảng rộng không dám ra khỏi nhà. Cuộc sống của Heidi hầu như tách biệt với xã hội bên ngoài, cô bé tiếp xúc với thế giới thông qua sách vở, trí tưởng tượng và các chuyến đi mua sắm, đến thư viện gần nhà. Có thể nói, cô bé có một tuổi thơ êm đềm và hạnh phúc. Mọi chuyện xảy ra khi Heidi bị ám ảnh bởi một từ trong sổ từ vựng của mẹ mà cô bé không tìm ra nghĩa - soof. Cũng chính từ lạ này đã thôi thúc Heidi khám phá về quá khứ của mình, muốn tìm câu hỏi lý giải mình là ai, từ đâu tới? Và cô bé một mình thực hiện chuyến đi dọc nước Mỹ, từ Nevada tới New York, để tìm ý nghĩa của soof...

Ngay dòng mở đầu, Heidi đã làm chúng ta phải tò mò: “Nếu như sự thật là một cây bút chì màu đang chờ tôi bọc lại rồi đặt tên cho nó một màu nào đó, tôi biết chính xác mình sẽ muốn nó có màu gì - màu da khủng long.” Và cứ thế, người kể chuyện sẽ dẫn dắt bạn bước

vào cuộc phiêu lưu thể chất và xúc cảm của cô bé. Hành trình đi tìm từ soof của Heidi, hay hành trình đi khám phá ra mình là ai, đầy những điều ngạc nhiên thú vị và những cảm giác sợ hãi, thậm chí cả sóng gió bất ngờ chờ đợi cô bé ở đích đến. Lần đầu tiên Heidi thực sự bước ra thế giới, chẳng đường đó với những trải nghiệm mới mẻ đã làm thay đổi Heidi. Từ một cô bé nhìn cuộc sống bằng đôi mắt thơ non, Heidi đã chứng chạc hơn, bắt đầu biết bản khoăn day dứt hơn bởi những “sự biết” về cuộc sống. Có thể nói, câu chuyện là một hành trình cảm động hồi hộp, rất lôi cuốn với những nhân vật khác thường đồng thời rất thật. Một kết thúc đẹp và buồn, thật ngọt ngào và sâu lắng sẽ ám ảnh ta khi gấp cuốn sách lại.

Điều làm tôi ấn tượng hơn cả về cuốn sách này đó là những trải nghiệm của Heidi về cuộc sống. Những khám phá phảng phất màu sắc triết lí nhẹ nhàng của một cô bé mười hai tuổi như những tia sáng nhỏ bé soi rọi vào mặt bên kia của những điều tưởng như đã trở thành chân lý hiển nhiên chẳng cần bàn cãi. Chẳng hạn, qua những gì chứng kiến, Heidi nhận thấy việc nói dối chưa hẳn là đã xấu: “Đôi khi người ta nói dối vì sự thật quá nặng nề để thừa nhận nó...” Hay Heidi hiểu ra rằng “không biết một điều gì đó chẳng có nghĩa rằng ta ngốc nghếch. Nó chỉ có nghĩa rằng vẫn còn chỗ cho sự ngạc nhiên.” Trong quá trình tìm về quá khứ của mình, Heidi cũng đã thừa nhận rằng có những điều vĩnh viễn chúng ta chẳng thể nào biết được, cho dù chúng ta cố gắng đến mấy để tìm hiểu về chúng. Ngay cả khi khám phá ra được sự thật - như sự thật gây ngỡ ngàng về quá khứ của mẹ Heidi - cũng không hẳn đã khiến cho chúng ta sống hạnh phúc hơn; nhưng dẫu vậy không dễ gì chúng ta từ bỏ được mong muốn được biết sự thật...

Sarah Weeks, nữ văn sĩ người Mỹ rất thành công với những tác phẩm dành cho thiếu nhi và tuổi teen, thực sự sẽ làm bạn hài lòng qua tác phẩm *So B. It*. Những nhà phê bình văn học đã không quá lời khi khen ngợi *So B. It* là một cuốn sách với “văn phong duyên dáng - chân thực, cảm động và được gọt giũa cô đọng đến mức tinh tế”.

Và trên hết, đây là một cuốn sách gây ám ảnh...

Sài Gòn 9.4.2011
Nguyễn Hồng Dung

Chương 1

Heidi

NẾU NHƯ SỰ THẬT LÀ một cây bút chì màu đang chờ tôi bọc lại rồi đặt tên cho nó một màu nào đó, tôi biết chính xác mình sẽ muốn nó có màu gì - màu da khủng long. Tôi từng nghĩ, mà thực ra cũng không thực chú tâm về nó, rằng tôi biết đó là màu gì. Nhưng chuyện ấy đã xảy ra từ lâu lắm rồi, trước khi tôi thực sự biết màu da khủng long và sự thật như thế nào.

Quả thực là, bạn không thể nói gì nhiều về sắc màu của một con vật chỉ bằng cách ngắm nhìn bộ xương của nó, thế nên chẳng ai dám chắc da khủng long thật sự có màu gì. Trong nhiều năm, tôi ngắm nghĩa bức vẽ về chúng, tin rằng người ta tô màu cho chúng dựa theo cơ sở khoa học, song thực ra thì họ cũng chỉ đoán mò mà thôi. Tôi nhận ra điều đó vào một buổi chiều khi ngồi ở ghế trước trong chiếc xe tuần tra của cảnh sát trưởng Roy Franklin, vào mùa thu trước khi tôi bước sang tuổi mười ba.

Một điều khác tôi khám phá ra ngay trong khoảng thời gian đó là: không biết một điều gì đó chẳng có nghĩa rằng ta ngốc nghếch. Nó chỉ có nghĩa rằng vẫn còn chỗ cho sự ngạc nhiên. Như về màu da của loài khủng long chẳng hạn - liệu chúng có sắc màu giống như bầu trời buổi ban mai khi tôi lên đường tới Liberty hay không? Hoặc có lẽ chúng có cùng sắc màu nâu với bụi đất bị đôi giày tôi hất tung lên trên con đường lái xe dẫn vào trại Hilltop?

Sẽ là dối trá khi tôi nói rằng nếu được chọn lựa giữa biết và không biết, tôi thà rằng mình không biết còn hơn. Nhưng có vài chuyện bạn có thể tự nhiên biết được mà chẳng vì lý do gì cả. Và có những chuyện khác, mặc cho bạn mong muốn được khám phá đến bao nhiêu chẳng nữa, bạn cũng không thể nào biết được.

Sự thực là dù bạn có biết hay không thì nó cũng chẳng hề thay đổi. Nếu da của lũ khủng long màu xanh da trời, thì chúng là màu xanh da trời; nếu chúng màu nâu thì chúng là màu nâu, dù cho ai đó từng biết đó là sự thực hay không đi chăng nữa.

Chương 2

Dette

CÓ MỘT SỰ THẬT MÀ TÔI RẤT RÕ, ngay từ khi tôi còn chưa biết gì, là mình không có bố. Tôi có Mẹ, bác Bernadette, và với tôi như thế cũng là khá đủ. Bác Bernadette thoát đầu là hàng xóm sát vách, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn. Mẹ yêu tôi theo một cách đặc biệt của riêng bà, nhưng bà không thể tự mình chăm sóc được tôi vì bà bị bệnh thiếu năng. Có lần, bác Bernie đã giải thích điều đó cho tôi bằng cách so sánh Mẹ với một chiếc máy bị hỏng.

“Tất cả những phần quan trọng nằm ở đây, Heidi à, và nhìn bề ngoài thì mẹ cháu dường như có thể hoạt động tốt, nhưng bên trong có rất nhiều những mảnh nhỏ bí mật đã bị vỡ hoặc bị bẻ cong hay thất lạc không khớp với nhau. Và thiếu chúng, bộ máy sẽ không hoạt động tốt được.”

Và thực tế bộ máy ấy chẳng bao giờ hoạt động tốt cả.

Bác Bernadette hiểu Mẹ. Bác biết cách trò chuyện với Mẹ và dạy bà nhiều thứ. Bí quyết dành cho Mẹ đó là thực hiện những việc lặp đi lặp lại theo đúng một quy trình cho đến khi bà có thể tự làm được. Đó là phương pháp mà bác Bernadette dạy Mẹ sử dụng cái mở đồ hộp chạy bằng điện. Hằng ngày trong nhiều tuần liền bác mang sang cả đồng hộp thức ăn cho mèo và mở chúng ngay trước mặt Mẹ.

“Nhìn chị này. Cưng yêu quý,” bác nói. “Nhấc lên. Đặt cái hộp xuống dưới. Ấn xuống. Lắng nghe tiếng máy kêu o o. Xong.”

Rất nhanh Mẹ cũng nói cùng với bác. Thực ra không phải tất cả mọi từ, nhưng Mẹ gật đầu và nói “Xong” thật đúng lúc. Một lát sau, Bernadette để Mẹ tự mình thử mở hộp. Thoạt tiên, bà không thể nhớ phải làm những gì - bà làm mọi trình tự lộn tung phèo cả lên - nhưng

Bernie tiếp tục hướng dẫn và nói với bà một cách nhẹ nhàng, rồi rút cuộc một ngày nọ Mẹ đã tự mình mở được một chiếc hộp.

“Xong.”

Tôi không biết ai là người hạnh phúc hơn trước việc đó. Bernadette hay là mẹ tôi.

Sau đó, Mẹ tự mình mở hộp thực phẩm suốt. Hộp xúp và thức ăn cho mèo hay hộp cá ngừ. Bất kể là loại hộp gì. Thực ra, chúng tôi phải cất chúng lên cao, hoặc mang sang căn hộ của Bernadette, vì nếu Mẹ nhìn thấy một hộp đồ ăn thì bà sẽ mở chúng ngay, bất kể có cần dùng hay không.

Căn hộ của bác Bernadette ngay sát căn hộ của chúng tôi, và từ thời xưa xưa khi tòa nhà vừa mới được xây, những căn phòng có thể nối với nhau như một căn hộ lớn. Đó là lý do vì sao có một cửa nối giữa hai nhà chúng tôi. Cánh cửa này giúp cho mỗi khi Bernadette đi qua đó thì bác thực sự không phải rời căn hộ của mình, điều đó quả là may mắn cho Mẹ và tôi vì chứng “A.P” của bác.

Khi lần đầu tiên bác giải thích cho tôi chứng bệnh đó, tôi nghĩ bác đã nói từ *angora phobia* - *chứng sợ động vật lông dài*. Tôi tra trong cuốn B.T.N (Bạn Tốt Nhất), đó là tên mà chúng tôi gọi cuốn từ điển Webster được đặt trên bàn cà phê trong phòng khách. Cuốn từ điển viết “phobia” nghĩa là nỗi sợ hãi và “angora” là một con vật lông dài, thường là dê hoặc thỏ. Tôi chẳng biết vì sao, nhưng khi đặt chúng bên nhau, theo Bernadette, nghĩa là bạn sợ hãi khi phải ra khỏi nhà.

Một thời gian sau, tôi mới hiểu rằng Bernie thực ra bị chứng bệnh gọi là “agoraphobia” (chứng sợ khoảng rộng), chứ không phải “angora phobia”; nhưng chung quy lại cũng giống nhau - bác không thể đi ra ngoài được. Bác chưa từng nói cho tôi biết chính xác nó là gì, song chỉ cần nhìn vào mắt bác khi nghĩ về điều đó, tôi biết đó là một thứ rất tệ.

Bernadette mê đọc sách. Bác luôn chúi mũi vào một cuốn sách, còn nếu phải làm nhanh một việc gì đó thì bác dùng ngón tay kẹp vào trang sách đọc dở để đánh dấu nó trong khi làm việc, như vậy bác có thể nhanh chóng quay lại với việc đọc.

“Cháu biết không, mắt đà điều còn to hơn cả bộ não của nó đấy, Heidi.”

Bác thường nói cho tôi những điều lý thú mà bác tìm được trong sách. Nếu bác đang đọc về châu Phi, bác sẽ không kể mấy thứ chán ồm về các con mường tưới tiêu - bác sẽ nói với tôi, “Lũ voi là loài vật bốn chân duy nhất không thể nhảy được đấy nha.”

Kể từ khi tôi có thể nhớ được, cứ đêm đêm Bernadette lại đọc to cho tôi nghe trước khi đi ngủ. Bác và tôi cùng đưa Mẹ vào giường, rồi Bernie đến ngồi bên cạnh giường tôi và đọc sách cho tôi nghe đến khi mắt tôi díp lại mới thôi.

Bác đọc cho tôi cuốn *Mạng nhện của Charlotte* và *Hoàng tử bé*, những trích đoạn trong Kinh thánh, và Thiền học. Bác dịch Romeo và Juliet sang Tiếng Anh, ý tôi muốn nói đến thứ tiếng Anh của riêng tôi, và bác cháu tôi cùng bật khóc ở đoạn kết câu chuyện. Bác đọc cho tôi nghe thần thoại Hy Lạp và các truyện trinh thám về nữ thám tử nhí Nancy Drew, tiểu sử của Mahatma Gandhi và đọc tới hai lần tất cả các tập của truyện *Ngôi nhà nhỏ*. Bernadette và tôi không thể cùng nhau đi ra ngoài, nhưng hằng đêm chúng tôi trong những chiếc mũ ngủ bằng vải hoa, cưỡi ngựa không đóng yên dọc theo thảo nguyên hoặc trườn người sát mặt đất lọt vào trong các hang động tối om hay lần theo dấu vết ở các bậc cầu thang quanh co dốc đứng để lên đỉnh các tòa tháp đồng hồ bí ẩn.

Bernie dạy tôi đủ mọi thứ, và bác là một giáo viên rất giỏi. Khi bác giải thích các vấn đề, chúng bắn thẳng vào não tôi giống như những mũi tên và nằm lại ở đó. Bác có thể miêu tả một trận bão tuyết Bắc cực hoặc sự thụ phấn, và đột nhiên tôi cảm nhận được sự châm chích của cơn gió lạnh buốt giá hay con ong nghệ lướt bay vào giữa một bông hoa mồm chó. Không ai chạy trong thế giới của Bernadette - họ “lướt đi” hay “rút bay rút biến” đi mất. Họ không rên rỉ, mà họ “kêu nheo nhéo và than vãn”. Bác biết cả triệu từ, và khi không tìm ra từ nào thích hợp, bác sẽ “chế” ra từ để dùng. Như khi Mẹ trở nên nản chí, bắt đầu nhăn nhó và nghiêng răng, Bernadette sẽ nói:

“Mẹ cháu đang làm bánh Nhăn hoàng gia kìa, Heidi.”

“Bánh Nhăn hoàng gia”, nghe cứ như tên một loại bánh pudding trang trí cầu kỳ bắt mắt vậy, nhưng Mẹ tạo ra nó khá thường xuyên, và tin tôi đi, bánh của Mẹ chẳng được phủ kem xốt và quả sori ở trên đâu. Chuyện này thường diễn ra khi Bernadette đang dạy Mẹ một chiêu gì mới. Vài chiêu Mẹ có thể học được, giống như cách mở đồ hộp. Nhưng có nhiều thứ dù Bernadette cố đến mấy thì Mẹ cũng không thể lĩnh hội được. Giống như việc tự thắt dây giày chẳng hạn.

“Bên phải bắt sang trái. Xuyên qua lỗ. Kéo căng vào. Bắt chéo vào nhau. Xuyên qua lỗ. Kéo căng. Xong.”

Tôi nghe Bernadette nói điều này dễ đến cả triệu lần rồi. Sự thực là, tôi vẫn nghe giọng của bác vang lên trong đầu mỗi khi tôi tự thắt dây giày cho mình. Nhưng Mẹ không thể làm được. Sau vài lần thử, bà bắt đầu đập đầu cồm cộp vào bàn và thét lên: “Xong! Xong! Xong!” và chỉ ngừng lại khi cuối cùng Bernadette quỳ gối xuống thắt giúp Mẹ dây giày.

Bernadette không phải là kiểu người dễ dàng bỏ cuộc, nhưng bác hiểu rằng có vài thứ quá khó đối với Mẹ. Đó là lý do vì sao khi bác đặt mua giày cho Mẹ qua catalogue, bác luôn tìm loại giày sạch.

Tôi yêu mẹ tôi, và tôi biết bà cũng yêu mình, nhưng nếu không có Bernadette, chúng tôi sẽ gặp rắc rối to. Mẹ không biết mọi việc. Mẹ chẳng hiểu tí gì về các con số cả. Bà không thể xem giờ hay sử dụng tiền hoặc dùng điện thoại. Bà chỉ biết duy nhất một màu, màu xanh da trời, và dù bà có thể nhận ra vài ký tự - A và S, thỉnh thoảng nhận ra chữ H, - nhưng bà không thể đọc, thậm chí ngay cái tên của chính mình.

Khi tôi lên 6, Bernadette dạy tôi đọc và viết. Bác bảo, tôi học cứ như vịt vậy, tôi nhớ rằng cách diễn đạt này thật lạ lẫm. Tôi chưa từng nghe thấy một con vịt có thể đọc bao giờ. Nhưng nếu Bernadette nói tôi là một con vịt như thế, tôi tin bác ngay không chút do dự gì. Với tôi, bác biết mọi thứ cần biết, nhưng đó là trước khi tôi rời Reno để tìm từ bốn-chữ-cái và khám phá ra rằng con người chỉ biết những gì họ biết, không hơn.

Chương 3

Xin chào

MẸ CHƯA TỪNG CÓ CÔNG ẲN VIỆC LÀM, và Bernadette cũng thế. Tôi là người duy nhất trong gia đình từng được thuê làm việc. Khi bước sang tuổi thứ 9, tôi bắt đầu đi trông trẻ hai lần một tuần cho hai đứa bé sinh đôi nhà Chudacoff, họ sống ở trên tầng 6. Cô C. dạy đàn violin cho lũ trẻ hàng xóm, và tôi trông bọn trẻ cho cô với giá 2,5 đôla một giờ trong lúc cô đi dạy. Tôi kiếm được 10 đô mỗi tuần. Vào thời điểm ấy, số tiền này có vẻ rất đáng kể. Nhưng tất nhiên chẳng thấm thía vào đâu cho việc trang trải cuộc sống hai mẹ con tôi.

Đều đặn hằng tháng như một cái máy, Bernie nhận điện thoại từ công ty ga, công ty điện lực, công ty điện thoại, và chủ thuê nhà, nhưng Mẹ và tôi chưa từng phải trả bất kỳ một cái hóa đơn nào. Chúng tôi không có điện thoại, nhưng mẹ con tôi có một căn hộ hai phòng ngủ diện tích vừa phải với lò sưởi và điện đóm đầy đủ như mọi người khác; có điều chúng tôi không phải trả phí gì cả.

“Nếu Mẹ và cháu không trả phí, thế chẳng phải là nhà cháu ăn trộm hay sao ạ?” một ngày nọ tôi hỏi Bernadette như vậy.

“Ừm, bác đoán rằng vài người có thể nghĩ như thế, nhưng bác lại nghĩ khác đấy, Heidi ạ. Vài người sinh ra bị sa cơ lỗ vận và kết cục phải sống trong những chiếc thùng rác-tông trên phố. Cháu và mẹ cháu cũng lỗ vận nhưng lại khá khẩm hơn.”

Bernadette là người đầu tiên khám phá ra vận may của tôi. Chúng tôi chơi một trò chơi mới mà bác chỉ cho tôi, gọi là trò Trí Nhớ. Nó được làm bằng một ít quân bài từ bìa cứng với các hình vẽ ở trên đó, ta đem trộn chúng lại với nhau và lật úp xuống mặt bàn. Ý đồ ở đây là lật các quân bài lên từng cặp một sao cho chúng trùng hình với nhau. Trò này là để kiểm tra trí nhớ của bạn thông qua việc yêu cầu bạn cố nhớ lại mình đã nhìn thấy con mèo con hay chiếc ô lần cuối trước lúc

xáo bài xem chúng nằm ở vị trí nào, như vậy bạn có thể lật trúng các cặp bài trùng sau đó. Tuy nhiên, với tôi, trí nhớ không đóng vai trò gì trong việc này cả.

Lần đầu tiên lật, tôi lật quân bài ở giữa. Đó là một chú vịt màu vàng ươm. Rồi chẳng bởi một lý do đặc biệt nào, tôi quyết định lật quân bài phía trên bên góc trái. Thêm một chú vịt màu vàng ươm nữa.

“Đoán may đấy!” Bernadette nói.

Nhưng tôi đã đoán trúng tới hơn hai mươi lần liên tiếp. Còn Bernadette chẳng lật trúng lấy một lần nào. Mỗi lượt tôi đoán, tôi đều may mắn. Tôi chẳng hề thử trí nhớ của mình, vì tôi nhận ra rằng tất cả các quân bài đều trùng nhau không hề sai dù là một lần. Dễ ợt à. Thậm chí tôi còn chẳng phải nghĩ về việc đó - chỉ cần thò tay ra và lật quân bài này rồi đến quân bài kia là tạo ra những cặp bài trùng trùng bốc.

“Quái quỷ thật, sao cháu lại làm được điều này nhỉ, Heidi-Ho?” Bernadette hỏi, tay chống cằm, mắt ngó vào những quân bài.

Tôi chẳng biết tôi làm vậy như thế nào nữa. Nhưng khi bác xáo bài và rải úp chúng xuống bàn, tôi lại lật được hết chúng lên theo từng cặp một.

“Bác bị bịp rồi hay sao ấy,” Bernadette kêu lên.

Tôi chẳng huyền bí siêu linh gì đâu - tôi không thể tiên đoán tương lai hay nhìn thấy những chuyện đang diễn ra ở đâu đó hoặc có khả năng trò chuyện với người cõi âm. Tôi biết thế, vì sau trò chơi Trí Nhớ may mắn ấy, Bernadette thử tôi đủ các kiểu. Tôi giải thích với bác hết lần này đến lần khác rằng tôi không *nhìn thấy* những cặp bài trong đầu, mà tôi chỉ *đoán* xem chúng nằm ở vị trí nào. Nó chẳng khác thường kiểu như Tri giác ngoại cảm; đơn giản là tôi gặp may mà thôi.

Có một nơi khiến vận may của tôi trở nên có ích, đó là tiệm giặt Sudsy Duds ở góc phố. Nơi đó có một máy giặt xèng ở phía sau gần dãy nhà tắm, và tôi thực sự khoái trò này. Dù cho Bernadette không thích để tôi xuống đó nhưng tôi vẫn phải đến Sudsy Duds khá

thường xuyên. Tiền thù lao trông trẻ của tôi chỉ đủ mua sắm ở cửa hàng tạp hóa.

Bernadette sẽ chẳng ngần ngại đưa cho tôi hoặc Mẹ tới giọt nước cuối cùng mà bác có nếu chúng tôi đang sắp chết khát trên sa mạc, nhưng bác chẳng có tiền dư. Trước khi Mẹ và tôi đến Reno, Bernie sống trong căn hộ cùng cha của bác, chỉ có hai bố con ở với nhau. Vào cái đêm khi ông bước sang tuổi 75, hai cha con ra ngoài ăn tối. Ông dùng món sandwich kẹp thịt quay và hai lát bánh ngọt màu vàng; trên đường về nhà ông đột ngột qua đời bởi một cú đột quỵ. Tôi thường nghĩ đó là điều khiến tôi và Bernadette giống nhau, thực tế chúng tôi đều không có bố, song có một sự khác biệt lớn ở đây. Tôi không mất bố mình. Tôi chưa từng gặp ông, tôi không biết tên ông. Thậm chí tôi chưa từng nghĩ về ông nữa. Nhưng Bernadette đã mất bố. Ngay sau khi người cha qua đời, bác bị mắc chứng bệnh sợ khoảng rộng.

Cha của Bernie đã để lại cho bác một ít tiền. Không nhiều nhận gì, nhưng bác gửi số tiền này vào ngân hàng và gọi nó là tiền dự phòng của bác, nó chỉ vừa đủ để bác sống tằn tiện. Khi chúng tôi cần có thêm tiền mặt để mua thực phẩm hay những thứ khác ngoài các nhu cầu thường nhật, chẳng hạn bộ phận mới cho chiếc máy hút bụi, vận may của tôi giống như một chiếc hộp thiếc mà bác cháu tôi dùng để tát nước ra khỏi thuyền và giữ cho chúng tôi nổi lên trên mặt nước.

“Con biết là bác ghét việc cho con xuống kia như nào rồi đấy, nhưng chừng nào con còn chưa lạm dụng món quà của mình, Heidi ạ, hoặc Chúa cấm không cho động vào, bác không tin rằng con chơi xèng lại là một tội lỗi.” Bernadette thường nói thế mỗi khi tôi đi xuống Sudsy Duds. “Không phải tội lỗi khi ta có lý do chính đáng cho việc này. Ngày mà bác gửi con xuống kia để thử dịch lại chiếc máy đó nhằm kiếm tiền mua khăn choàng lông chồn tô điểm cho bác, thì đó là ngày bác đáng bị sét giạt chết tươi, không cần phải thắc mắc.”

Tôi không thực sự chắc là mình hiểu ý nghĩa của từ “lạm dụng món quà của mình” mà Bernadette nói, nhưng tôi thừa biết cách làm sao để không bị tóm. Ở Reno, một đũa nhóc đánh bạc là phạm luật, song có nhiều cách để lách qua luật này. Tôi vẫn thường cao hơn so với tuổi mình, và trong khi đó Bernie lại khá thấp; lúc tôi mười tuổi, tôi

có thể mặc được hầu hết quần áo của bác - thậm chí xỏ vừa cả giày của bác nữa. Có nhiều chiếc áo cánh và váy của Bernie đã cũ và bạc màu, với những chiếc cúc và khóa kéo an toàn cộc kệch. Mấy cái gấu quần thường được gấp lên bằng ghim dập vì như vậy nhanh hơn là dùng kim chỉ khâu. Tôi đứng trên ghế xem trang phục sẽ được gấp gấu lên ở điểm nào, và Bernie đi vòng quanh tôi với chiếc ghim dập trong tay, bấm nhanh chỗ nọ chỗ kia của mép gấp cho đến khi tươm tất mới thôi.

Tóc tôi sẫm màu, dày và quấn kinh lên được. Thịnh thoảng, nó rối thành búi, chỉ có một cách chải cho phẳng là lấy nhíp cắt móng tay cắt bỏ mấy cái nút thắt ấy đi. Ước gì tóc tôi có thể thẳng dài như tóc của Bernie. Khi tóc của bác buông xõa, bác có thể gấp đuôi tóc lại và ngồi được lên trên nó. Tôi cố nuôi cho tóc mình dài được như thế, nhưng vì vài lý do chúng chẳng bao giờ vượt quá được xương vai tôi cả. Bernie chải chuốt tóc cho tôi vào mỗi buổi sáng và hằng đêm trước khi đi ngủ. Bác gọi nó là cái bờm bất kham và chúng tôi đùa rằng bác là người duy nhất thực sự có thể thuần phục được nó. Khi tôi cần đến Sudsy Duds, bác sẽ ấn tôi ngồi xuống một chiếc ghế trong bếp và thực hiện “công việc”. Bernie chải ngược tóc tôi lên đỉnh đầu, tết bím và cột nó lại thành một kiểu tóc mà bác gọi là “bánh xoắn”.

“Y chang Tippy Hedren^[1] trong phim *Những chú chim*,” bác bảo tôi.

Với mái tóc vẫn cao, mặc một bộ đồ của Bernie và đôi giày mềm gót thấp, tôi chỉ cần đánh chút son môi là có một bề ngoài tươm tất.

“Nhớ tàng hình nha, Heidi.” Bernadette nói vậy khi thắt ngay ngắn gọn gàng chiếc khăn choàng qua đầu tôi để giữ cho tóc không bị gió thổi bung ra. “Và nhớ điều này, bé con, hãy lắng nghe những đôi mắt.”

Bernie cho rằng chỉ có một cách duy nhất để biết một người có đáng tin cậy hay không đó là lắng nghe những gì đôi mắt nói với ta.

“Người ta có khối chiêu để giấu không cho con biết họ thực sự là người như thế nào, Heidi ạ, nhưng tin bác đi, mắt họ luôn cho biết họ là ai,” bác nói.

Bernie có thể nhìn thấy mọi thứ qua cặp mắt của người khác mà tôi chẳng thể nhận ra. Bác buộc tôi tập luyện bằng cách nhìn vào các hình có những khuôn mặt người trong tạp chí. Với tôi, họ luôn là những con người hết sức dễ thương, nhưng rồi Bernie sẽ chỉ ra cho tôi thấy rằng mình đã bỏ qua một ánh nhìn tầm thường bất kỳ như thế nào, hoặc một lớp mí mắt sụp xuống đã đánh lừa tôi khỏi bản tính đáng ngờ của người đó.

Tôi luôn thắng bạc khi tới Sudsy Duds, đủ để chi trả cho những gì mà chúng tôi cần. Tôi sẽ mang về nhà số tiền được bạc của mình, và Bernie vận nước nóng từ vòi ra chậu, rửa sạch tất cả số tiền ấy. Bác rửa cẩn thận từng đồng tiền được mang vào nhà - cả tiền xu lẫn tiền giấy.

“Con sẽ chẳng thể biết được những đồng tiền này từ đâu tới, hoặc ai đã từng chạm vào nó,” bác nói.

Tôi thích ngắm những tờ tiền xanh xanh khi bác treo chúng lên tay nắm vòi sen để hong khô. Khi tôi mang về nhà những đồng niken, bác sẽ cọ rửa chúng bằng giẻ rửa bát cho đến khi chúng sáng bóng cả lên. Rồi bác trút chúng ra một chiếc khăn tắm lớn trên bàn bếp để lau khô, sau đó tôi cẩn thận lật sắp tất cả chúng xuống.

“Chúng hợp đôi với nhau thì may mắn đấy,” tôi nói.

“Tùy cháu, Heidi-Ho à. Mà cháu thật sự là một chuyên gia trong lĩnh vực may mắn ở cái nhà này đấy nha. Chúa trời biết rằng vận may của cháu lý giải được rất nhiều điều,” Bernadette thường bảo vậy.

“Nó lý giải điều gì ạ?” tôi hỏi.

“Lý giải việc cháu và mẹ cháu xuất hiện ở ngoài cửa nhà bác ra sao.”

“Chúng cháu đã xuất hiện như thế nào ạ?” Tôi hỏi, mặc dù tôi đã nghe câu chuyện nhiều đến mức chẳng thể đếm nổi nữa.

Chúng tôi không biết chính xác sinh nhật của tôi là ngày nào vì tôi không có giấy khai sinh, và Mẹ thì không nhớ được mình sinh ra ngày nào, chứ đừng nói là nhớ được ngày sinh của tôi. Vì thế chúng

tôi tổ chức sinh nhật Mẹ vào ngày mười hai tháng hai hằng năm vì ngày đó gần với ngày mà bà có thể hình dung ra, sinh nhật tôi thì được tổ chức chậm hơn một tuần, vào ngày mười chín tháng hai, đó là ngày Bernadette tìm thấy Mẹ và tôi đứng trên hành lang phía ngoài căn hộ của bác.

Theo lời kể của Bernie, bác nghe thấy âm thanh thốn thức và nghĩ rằng một con mèo của bác đã tìm cách thoát ra ngoài mà không thể quay vào nhà được. Bác mở hé hé cửa trước và nhìn thấy Mẹ mặc áo mưa đang đứng đó, đôi chân trần của bà dính đầy những vệt bùn đã khô cong. Và bác nhìn thấy tôi được bọc trong một tấm chăn, đang oe oe khóc.

Tất nhiên tôi chẳng thể nào nhớ được chuyện đó, nhưng nghe Bernadette kể đi kể lại, nhiều đến nỗi chính tôi cảm giác rằng mình trải qua tình huống này. Bernie nói trong đời mình bác chưa từng nhìn thấy hoàn cảnh nào thương tâm hơn thế. Bác mở rộng cửa hơn chút nữa, rồi Mẹ ôm tôi bước vào căn hộ của bác và vĩnh viễn bước thẳng vào trái tim bác. Dẫu sao thì đó là những gì mà Bernie đã kể.

Mẹ trao tôi cho Bernie cùng với một bình sữa rỗng không và một hộp sữa bột công thức, đoạn bà bước tới ngồi xuống chiếc ghế lớn màu xanh da trời cạnh cửa sổ, đợi ở đó với cánh tay phải cong oằn xuống, và cánh tay trái đặt trên đùi, như thể bà đang ôm trong lòng một đứa trẻ vô hình.

Tôi chẳng phải là một đứa trẻ thơm tho mà bác tình cờ vớ được, vì thế, Bernadette vặn nước ấm vào chậu rửa trong bếp và tắm tấp cho tôi. Tất nhiên làm sao bác đào ra nổi một cái tã trong nhà, nên bác quấn tôi trong một chiếc khăn lau chén bát với đoạn băng dính. Sau khi tắm cho tôi sạch sẽ, bác ôm tôi vào lòng trong lúc pha sữa, rồi đưa tôi đến bên Mẹ, thả tôi vào vòng tay của bà đang chờ sẵn. Mẹ cho tôi bú bình, tôi mút lấy mút để nếm vú cao su khiến Bernadette nghĩ tôi có thể bị sặc cũng nên. Rồi tôi lăn ra ngủ, đến lúc đó, không nói một lời, Mẹ đứng dậy và bước ra khỏi nhà, khép cánh cửa sau lưng lại.

Bernie quan sát qua khe cửa khi Mẹ mang tôi vào căn hộ của chúng tôi.

Bernie nói, cả ngày hôm ấy bác lo lắng cho mẹ con tôi, nhưng vì chứng A.P nên bác không thể đi đến gõ cửa nhà chúng tôi. Điều đó dày vò bác ghê gớm, biết rằng chúng tôi ở ngay nhà bên trong khi bác thì không thể sang với chúng tôi được. Nhiều lần bác mở hé cửa nhà mình và gọi to, hy vọng Mẹ có thể nghe thấy và mở cửa, nhưng chuyện đó không xảy ra. Bởi thế bác đi đi lại lại trong căn hộ của mình suốt nhiều giờ liền, cố hình dung xem phải làm gì.

Bác nghĩ tới việc gọi cho cảnh sát, nhưng bác sợ rằng có thể họ không biết làm sao cho đúng với Mẹ và tôi. Bernie chẳng tin ai ở bên ngoài cả. Bác nghĩ đến việc thử bò sát mặt đất ra sảnh để sang với chúng tôi. Nhưng bác biết rằng mình sẽ không làm thế. Đó là lúc Bernie nhớ ra có một cánh cửa cũ một lần bác để ý thấy ở phía sau của phòng kho tại hành lang. Bác chạy vào nhà kho, tháo dỡ ngăn dưới cùng của mấy chiếc giá đựng đồ và kéo chúng ra, thế là bác có thể đến gần để áp tai vào cánh cửa. Bác nghe thấy tiếng tôi khóc ở phía bên kia!

Không có tay nắm trên cánh cửa, nhưng nó không bị bịt kín bằng ván hay đóng đinh gì cả, vì thế bác lấy một cái tua vít và chọc vào chỗ lề ra là nơi của tay nắm cửa. Với vài cú đẩy nhẹ và cánh cửa bật mở “cứ như nắp lọ dưa muối vậy”. Tôi ở đó, nằm trên một chiếc gối giữa sàn bếp, vẫn quấn trong chiếc khăn lau chén bát ướt sũng, khóc ré lên trong khi hai bàn tay nắm chặt như hai quả táo tây dại, Mẹ cuộn mình trong chiếc áo mưa ngay bên cạnh, có vẻ như đang ngủ.

Kể từ hôm đó trở đi, Bernadette đi qua đi lại cánh cửa cũ nối giữa hai căn hộ. Bác dạy Mẹ cách hâm nóng sữa và nhúng cùi chỏ xuống nước để kiểm tra xem nước trong vò đã vừa hay chưa. Những gì Bernadette không thể dạy Mẹ làm cho tôi, bác tự tay làm hộ. Đọc và hát cho tôi nghe. Dạy tôi đọc và viết. Bernadette nói, bác nghĩ rằng tôi là đứa bé may mắn, nhưng cái ngày mà bác bước qua cánh cửa nối liền hai căn hộ và tìm ra Mẹ với tôi trên sàn bếp có thể đó chính xác là giây phút vận may của tôi được bắt đầu.

Chương 4

Soof

BERNADETTE NÓI, khi lần đầu bước vào căn hộ của mẹ con tôi, nó hầu như trống trơn. Có vài món đồ nội thất cộc cạch, ít quần áo treo trong tủ đựng đồ, mấy thứ linh tinh lặt vặt trong ngăn kéo bếp và tủ bếp, vài món đồ của trẻ sơ sinh, một hộp Juicyfruits, nhưng trong hộp cũng chẳng còn nhiều kẹo nữa. Bác nhìn quanh xem có vật gì được ghi tên trên đó không, thư từ hoặc sổ địa chỉ, ví tiền, nhưng chẳng có gì cả. Bác nói, cứ như thể Mẹ và tôi từ trên trời rớt xuống vậy.

Tôi không chắc Bernadette có thói quen cố hữu lưu giữ những món đồ lặt vặt hay là vì chúng đều cần thiết mà bác chưa bao giờ vứt một thứ gì đi cả. Trước khi tôi có thể đi xuống cầu thang để vứt rác, nếu thứ gì đó không vừa máy nghiền rác hoặc không thể cắt nhỏ ra và dội xuống toilet, bác thường hay treo nó lên. Bác có vô số đồ nội thất nhồi nhét trong căn hộ của mình, đủ để trang bị cho phòng Mẹ và phòng tôi mà không hề làm suy giảm đồ đạc nhà bác. Rất nhiều món đồ chúng tôi sử dụng được vá vúi hay dính với nhau bằng băng keo, nhưng như Bernadette nói, thật là không khôn ngoan nếu vứt đi những món đồ khi chúng còn tốt.

Bernie hỏi Mẹ hàng đống câu hỏi sau khi bác tìm thấy chúng tôi, nhưng bác nhanh chóng nhận ra, cho dù Mẹ đã hiểu được câu hỏi thì bà không có từ ngữ để trả lời. Thông tin duy nhất Bernadette có thể cố gắng xoay xở để thu nhận được từ Mẹ đó là tên của chúng tôi - Heidi và So Be It. Đó là những gì Mẹ nói cho Bernie về tên của bà, So Be It. Bernadette không thể nào tin được đó là tên thật, vì thế bác cứ hỏi đi hỏi lại, nhưng câu trả lời luôn luôn giống nhau. So Be It.

“Mọi người đều xứng đáng có một cái tên chính và họ cho tử tế, nếu có từ lót ở giữa thì hay hơn đấy,” Bernie nói.

Vậy là Mẹ trở thành So B. It, và họ của bà, thật kỳ lạ, trở thành họ của tôi. It.

Khi tôi được năm tuổi, đó là tuổi mà hầu hết mọi đứa trẻ bắt đầu đi nhà trẻ, còn tôi không được tới trường. Bernadette quyết định giữ tôi ở nhà và tự bác dạy học cho tôi. Tôi chẳng bao giờ tự hỏi vì sao mình không được làm những gì mà mọi đứa trẻ năm tuổi khác đang làm, vì tôi đâu có biết. Tôi chẳng quen biết bất kỳ một đứa trẻ năm tuổi nào. Thực tế, tôi không quen biết bất kỳ đứa nhóc nào cả. Trừ Zander.

Zander là tên gọi tắt của Alexander. Cậu hơn tôi vài tuổi, và cậu ta rất mập. Bernadette nói với tôi rằng thật thô lỗ khi nói người nào đó là mập cho dù người đó quả có mập thật, nhưng xét về cách cậu ấy gọi tôi lần đầu tiên hai đứa gặp nhau, tôi thấy thế lại hay. Lúc đó tôi đi xuống cầu thang đổ rác.

“Từ ree-tard nghĩa là gì ạ?” Khi tôi từ dưới cầu thang quay lên nhà, tôi hỏi Bernadette.

“Trong âm nhạc, đó là phát âm của từ rih-tard, viết tắt của từ tiếng Ý ritardando, có nghĩa là chơi chậm lại,” bác trả lời.

“Khi từ đó được đánh vần là ree-tard bằng tiếng Anh và ai đó nói từ đó với ta thì có nghĩa là gì ạ?” tôi lại hỏi.

“Thường ai nói thế thì người đó là kẻ tối dạ.”

“Vậy Zander ở tầng dưới là kẻ tối dạ ư?” Tôi hỏi.

“Bác đoán thế,” bác đáp.

Sự thực là, Zander không thông minh cho lắm, và vì ấn tượng đầu tiên của tôi về cậu ấy là cậu chàng cũng chẳng tử tế mấy, bởi vậy tôi tránh mặt Zander. Rồi một lần đi đổ rác khác, tôi đi ngang qua cậu chàng đang ngồi ở bậc cầu thang, và thật bất ngờ, Zander mời tôi một trong hai gói bánh Twinkle^[2] mà cậu đang ăn. Bernadette không cho phép quà vặt xuất hiện trong căn hộ. Bác nói, như thế là phí tiền, và bên cạnh đó, nó còn không tốt cho chất xám nữa. Zander khoái quà vặt. Càng nhiều quà vặt càng tốt, tôi đoán rằng điều đó minh chứng cho nhận xét của bác. Bên cạnh quà bánh vặt, Zander

còn thích bóp nhết kiến giữa các ngón tay, nhưng hơn hết thấy là cậu chàng thích trò chuyện.

Dần dà, giữa tôi và Zander phát triển một nghi thức. Chúng tôi sẽ gặp nhau ở cầu thang vào các buổi chiều lúc ba giờ mười lăm phút khi cậu đi học về và vẫn vợ chơi cửa trước. Có hàng đồng thứ ở Zander mà tôi thực sự chẳng ưa. Cậu ta nói năng cộc cằn, không phải lúc nào cậu ta cũng thơm tho đâu nhé, và tôi chẳng chịu được cách cậu ta làm với lũ kiến, nhưng tôi thích lắng nghe Zander nói.

Mọi việc ổn thỏa ngay khi chúng tôi ngồi xuống, Zander sẽ cho tôi một vốc quà vật, bất kể là loại gì, mà cậu ấy đang chén ngày hôm đó để cho tôi bận bịu với nó. Rồi Zander sẽ bắt đầu với một trong những câu chuyện của cậu. Cậu ấy thích kể chuyện. Zander có một số chuyện ưa thích mà cậu ấy kể đi kể lại suốt - chẳng hạn như chuyện nhặt được trên vỉa hè một túi đựng những tờ một trăm đôla và bỏ nó vào hộp bánh bằng thiếc rồi chôn trong rừng cây. Cậu ấy còn thích khoe khoang khoác lác rằng bố mình là một anh hùng trong chiến tranh nữa cơ.

Ở trên lầu với Bernadette, việc trò chuyện thật dễ dàng. Chúng tôi kể cho nhau nghe những gì chúng tôi nghĩ trong đầu hoặc chúng tôi cảm thấy thế nào hay vài điều thú vị mà cả hai tưởng tượng ra. Những từ ngữ cứ tuôn ra một cách tự nhiên. Nhưng khi Zander nói, chín trên mười lần là cậu ta thêm mắm thêm muối vào câu chuyện. Sau mỗi chuyện bịa không thấy ngượng miệng, cậu ta nói, “Đó là sự thực của Chúa, tớ lấy mẹ tớ ra để thề độc đấy,” và tôi nghiêm nghị gật đầu cho Zander thấy tôi hoàn toàn tin vào điều mà cậu ta vừa nói.

Tôi đâu có ngốc - tôi biết Zander đang nói dối như cuội, nhưng tôi chẳng muốn ngăn cậu ấy lại. Tôi bị thôi miên bởi những chuyện bịa của cậu ấy. Bernadette từng nói với tôi rằng người ta nói dối khi sự thực quá nặng nề để chấp nhận nó, vì thế mỗi ngày khi tôi ngồi đó nhăm nháp chỗ quà vật dành cho mình với cặp mắt dán chặt vào khuôn mặt Zander, tôi chỉ lắng nghe một cách lơ đãng với một bán cầu não. Nửa não còn lại của tôi còn mãi suy luận ra sự thực của câu chuyện.

Lúc tôi gặp Zander là khi cậu ấy học lớp ba. Cậu tới trường tiểu học Scarlett ở trên phố South Side. Khi Bernadette quyết định không gửi tôi tới trường, bác nói với tôi rằng nếu có ai hỏi, tôi phải nói rằng mình đang học tại gia.

Chúng tôi “tới trường” vào các buổi sáng tại bàn bếp. Lớp học bắt đầu khi Mẹ cùng ngồi xuống với chúng tôi - đặc biệt là lúc chúng tôi đang cùng học chữ cái. Nhưng sau đó tôi đã học được tất cả mặt chữ và cả số nữa, vì thế tôi chuyển sang học những thứ khác, các buổi sáng trở thành thời gian về màu sắc của Mẹ. Bernadette mua cho Mẹ đủ các loại sách về màu sắc, và chúng tôi có một hộp đựng giày lớn đầy ắp các cây bút chì màu. Mẹ yêu thích sắc màu. Bà không giới hạn sở thích sắc màu của mình, và bà chỉ sử dụng một màu cho mỗi lần vẽ, nhưng Mẹ rất vui sướng và điều đó giữ cho bà bận rộn trong lúc Bernie dạy tôi học.

“Xanh,” Mẹ sẽ hô to lên với chúng tôi từ một phòng khác mỗi khi hoàn thành một bức vẽ.

“Tiếp tục đi, Picasso!” Bernie sẽ nói to lại với Mẹ như vậy.

Mẹ dùng tất cả các cây bút chì - màu vàng, màu hồng và màu tôi ưa thích, màu tím, nhưng cho dù bà dùng màu gì chẳng nữa, bà đều gọi nó là màu xanh. Thịnh thoảng tôi lo rằng có lẽ lý do Mẹ chỉ có một từ cho các sắc màu là vì bà chỉ nhìn thấy duy nhất một màu. Điều đó khiến tôi buồn bã nghĩ rằng trong thế giới của Mẹ có lẽ không có màu hồng hay vàng hoặc là màu tím. Nhưng tôi biết Mẹ yêu tôi cho dù bà không có từ ngữ để nói ra với tôi, vì thế tôi quyết định rằng điều đó tương tự với sự thật về các sắc màu - Mẹ không có từ để diễn tả chúng thì không có nghĩa rằng bà không thể nhìn thấy chúng.

Vào các buổi chiều, sau giờ “tan trường”, Mẹ và tôi thường đi mua sắm và làm các việc vặt. Bernadette sẽ đưa cho chúng tôi một danh sách những việc cần làm. Vài từ trong số đó sẽ được làm rõ bằng chữ viết hoa - BÁNH MÌ, SỮA, TRỨNG - nhưng nếu có gì tôi không thể đọc được, chẳng hạn như kẹo Jujufruits, bác sẽ vẽ một hình nhỏ về nó cho tôi thấy. Ban đầu chúng tôi chỉ có thể đến những địa điểm không phải qua đường vì cả Mẹ và tôi không biết làm sao qua đường cho an toàn cả. Sau đó Bernadette bắt chúng tôi tập qua

phổ bằng cách đặt những khăn tắm ngang sàn phòng bếp và dạy chúng tôi nhìn hai hướng trước khi bước qua chúng. Mẹ rất sung sướng nắm tay tôi và bà cũng quan sát hai hướng, nhưng tôi có thể nói rằng bà không biết mình định tìm kiếm thứ gì.

Tôi bắt đầu biết vài người tốt bụng ở ngoài phố. Các cô thu ngân ở cửa hàng tạp phẩm, Frances và Cathy, và sau đó là người thủ thư ở thư viện công cộng, bà Copoleman. Thỉnh thoảng khi Mẹ và tôi ra phố, tôi nhìn thấy lũ trẻ có vẻ trạc tuổi tôi. Tôi nhớ rằng mình từng nghĩ là sẽ thật vui khi chơi với chúng, nhưng mỗi khi chúng tôi dừng ở công viên để chơi xích đu hoặc ngồi trên ghế đá và cho lũ sóc chén vụn bánh mì, lũ trẻ lại thì thầm điều gì đó và lảng xa khỏi mẹ con tôi.

Ta không thể thực sự biết về bộ não của Mẹ chỉ bằng cách nhìn vào bà, nhưng điều đó trở nên rõ ràng khi bà lên tiếng. Giọng của bà cao vút, giống như một đứa bé gái, và bà chỉ biết vồn vện có hai mươi ba từ. Tôi biết điều này từ thực tế, vì chúng tôi giữ một danh sách những từ Mẹ nói, ghim nó ở tủ bếp. Phần lớn từ ngữ khá quen thuộc, giống như tốt và nữa hay nóng, nhưng có một từ duy nhất Mẹ nói thì rất đặc biệt, *soof*.

“Bác nghĩ xem mẹ cháu nói từ ấy có nghĩa là gì ạ?” tôi hỏi Bernadette.

“Chỉ mình mẹ cháu biết điều đó thôi,” Bernadette đều trả lời như vậy mỗi khi tôi hỏi câu này.

Cái từ đó, *soof*, trở nên giống như một tiếng u u nho nhỏ bập bính vào đầu tôi, châm chích tôi nên tôi không thể nào quên được là nó đang nằm ở trong đó. Tôi nhận ra mình nghĩ về nó ngày càng nhiều.

“Hẳn phải có một cách nào đó để tìm ra nghĩa của từ này là gì,” tôi nói với Bernie.

“Không cần thiết đâu, Heidi.”

“Chà, nó phải có nghĩa gì đó nếu không Mẹ đã chẳng nói ra. Mẹ biết từ đó có nghĩa là gì.”

“Có lẽ thế, nhưng điều đó không có nghĩa là cháu sẽ tìm ra được. Tin bác đi, Heidi, có vài thứ trong cuộc sống mà một người không thể

biết được.”

Vấn đề là, tôi không tin vào bác, và nhiều thứ sẽ phải xảy ra trước khi tôi khám phá được về nó.

Bernadette nói với mẹ tôi cùng kiểu mà bác nói với lũ mèo của mình. Nghe cứ như hát vậy.

“Cô em Cung yêu quý! Đầu rồi nhỉ, cô em Cung yêu quý của tôi ở đâu rồi nhỉ?” Bernie gọi mỗi sớm mai khi bác bước qua cánh cửa thông hai căn hộ để giúp tôi đánh thức Mẹ dậy và thay đồ.

Rước mẹ dậy vào mỗi sáng thường khá khó khăn, trước khi bà học được cách tự đánh răng và chải đầu. Dần dà công việc cũng dễ dàng hơn, trừ việc thật khó mà đoán được khi nào Mẹ sẽ làm bánh nhân hoặc làm mình làm mẩy, như Bernie thỉnh thoảng gọi như vậy. Tôi nghĩ cả hai bác cháu đều cảm thấy rằng tốt hơn hết là chúng tôi cùng ở bên cạnh trong mọi trường hợp.

Cô em Cung yêu quý, hay thường thì là Cung, là cách mà Bernie gọi Mẹ.

“Nếu như, Lạy trời đừng có chuyện đó, So Be It là tên thật của cô ấy, bác hy vọng là bác sẽ không bao giờ phải gặp người đã sinh ra một tâm hồn hiền hòa như mẹ cháu và ném một cái tên chẳng ra tên cho cô ấy. Điều đó thật sự tàn nhẫn.”

“Tại sao lại tàn nhẫn ạ?” tôi hỏi.

“So Be It nghĩa cũng giống với từ amen.”

“Giống như trong Kinh thánh ư?”

“Đúng. Thực ra, nó là từ cuối cùng trong Kinh thánh. Amen. Đó là từ cháu nói khi một điều gì đó kết thúc và đã được hoàn thành, Heidi ạ.”

“Giống như là từ *chấm hết* ấy ạ?” tôi hỏi.

“Chính xác,” Bernadette đáp. “So be it. Chấm hết. Trong suy nghĩ của bác, sự bắt đầu của một cuộc đời, đặc biệt nếu nó dường như được trù liệu trước để trở thành một cuộc đời đầy thử thách, thì rất xứng đáng một cái tên nhiều hy vọng nhất mà ta có thể có được. Một cái tên của sự khởi đầu. Chẳng hạn như Bình Minh. Hay Hy vọng. Hoặc là Rạng Đông.”

“Vậy Heidi có là một cái tên nhiều hy vọng không ạ?” tôi hỏi.

Bác nở một nụ cười với tôi và chạm vào má tôi.

“Tràn đầy hy vọng,” bác nói. “Dẫu sao đi nữa, bác hình dung đó là do bà ngoại cháu đã có một ý niệm buồn khi đặt cho mẹ cháu cái tên đó, và bác sẽ nói cho cháu một điều nhé: nếu bác gặp được bà ngoại cháu, bác sẽ phê bình thẳng tay cho mà xem.”

Tôi biết điều đó thật lạ kỳ, nhưng trước khi Bernadette đề cập đến bà ngoại tôi như thế, tôi chẳng có ý nghĩ băn khoăn rằng mình có một bà ngoại hay không. Bernie thường nói như thể Mẹ và tôi từ trên trời rơi xuống, và đến tận lúc tôi đoán rằng mình chỉ vừa mới hình dung ra mẹ con tôi có bà ngoại.

“Mẹ cháu có Mẹ đẻ chứ ạ?” tôi hỏi.

“Ai mà chẳng có mẹ,” bác đáp lời tôi.

“Vậy bà ấy ở đâu?”

“Đó thực sự là một câu hỏi khác đấy,” bác trả lời.

“Vậy câu trả lời là gì ạ?” tôi hỏi tiếp.

Bernadette phá lên cười.

“Bác sẽ không nói rằng không có câu trả lời, vì bác thừa biết cháu nên hiểu rằng nói vậy sẽ làm cháu thất vọng, Heidi-Ho à.”

“Người ta không thể biến khỏi mặt đất này mà chẳng có ai nhận ra điều đó, phải vậy không ạ?” tôi hỏi.

“Không, không thường xuyên như vậy,” Bernadette nhẹ nhàng đáp.

Bernadette là người lập danh sách cực tốt, và một khi bác đã dạy cho tôi tự đọc và viết được, bác cũng dạy tôi thói quen lên danh sách. Phần lớn danh sách của bác là chuyện mua sắm và những việc cần làm. Vài danh sách của tôi cũng giống như thế - mấy cách để theo dõi công việc, giống như danh sách từ vựng của Mẹ dán trên cửa tủ đựng chén bát, nhưng tôi cũng làm những danh sách khác nữa. Một trong những danh sách đầu tiên mà tôi nhớ là “Những điều tôi biết về Mẹ”. Danh sách ấy chẳng nhiều nhận gì.

NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT VỀ MẸ

Tên: So B. It

Thật hiển nhiên, tôi chẳng phải là một người lập danh sách tốt khi lập ra danh sách này, vì dĩ nhiên tôi biết rất nhiều thứ về Mẹ hơn là chỉ vồn vện một cái tên. Tôi có thể ghi ra rằng bà cao đúng 1m52 khi đi chân trần, và bà có cặp mắt màu lam nhạt như mắt tôi, có điều to hơn. Và tôi có thể nói rằng bà thật xinh đẹp, mái tóc bà thẳng mượt, chứ không xoắn tít như tóc tôi, và rẽ ngôi giữa nên chúng buông rủ như hai tấm rèm ở hai bên khuôn mặt. Tôi cũng biết những điều khác nữa. Ví dụ như Mẹ ghét đeo tất, những ngày mưa khiến bà căng thẳng và hầu như bà làm tất cả mọi việc được yêu cầu nếu ta hứa sau đó thưởng cho bà kẹo Jujufruits - miễn là đừng đưa cho Mẹ chiếc màu xanh lá cây. Tôi có thể ghi ra giấy tất cả những điều ấy, và hơn nữa, nhưng như tôi đã nói, khi đó tôi không giống một người lập danh sách. Tôi giữ danh sách của mình trong một cuốn sổ tay bìa đỏ đóng gáy xoắn có dòng kẻ, và thỉnh thoảng tôi ước mình vẫn giữ được nó để nhắc nhở tôi nhớ mình là ai trước đây.

Sau khi Bernadette nêu lên vấn đề bà ngoại tôi đặt cho Mẹ một cái tên chẳng có tương lai, tôi bắt đầu ngẫm nghĩ về những điều trước đây mình chưa từng nghĩ tới.

“Cháu là ai ạ?” tôi nhớ một ngày nọ mình đã hỏi Bernadette khi chúng tôi ở trong bếp.

“Cháu là cô bé yêu-u-u-u dấu, con búp bê yêu dấu của ta,” bác đáp lại tôi bằng một câu hát.

“Không, bác Bernie à. Cháu thực sự là ai chứ?” tôi hỏi lại.

“Cháu là Heidi. Heidi It.”

“Chỉ thế thôi sao?” tôi băn khoăn.

“Theo bác thế là quá đủ rồi. Cháu muốn biết gì hơn về con người cháu hiện nay nào?”

“Một người không nên biết về lịch sử của họ ư?” tôi hỏi.

“Cháu muốn biết gì về lịch sử đó nào?” Bernie hỏi lại.

“Hàng đồng thứ ấy chứ ạ.”

“Chẳng hạn như?”

“Như, cháu sinh ra ở đâu và ai đặt tên cho cháu là Heidi?”

“Có lẽ cháu được đặt tên theo một cuốn sách hay tên phim. Bộ phim có nữ diễn viên Shirley Temple thủ vai đó.Ồ, bác mới yêu những phim cô ấy diễn xuất làm sao.”

“Nhưng ai đã xem bộ phim đó chứ? Mẹ ư? Hay bà ngoại cháu?”

“Điều đó thì có gì khác nhau nào?” Bernie bảo.

“Người ta không có bốn phận phải đoán xem mình là ai, mà họ có bốn phận là phải biết họ là ai chứ,” tôi đáp.

“Cháu biết mình là ai mà, Heidi, và cháu cũng có một lịch sử chớ bộ.”

“Nhưng mà đâu có ngay từ khi mới được sinh ra,” tôi cự lại. “Chỉ từ khi Mẹ và cháu gặp bác thôi à.”

“Chuyện gì xảy ra trước đó không thành vấn đề, nhóc cưng ạ. Nó là một điều đáng để trân trọng, vì nếu nó không xảy ra, cháu và bác đâu có đứng ở đây ngay bây giờ để mà có cuộc nói chuyện này.”

“Con người ta có quyền biết được khởi đầu của mình chứ,” tôi khẳng khái.

“Bác cho là một người có quyền muốn biết điều đó,” bác đáp.

Không lâu sau đó tôi quyết định tạo một danh sách mới. Thay vì những thứ mà tôi biết về Mẹ, đây sẽ là một danh sách gồm tất cả những điều tôi không biết về bà. Có quá nhiều thứ, tôi có cảm giác rằng khi mở cuốn sổ tay ra, danh sách này sẽ trở thành một danh sách dài nhất mà tôi từng lập nên. Tôi hình dung nó dài tới mức sẽ kéo lên đến mặt trăng và từ mặt trăng trở xuống.

Tôi bắt đầu theo thông lệ, bằng cách viết cái tiêu đề lên trên cùng.

NHỮNG ĐIỀU TÔI KHÔNG BIẾT VỀ MẸ

Đoạn tôi viết xuống điều đầu tiên hiện ra trong óc:

Soof là gì?

Và đến đây thì có một chuyện thật nực cười: một khi viết ra câu đó, tôi không thể nào viết tiếp được nữa. Tôi nhìn chăm chăm vào trang giấy trong một lúc lâu, nhưng tất cả các câu hỏi khác mà tôi từng suy nghĩ dường như thật nhỏ bé và chẳng chút quan trọng so

với điều này. *Soof* là gì? Những từ ngữ lớn dần lên trong đầu tôi; khi tôi nhìn nó, những con chữ giãn nở ra và nhòà vào nhau, trải dài dọc trang giấy và chảy tràn ra mép cuốn sổ như món trà sữa bị đổ, cho tới khi câu hỏi lớn đến mức tôi có thể hình dung nó kéo dài lên tận mặt trăng và từ mặt trăng chạy lộn trở xuống.

Chương 5

Suyt

HỒI TÔI CÒN BÉ TÍ TEO, trước khi có thể đi ra ngoài, chúng tôi phải mua hàng qua hình thức giao tận nhà - đồ tạp hóa, quần áo, tất cả mọi thứ. Mẹ không thể tự đi mua hàng vì bà không biết đọc hay tiêu tiền, và tôi thì quá nhỏ để ra ngoài cùng Mẹ. Tôi nghĩ Bernadette thích cách đó hơn - tất cả chúng tôi cùng nhau ở nhà. Bernie rất giỏi trên điện thoại - bác có thể nói chuyện với người ta để họ phá lệ và giúp chúng tôi đủ mọi chuyện. Thịnh thoảng, vài người không sẵn lòng mang cho chúng tôi những thứ mà chúng tôi cần, và rồi chuyện đó lại được thực hiện, cho dù đó là vấn đề gì đi chăng nữa thì chúng tôi không bao giờ bỏ cuộc.

Nhưng Mẹ và tôi thì đối lập với Bernadette. Chúng tôi muốn được ra ngoài. Tôi thường ngồi trên lòng Mẹ trước cửa sổ, và cả hai chúng tôi cười phá lên khi lũ chim sẻ sà xuống ngưỡng cửa hay những chiếc xe bấm còi inh ỏi dưới phố. Một lần nọ khi đã lớn lớn, tôi bắt đầu nài nỉ Bernie để Mẹ và tôi cùng nhau đi mua sắm. Rốt cuộc bác đã nhượng bộ. Ban đầu, chúng tôi chỉ được phép đi quanh khu nhà, vì ra phố thì phải qua đường. May mắn là có quầy tạp hóa Double D ở góc phố. Bernie đứng ở cửa, hai tay xiết chặt vào nhau trong suốt thời gian mẹ con tôi đi vắng, nhưng Mẹ và tôi lại yêu thích Double D. Chúng tôi thích đẩy xe đựng hàng giữa các lối đi, và nhấm nháp hàng nếm thử là những mẫu pho mát vàng ươm hay bánh nướng xốp mà thịnh thoảng họ để trên quầy tính tiền. Trên đường về nhà, Mẹ con tôi nắm tay nhau và cười ầm ĩ trước lũ bồ câu nhón nháo vù bay lên khi cả hai đi ngang qua chỗ chúng. Tôi thích được đi ra ngoài với Mẹ. Nhưng mọi chuyện đã thay đổi vào cái ngày chiếc máy hút bụi bị vỡ.

Chiếc máy hút bụi của chúng tôi là một cái thùng cổ lỗ với bộ tản nhiệt trông cứ như một tàu tên lửa chuẩn bị lao thẳng vào khoảng không. Sau khi nó bị vỡ, Bernie gọi điện thoại khắp nơi và nhận ra rằng chẳng ai sửa loại máy đó nữa và chỉ duy nhất một cửa hàng ở Reno có bộ phận mà chúng tôi cần để thay thế cho nó. Họ chẳng gửi bộ phận này đến cho chúng tôi, mà nơi đó quá xa để có thể đi bộ, vì thế tôi năn nỉ Bernie để Mẹ và tôi đi xe buýt.

“Năn nỉ bác đó, bác đồng ý nha?” tôi xin xỏ.

Trước đó tôi chưa từng đi xe buýt lần nào cả, nhưng tôi đã nhìn thấy chúng đi qua phía dưới cửa sổ nhà mình cả triệu lần rồi và tôi thèm trèo lên một chiếc xe như vậy kinh lên được. Bernie có vẻ miễn cưỡng, nhưng tôi mè nheo cho đến khi rốt cuộc bác chỉ cho tôi phía ngoài cửa sổ nơi xe buýt dừng ở đâu rồi đưa cho Mẹ và tôi đủ tiền lẻ để mua vé khứ hồi cho hai người.

“Đó là một khu dân cư khác hoàn toàn, Heidi à. Tất cả đều xa lạ. Hết sức cẩn thận nha. Đừng trò chuyện với bất kỳ ai. Thậm chí đừng nhìn họ, và con nhớ không được buông tay mẹ ra phút nào đâu đấy. Không an toàn đâu, con hiểu bác nói chứ?” bác nói với tôi vẻ lo lắng. “Không an toàn đâu.”

Mẹ và tôi đi xuống góc phố để đợi xe buýt. Dù tất cả những gì Bernie đã dặn dò, tôi chẳng sợ chút nào - tôi thấy phấn khích. Chiếc xe buýt tuyến Số Năm đã tới góc phố và vượt qua chúng tôi sát sạt, đến nỗi nó thổi tung tóc Mẹ về phía sau lưng và thốc váy của bà lên quá gối. Tiếng phanh rít lên rất dài, hoặc ít nhất là tôi nghĩ vậy cho đến khi nhận ra âm thanh đó phát ra từ miệng Mẹ.

Mẹ đang hét lên, khi bà bắt đầu thổn thức và ôm chặt lấy ngực, tôi chộp lấy cánh tay bà, cố dìu bà xuống hè phố để đi về nhà. Bernadette đã nhìn thấy cảnh đó và bác đang thò cổ ra ngoài cửa sổ, hét lên khi chúng tôi trên đường về nhà.

“Vào nhà mau, Heidi. Mau lên! Mau lên! Vào nhà mau.”

Người đi đường dừng lại nhìn chằm chằm, và một phụ nữ đội chiếc mũ rộng vành cố nắm lấy vai tôi.

“Cháu cần giúp không, cô bé?” bà ta hỏi. “Cháu có cần ta gọi cảnh sát không?”

Bernadette đang đứng ở cửa với gói Juicyfruits khi chúng tôi lên nhà, nhưng Mẹ thậm chí còn chẳng nhìn vào bác. Bà vội vã vào phòng và bắt đầu đi vòng quanh, một tay hối hả đập lên ngực thùm thụp.

“Xong. Xong. Xong. Heidi, suýt,” Mẹ nhắc đi nhắc lại câu nói ấy.

Bernadette cố đưa cho Mẹ kẹo Juicyfruits, nhưng Mẹ chẳng thèm nhận lấy.

“Xong. Xong. Xong. Heidi, suýt,” Mẹ tiếp tục lặp lại.

Bernadette quan sát Mẹ đến một phút; rồi một vẻ buồn bã và hiểu chuyện hiện lên trên khuôn mặt bác. Bác tiến đến cạnh Mẹ và nói giọng thật nhẹ nhàng:

“Sao em không đưa đứa bé cho chị, hả Cưng? Con bé sẽ được an toàn khi ở bên chị. Đưa nó cho chị nào, được chứ?”

“Đứa bé nào cơ?” Tôi hỏi. “Bác đang nói gì thế, bác Bernie?”

“Đưa đứa bé cho chị nào,” bác nhắc lại với Mẹ. “Đưa Heidi cho chị, Cưng à.”

Mẹ ngừng đi đi lại lại. Buông tiếng thở dài nặng nề, bà chậm chậm chìa hai cánh tay về phía Bernadette, bác vươn người ra và đỡ lấy đứa trẻ vô hình từ Mẹ. Ngay sau khi bác làm thế, Mẹ đi vào phòng bếp và nằm ra giữa sàn nhà. Bà nằm co quắp và nhắm nghiền mắt lại.

“Chuyện gì đang xảy ra thế ạ?” tôi hỏi Bernadette.

“Bác nghĩ rằng mẹ cháu đang hồi phục một ký ức,” bác đáp.

“Bác vừa nói, ‘Đưa Heidi cho chị.’ Mẹ cháu đang nhớ về cháu ư?” tôi hỏi.

“Bác không chắc đâu, cục cưng à.”

Rồi Mẹ nói điều gì đó mà cả hai chúng tôi chẳng nghe rõ được. Tôi quỳ xuống sàn nhà cạnh Mẹ và vươn người về phía Mẹ, vuốt ve tóc bà.

“Đó là gì vậy Mẹ?” tôi thì thào. “Mẹ nhớ gì vậy?”

“*Soof*,” bà khóc thút thít, “*soof*.”

Ta biết nói gì đây khi ai đó có ký ức song lại chẳng thể thốt ra điều mà họ hồi tưởng được? Mẹ nhớ rất nhiều thứ từ ngày nọ sang ngày kia - cách pha trà ra sao, bà để bàn chải ở chỗ nào, rồi cách mở hộp thực phẩm - nhưng liệu bà có nhớ về quá khứ? Về mẹ của Mẹ? Ngày sinh của tôi? Cha tôi? Biết đâu bà đã có hình ảnh của tất cả các ký ức này trong đầu, nhưng bà không có ngôn ngữ mà diễn tả chúng. Hoặc có lẽ chiếc máy hồng của bà có một lỗ nhỏ ở trong và tất cả mọi ký ức này đã lọt qua đó giống như những viên kẹo tròn tròn, rớt xuống nền nhà, lăn vào những góc tăm tối hoặc dưới gầm giường giữa đồng thỏ bông bụi bặm. Tất cả, trừ một thứ. Một ký ức vô cùng quan trọng, Mẹ nắm giữ được nó và gọi nó bằng một từ riêng để giúp bà ghi nhớ... *soof*.

Tôi bỏ ra hàng giờ hình dung cái từ đó với tất cả các câu trả lời cho những câu hỏi không lời đáp của mình liên quan đến nó, lần lượt từng câu một như chiếc đuôi điều loăn quăn kết bằng vải vụn. Tôi hình dung mình đang đứng trên mặt đất, cầm một cuộn dây trong khi cái từ kia cứ bay lượn, trượt đi và nhảy nhót trên bầu trời xanh trong quang đấng phía trên đầu.

Nhưng chỉ Mẹ biết từ đó có nghĩa là gì. Và bà lại chẳng nói ra.

“*Soof* là gì hả Mẹ?” tôi thì thào khi ngồi bên mép giường Mẹ vào ban đêm, nhẹ nhàng gãi lưng cho bà. Tôi hy vọng làm thế có thể khiến từ đó trượt ra khỏi miệng Mẹ và rớt trên chiếc gối của bà trong lúc bà khép mắt lại và thư giãn trong nhịp gãi của tôi.

Thỉnh thoảng tôi ngồi cạnh Mẹ trên ghế bành, mở rộng cuốn tạp chí, và lật xem các tranh ảnh, chỉ vào những hình chụp - một đứa bé, con chó, cái xe hơi.

“Chỉ cho con coi *soof* đi Mẹ. Đây là *soof* phải không? Hay đây?”

Mẹ chỉ nở nụ cười ngọt ngào thật rộng và phát vào đầu gối tôi như bà vẫn thường làm khi tôi ngồi sát bên bà.

“Trà, Heidi?” Mẹ nói. “Trà?”

Với ai khác tôi có thể nghĩ mời trà lúc đó là một cách thay đổi chủ đề để tránh phải trả lời câu hỏi. Giống như cái lần Zander đã đề nghị cho tôi xem cái mụn cóc ở bàn chân của cậu ta khi tôi đề nghị cậu ta cho tôi coi một trong những chiếc huy chương mà Zander tuyên bố

rằng bố cậu ta được tặng thưởng do thắng trận ở Việt Nam. Nhưng tôi biết Mẹ không hiểu tôi đang nói gì. Bà có thể cho rằng tôi muốn một điều gì đó, và bà không muốn làm tôi thất vọng, vì thế Mẹ mời tôi một thứ duy nhất mà bà chắc chắn rằng bà có thể làm cho tôi. Trà. Tôi nói, “Có chứ, Mẹ. Con thích trà mà.” Và Mẹ nói, “Tốt, Heidi. Trà,” rồi bà đi vào bếp để pha cho hai mẹ con hai ly trà Lipton - ly của bà màu trắng với viền vàng ở miệng ly và ly của tôi có một đóa hồng, mỗi ly đều có ba thìa đường và chút sữa tươi, đó là cách pha chế mà Bernadette đã dạy bà. Nhưng cả triệu ly trà ngọt ngào của Mẹ cũng không thể nào cuốn trôi khỏi tôi niềm khao khát nắm bắt được ý nghĩa cái từ đó.

Trước khi Bernadette mắc phải chứng bệnh A.P, bác là fan ruột của thư viện. Bác vào đó hầu như hằng ngày. Tôi biết Bernie nhớ thư viện, do vậy tôi cảm thấy vui mừng khi cuối cùng mình cũng được phép đi bộ qua 3, 5 khu nhà để đến thư viện giúp bác. Mẹ cũng được đi cùng. Mẹ thích xem các cuốn sách có tranh ảnh. Trước khi chúng tôi không cùng nhau đi ra ngoài nữa, Mẹ và tôi đi tới thư viện ít nhất mỗi tuần một lần. Bernie lập danh sách các cuốn sách bác muốn tôi mượn về để bác đọc, và bác thường yêu cầu tôi tìm kiếm những thông tin như loài ốc mượn hồn, hay George Washington Carver^[3] hay bất cứ thứ gì chúng tôi chuẩn bị học ở “trường”. Mỗi khi tôi mang chồng sách về nhà, Bernie sẽ gí sát những cuốn sách vào mũi, khép mắt lại, và thở thật sâu, như tôi từng chứng kiến bác làm thế với chiếc áo cũ của cha mình, chiếc áo vẫn treo tại lối vào trong căn hộ của bác.

Sau khi tôi bắt đầu tự hỏi về *soof*, tôi hỏi bà Coppleman, người thủ thư, rằng bà từng nghe thấy từ của mẹ tôi lần nào chưa, và bà nói nó nghe có vẻ như là tiếng nước ngoài. Bà chỉ cho tôi nơi có các cuốn từ điển nước ngoài, và tôi đã tìm kiếm hết cả. Không có gì. Tất nhiên tôi đã tìm nó ở nhà trong cuốn B.T.N, hy vọng dịch chuyển ngón tay xuống trang giấy và tìm thấy chúng giữa các từ s-o-o khác. Soon, soot, sooth, soothe... Không có nó. Nó không có ở bất cứ nơi đâu, trừ trong đầu của Mẹ.

Tôi vênh tai lên, lắng nghe Mẹ nói từ đó. Trong vài lần hiếm hoi mà Mẹ nói từ *soof*, tôi lập tức chụp ngay lấy, tìm kiếm các manh mối.

Một lần Mẹ nói nó trong khi đang nhìn Bernie chải mớ tóc rối bù của tôi sau khi tắm. Lần khác khi bà bị nắp hộp thức ăn cửa đứt tay trong lúc đang cố mở nó. Nhưng nó không nhất quán. Tôi đứng trước mặt mẹ và chải mái tóc của mình đến cả ngàn lần sau đó, cố “kích hoạt” cái từ đó, song không hiệu quả. Khi nó được thốt ra, nó không hề có nhịp điệu hay lý do gì cả.

Tôi bắt đầu nghe thấy từ này trong những cảnh huống lạ lùng. Tình giấc trong đêm giữa một cơn mưa bão, những xe ô tô lướt qua phía dưới cửa sổ, những bánh xe ướt nhẹp của chúng bật lên tiếng thì thào - *soof*. Đôi dép lê của Bernie thỉnh thoảng cũng phát ra từ đó khi bác lê bước dọc miếng lót sàn nhà được trang trí bằng những chấm nho nhỏ nằm giữa chậu rửa và chiếc tủ lạnh già lụ khụ.

Tôi dành hàng giờ nhìn vào mắt Mẹ, hình dung rằng có một nơi nào đó phía sau chúng có gói hàng đã được gói gém cho tôi với thẻ ghi tên mang dòng chữ: Đây là *soof*.

Tôi bắt đầu có vấn đề với giấc ngủ. Bernadette học cách tránh xa tôi ra mỗi khi tôi mất ngủ - bác đủ kinh nghiệm với lũ mèo già cáu bẳn để biết cách tránh bị những vết cào xước và bị càu nhàu cáu kỉnh. Nhưng khi sự muộn phiền của tôi bắt đầu chuyển sang Mẹ khiến bà cau có, Bernadette không còn kiên nhẫn nữa và đã ra tay can thiệp.

“Heidi này, bác từng nói điều này trước đây và bác sẽ nhắc lại nha: có những điều trong cuộc sống mà ta không thể biết được, và ý nghĩa của cái từ mà mẹ con nói ra là một trong những điều như vậy. Con càng sớm đối mặt với sự thực đó thì càng tốt cho tất cả chúng ta.”

Có lẽ bác nói đúng. Có lẽ đã đến lúc từ bỏ chuyện này. Mà tại sao tôi lại nghĩ rằng từ đó quan trọng đến như vậy kia chứ? Theo như những gì tôi biết thì nó chẳng có ý nghĩa gì, một thứ gì đó lẫn lộn mà bà nghe được từ ai đó nói trên phố. Tôi tự nói với bản thân như vậy hết lần này đến lần khác, hy vọng thuyết phục được mình tin vào điều đó. Lẽ ra tôi cũng đã tin như thế thật, nếu như tôi không tìm thấy chiếc máy ảnh ở dưới đáy của ngăn kéo tủ dính nhớp nháp trong nhà bếp, nơi chúng tôi để những món đồ linh tinh như nến sinh nhật và dây cao su. Khi đó tôi đang tìm kiếm cuộn băng keo trong ngăn kéo

ngăn kéo quá mạnh khiến tất cả mọi thứ nằm bên trong rút ào xuống sàn nhà, và nó đã lộ ra. Một chiếc máy ảnh Kodak Instamatic màu đen, bên trong nó là một cuộn phim. Đã được sử dụng.

Cuộc truy tìm sự thật của tôi trở nên nghiêm túc sau khi tôi phát hiện ra cuộn phim có hình. Vào ngày mà tôi trở về nhà với những bức hình, Bernadette đang ngồi bên bàn phòng khách xem một cuốn sách mượn từ thư viện về loài thú có túi.

“Ước gì bác có một cái túi nhỉ,” bác nói. “Thật tuyệt cú cho việc cất kính đọc sách.”

Tôi bỏ chiếc phong bì đựng những tấm ảnh xuống trước mặt bác. Bác gập sách lại mà không màng đến chuyện đánh dấu trang.

“Nói thật với bác đi, Heidi,” bác nói, cầm lên chiếc phong bì màu vàng và dốc ngược nó trong đôi tay mình. “Cháu đã xem lén trên đường về nhà rồi phải không? Sẽ không sao đâu nếu cháu làm thế.”

“Không. Cháu e là không phải như vậy,” tôi đáp.

“Điều tồi tệ nhất có thể là gì nhỉ?” bác hỏi.

“Chẳng gì cả. Điều tệ nhất chính là chẳng có gì.”

“Ừm, để xem nó có gì nha, cô bé,” bác nói giọng nhẹ nhàng trong lúc trượt ngón tay xuống dưới nắp phong bì và gỡ niêm phong ra. “Hãy xem cái đã.”

Chương 6

Trà

CÓ HAI MƯƠI BA BỨC HÌNH CẢ THẦY. Bằng đúng số từ mà Mẹ có. Vài bức hình quá mờ đến nỗi ta khó lòng nhận ra ai ở trong hình, nhưng nhiều bức rất rõ nét. Tất cả các hình được chụp trong một bữa tiệc Giáng sinh. Có một người ăn vận trang phục ông già Noel đánh bộ râu bằng bông trắng xóa và một cái cây cong queo được trang trí bằng các dải giấy màu cùng những quả thông lấp lánh, có vẻ là đồ tự chế tại nhà. Vài người trong các bức hình đang nói chuyện xung quanh những khay rượu pân^[4] và bánh quy, vài người đang ngồi trong xe lăn hoặc ngồi lút trong những chiếc ghế làm bằng nhựa dẻo màu cam và màu xanh ngọc bích với chân ghế nhỏ bằng kim loại.

“Tất cả những người này là ai?” tôi hỏi, chậm rãi xem xét từng bức ảnh một trước khi nhét nó vào sau chồng ảnh.

Bernie đang ngồi cạnh tôi trên đi văng, đầu cúi về phía tôi.

“Trông có vẻ như là một câu lạc bộ gì đó, và đây là một bữa tiệc Giáng sinh,” Bernie đáp.

“Tại sao nhiều người vẹo vọ thế nhỉ?” tôi hỏi.

“Bị tật nguyên, ý cháu là thế phải không?” Bernie hỏi. “Có lẽ đây là một bệnh viện hay một địa chỉ đặc biệt.”

“Ai chụp các bức ảnh này?” tôi hỏi. “Bác có nghĩ đó là Mẹ không?”

“Bác không chắc là mẹ cháu có thể dùng được máy ảnh, bé con ạ.”

“Vậy thì ai chụp nhỉ, và vì sao cuối cùng Mẹ lại có chiếc máy ảnh này?”

Bernie lắc đầu.

“Bác không rõ, cưng à.”

Có vài bức hình chụp nhóm ba cô gái tuổi teen núng nính với mí mắt sụp xuống và trang phục dạ tiệc xấu xí, rồi đến hai cậu con trai trong đó có một người tóc tai bờm xờm trạc mười tám hay mười chín tuổi. Cặp mắt anh ta thật đẹp - màu xanh sẫm, gần như chuyển sang màu đen - nhưng đầu anh ta dường như được giữ thẳng bằng với một góc kỳ cục trên chiếc cổ gầy nhẳng, miệng anh ta méo xẹo tạo thành một nét nhăn nhó, chẳng rõ là đau đớn hay hài lòng, thật khó mà biết được. Trong một bức hình, người đàn ông vận đồ ông già Noel đứng cạnh một đứa bé, cánh tay ông quàng qua vai chú nhóc. Ông già Noel thực sự rất cao và gầy, và ông chẳng màng tới việc dọn cho trang phục, vì thế nó rộng thùng thình ở khoảng giữa. Bộ quần áo đi đường của ông - áo sơ mi cổ cồn, cà vạt và quần gấu lơ-vê - thò ra phía dưới bộ trang phục màu đỏ-trắng. Ống tay áo quá ngắn nên xương cổ tay của ông thò ra ngoài tới hơn bảy centimet tính từ ống tay áo trắng, để lộ chiếc đồng hồ mạ vàng.

“Ông già Noel gì mà gầy nhẳng gầy nhẳng,” tôi bình phẩm.

“Cái bụng ông ấy không làm bác quan tâm đâu, mà là những gì toát lên từ đôi mắt của ông ấy kìa,” Bernie nói.

“Sao mà bác có thể nhận thấy gì dưới đôi lông mày bằng bông rậm rì ấy được chứ?”

“Bác có thể chứ,” bác đáp lời tôi.

Sau đó, những ảnh chụp nhanh đám người tạo dáng trước cây thông và ăn bánh quy, và rồi đến một bức hình khá mờ chụp một người phụ nữ trung niên với mái tóc vàng mặc chiếc áo len đỏ có hình con tuần lộc, bà đang đứng trước lò sưởi lớn bằng đá, một tay vòng qua một cô gái miệng nhoẻn cười với cặp mắt to màu xanh nhạt. Tôi nhận ra ngay cô gái đó là Mẹ.

“Mẹ có vẻ mập nhỉ,” tôi nói.

“Hoặc có lẽ lúc đó cô ấy đang mang thai,” Bernie bảo.

“Ý bác là đang mang cháu ư?” tôi hỏi, quan sát thật kỹ tấm hình.

“Có lẽ đúng đấy,” bác đáp, lấy bức ảnh từ tay tôi và nhìn nó thật gần. “Và bác đoán rằng người phụ nữ mặc áo đỏ là bà ngoại cháu.”

Tôi giật lại bức hình từ tay Bernadette và nhìn chăm chú vào người phụ nữ tóc vàng.

“Thật ư? Sao bác biết ạ?”

“Nhìn vào cặp mắt ấy. Cháu nghĩ sao, Heidi?” Bernadette hỏi lại.

“Chúng giống mắt của Mẹ, có điều không quá to như thế.”

“Chúng giống mắt của cháu, bé cưng ạ,” giọng Bernadette nhẹ nhàng.

Tôi xem đi xem lại cả xấp ảnh. Phần lớn trong số chúng được chụp trong căn phòng diễn ra bữa tiệc, nhưng có một tấm chụp ngoài trời, trên một mái hiên bằng gỗ dưới một tấm biển lớn với những chữ màu xanh: Trại Hilltop, Liberty, New York.

“Bác cháu mình phải đưa những bức hình cho Mẹ ngay khi Mẹ thức dậy mới được,” tôi phấn khích. “Mẹ biết những người này mà, bác Bernie! Mẹ ở trong đó mà.”

“Đúng, đúng thế, bé cưng à. Nhưng cháu biết mẹ cháu thế nào rồi đó - có thể cô ấy không có khả năng nhận ra chính mình trong một bức hình. Đặc biệt một người đã lớn tuổi.”

“Có lẽ nhìn vào những bức hình này sẽ thành linh tác động vào bộ não của Mẹ giống như tiếng nổ của một cú sét và kích hoạt ký ức của Mẹ, bác Bernie ạ.” Và rồi điều đó đột ngột đến với tôi. “Có lẽ *soof* ở trong những tấm hình này!”

“Có thể đấy,” bác đáp, nhưng tôi có thể thấy sự hồ nghi trong giọng nói của bác.

Trong khi chờ Mẹ tỉnh dậy, tôi để bản thân bồng bềnh lơ lửng như một cánh hoa lily trong hồ nước hy vọng nhỏ bé của riêng mình. Tôi giết thời gian bằng cách tìm kiếm Liberty, New York trong tập bản đồ và miết hoài ngón tay mình lên thành phố có trại Hilltop - nơi mẹ tôi và có lẽ cả bà ngoại tôi đã từng đứng trước một chiếc lò sưởi lớn mỉm cười vào ống kính máy ảnh. Tôi tự hỏi ai đã chụp những bức ảnh này và sao mà Mẹ con tôi cuối cùng lại ở xa New York như vậy. Tôi tự hỏi bà ngoại mình hiện đang ở đâu và cái trại Hilltop giờ đây

liệu có vẫn còn ở đó hay không, ở Liberty ấy. Tôi vừa định sang hỏi dò ý kiến của Bernie và xem chúng tôi có thể gọi điện tìm thông tin để lập một danh sách thì nghe tiếng Mẹ cựa mình và gọi vọng sang.

Bernadette đã quay lại căn hộ của mình và cho lũ mèo ăn. Con Clara Barton và con CookieDough - một con đặt tên theo một người hùng của bác và một con mang tên vị kem ưa thích của tôi. Hai con mèo chưa từng đi qua ngưỡng cửa để vào phòng Mẹ và nhà tôi. Khi chúng thấy đói hay cô độc, chúng đứng ở ngưỡng cửa và gào toáng lên réo gọi Bernie. Tôi thường lo rằng chúng làm thế vì chúng mắc chứng sợ khoảng rộng của Bernie, nhưng bác cam đoan với tôi đó không phải là bệnh truyền nhiễm - cho bất cứ động vật hay con người.

Khi nghe tiếng Mẹ gọi, tôi chạy vào bếp và hét to qua ô cửa, “Sang đây mau, bác Bernie! Mẹ cháu dậy rồi!”

Bernadette sang nhà tôi ngay tức thì và chúng tôi cùng vào phòng Mẹ. Bà đang nằm trong chăn, tay dụi dụi mắt. Khi nhìn thấy bác cháu tôi, Mẹ mỉm cười.

“Chào, Heidi. Chào, Dette.”

Tôi nhớ tới lần đầu tiên Mẹ gọi Bernadette là “Dette.” Tôi nghĩ Bernie suýt nữa thì òa khóc vì quá vui sướng. Mẹ chẳng thường xuyên bổ sung từ mới vào vốn từ điển của bà, do đó mỗi lần như thế là một sự kiện lớn trong nhà chúng tôi. Đó là một sự bổ sung hết sức quan trọng. Từ này là từ thứ mười lăm trong danh sách từ vựng của bà.

“Chào Cung yêu quý,” Bernadette thủ thỉ trong lúc ngồi xuống giường bên cạnh Mẹ và vén tóc khỏi mắt bà. “Ngủ có ngon không? Đầu của em thế nào rồi?”

Mẹ hay bị đau đầu dữ dội. Bà thường ôm đầu, lúc lắc và rên rỉ. Thông thường một giấc ngủ ngắn sẽ khiến cơn đau giảm đi, nhưng thỉnh thoảng bà cần thuốc Tylenol. Bà gặp khó khăn khi uống thuốc - bà không thể nuốt chúng xuống cổ được - vì thế Bernadette nghiền nhỏ viên thuốc và trút bột vào món thạch Jell-O. Mẹ khoái Jell-O cũng gần bằng món Jujufruits.

“Chúng ta có thể cho mẹ cháu xem hình bây giờ không ạ?” tôi thì thào.

“Suyt, Heidi. Từ từ nào. Mẹ cháu vừa thức dậy chứ mấy, và đầu cô ấy còn khá đau sau khi ngủ. Cho mẹ cháu vài phút đã.”

Tôi khó khăn lắm mới có thể dẫn lòng mình lại khi Bernadette ngồi xuống cạnh Mẹ, nói nhẹ nhàng với bà cho tới khi bà đủ tỉnh táo để ngồi dậy và đi chải tóc, rửa mặt.

Cuối cùng thì Mẹ cũng xuất hiện ở cửa phòng tắm và đến ngồi xuống ghế sofa bên cạnh tôi.

“Chào Heidi,” bà nói, vỗ vỗ vào đầu gối của tôi.

“Con chào Mẹ,” tôi đáp, cố giữ cho giọng mình bình tĩnh và mạch lạc.

Tôi nhìn Bernadette và bác nhún vai một cái.

“Mẹ à, Mẹ có muốn xem vài bức hình dễ thương không?” tôi hỏi.

Mẹ gật gật đầu.

“Mấy bức hình này được chụp lâu lắc rồi, ở trại Hilltop, Mẹ à. Mẹ có nhớ trại Hilltop không ạ?”

Mẹ mỉm cười và đập đập tay vào đầu gối tôi.

“Chào, Heidi,” bà nói.

“Chào Mẹ.”

Tôi nhắc lên một chồng ảnh và chọn lấy một tấm, cầm nó thật thận trọng ở các mép để không làm lem bẩn nó.

“Mẹ nhìn này, Mẹ. Mẹ có nhìn thấy ông già Noel ở trong đây không?”

Mẹ nhìn vào tấm hình và nở một nụ cười. Tôi cho Mẹ xem một tấm khác.

“Mẹ có nhìn thấy tất cả những người này không?”

Mẹ nhìn vào tấm hình và nở một nụ cười. Bernadette đến bên và nhìn qua vai tôi bức ảnh mà tôi đang cho Mẹ xem.

“Những người này nhìn xinh không, Cục cưng yêu quý?” Bà hỏi.

Mẹ nói, “Xinh, Dette.”

“Nhìn tấm này đi, Mẹ. Mẹ nhìn thấy ai vậy?”

Tôi đưa bà tấm hình của cô gái và người phụ nữ mặc áo len dài tay đứng trước lò sưởi.

Mẹ nhìn bức hình và mỉm cười.

“*Soof*,” bà đáp.

Tim tôi suýt nữa thì ngưng đập.

“Ở đâu, Mẹ? Chỉ cho con đi. Chỉ cho con *soof* đi.”

Tôi cố gắng lắm mới có thể kìm giữ được niềm phấn khích của mình.

“Trà, Heidi?” bất ngờ Mẹ nói, hai bàn tay vuốt vuốt chiếc váy đang mặc vẻ căng thẳng.

“Khoan đã, Mẹ. Chưa phải lúc này. Trước tiên hãy chỉ cho con *soof* đã nào.”

Mẹ bắt đầu vuốt chiếc váy vội vã hơn.

“Trà, Heidi?” bà nói, giọng cao hơn một chút.

“Con chẳng thích trà đâu Mẹ à. Con muốn Mẹ chỉ cho con *soof* kia. Chỉ cho con *soof* đi nào,” tôi nài nỉ.

Tôi đang nói to hơn mình định nói, to hơn mức tôi nên làm, và tôi cảm thấy Bernadette vươn người ra và bóp vào vai tôi.

“Giờ để mặc mẹ cháu đi, Heidi. Cô ấy sẽ chỉ cho chúng ta khi nào cô ấy đã sẵn sàng.”

“Không, mẹ cháu sẽ chẳng làm thế đâu cho coi,” tôi nói, vượt khỏi bàn tay của Bernadette và kéo tay Mẹ một cách thô bạo ra khỏi chiếc váy của bà. Tôi nắm chặt bàn tay phải của bà, buộc ngón tay trở của bà duỗi thẳng và chỉ vào bức hình.

“Chỉ cho con đi, Mẹ. *Soof* ở chỗ nào?”

“Đủ rồi đấy, Heidi,” Bernadette nói.

“Chỉ cho con đi, Mẹ,” tôi gặng hỏi.

“Uh-oh. Uh-oh,” Mẹ lặp lại vẻ căng thẳng, vặn vẹo cổ thoát ra khỏi sự kẹp chặt của tôi. “Trà, Heidi? Trà?”

“Con không muốn trà chút nào cả!” tôi quát tướng lên. “Con muốn Mẹ nói cho con biết, Mẹ à!” Con muốn biết.”

Mẹ khóc thút thít.

“Xong, xong, xong, Heidi, suýt,” bà nói.

“Để mặc mẹ cháu đi, Heidi,” Bernadette nói giọng nghiêm nghị.

“Mẹ sẽ chẳng bao giờ nói cho con biết, phải không?” Tôi quát lên, phớt lờ Bernadette. “Phải không, Mẹ? Phải thế không hả?”

Tôi buông tay bà ra và giận giữ xé đôi tấm ảnh, ném những mẩu giấy vào lòng bà. Rồi tôi chạy ào về phòng mình, đóng sầm cửa lại, và tôi úp mặt xuống giường khóc thút thít.

Tôi khóc rất lâu. Khóc rất to, như thể mấy cái xương sườn của tôi muốn long ra. Tôi hình dung trái tim mình vụt bay đi như một con chim nhỏ màu đỏ thoát khỏi chiếc lồng, bỏ đi kiếm tìm một người đáng hy vọng khác để sống. Một người với một lịch sử. Một người biết về quá khứ.

Một lúc sau tôi nghe tiếng cửa phòng mình mở ra, Bernadette và Mẹ bước vào.

“Mẹ con pha trà cho con nè, Heidi. Đúng kiểu mà con thích đó. Ngồi dậy nào, bé con, và đỡ lấy tách trà từ mẹ con, được chứ? Cô ấy cần con mà,” Bernadette nói nhỏ.

Tôi lau khô đôi mắt và ngồi dậy. Trông Mẹ thật lo lắng và buồn bã, bà đang đứng đó, trong tay là chiếc cốc trắng có những bông hồng của tôi. Tôi đỡ nó từ tay bà và cố nở một nụ cười.

“Cảm ơn Mẹ. Cảm ơn Mẹ đã pha trà cho con.”

“Tốt, Heidi, trà,” bà đáp và lập tức tươi tỉnh trở lại. Rồi bà quay gót ra khỏi phòng.

“Em đi đâu thế, Cưng yêu quý?” Bernadette gọi với theo.

Một giây sau Mẹ lại xuất hiện, cầm theo hai nửa bức ảnh mà tôi đã xé.

“Uh-oh,” bà nói, đưa cho tôi hai mảnh giấy đó. “*Soof*.”

Tôi chậm rãi rời khỏi giường đi đến bên cạnh bà.

“Ai hả Mẹ? Cái nào là *soof*? Cái này ư?” Với bàn tay phải chìa ra miếng hình có hình Mẹ khi còn là một cô gái trẻ. “Hay là cái này?” tôi hỏi, chìa ra miếng hình còn lại.

Mẹ nhìn tôi và mỉm cười. Rồi bà tiến đến và vụng về ghép hai miếng hình lại với nhau.

“Trà, Heidi?” bà hỏi.

Chương 7

Ra

CHO TỚI TẬN KHI tôi tìm thấy cuộn phim cũ rồi rửa nó ra và nhìn thấy tấm biển với những chữ cái màu xanh treo trên hiên, tôi chưa từng nghe nói đến Liberty, New York. Đó hẳn chẳng phải là một địa danh nổi tiếng. Chỉ là một thị trấn nhỏ ở dãy núi Catskill, cách thành phố New York chừng hai giờ rưỡi xe ô tô về phía Tây Bắc. Nhưng vì tôi biết mẹ tôi và có thể cả bà tôi cũng đã từng ở đó, đột nhiên với tôi nơi ấy trở thành một địa điểm quan trọng nhất trên thế giới.

Nếu thực sự mẹ mang thai tôi lúc chụp bức hình này, điều ấy có nghĩa những tấm ảnh kia phải được chụp cách đây gần mười ba năm trước. Tôi sợ rằng trại Hilltop sẽ chẳng còn ở đấy, nhưng Bernadette kiếm được số điện thoại không mấy khó khăn và chúng tôi gọi đến đó.

Tôi đứng cạnh Bernadette, miệng tới tấp hỏi bác trong khi bác nói chuyện với người ở đầu dây bên kia.

“Hỏi họ xem Mẹ có từng sống ở đó không! Nói với họ rằng bà từng dự một bữa tiệc Giáng sinh hoành tráng mà có lẽ Mẹ đi cùng với mẹ của Mẹ nữa.”

Bernadette cố hỏi tất cả những câu hỏi đó và còn hỏi thêm nữa, nhưng vì lý do nào đó người ở đầu dây bên kia không để bác nói hết câu.

“Vâng, tôi hiểu, nhưng nếu chị có thể chỉ nói cho tôi biết... Vâng, tôi hiểu, nhưng tất cả những gì tôi cần chị làm là kiểm tra các hồ sơ - có quá nhiều... À thế ạ. Dạ được, dạ được.”

Cuối cùng Bernadette cho số điện thoại của bác và gác máy.

“Có chuyện gì ạ? Họ nói gì ạ?” tôi hỏi.

“Tất cả những gì bác cố gắng moi được từ cô ta là Hilltop là một địa chỉ cho những người bị tật nguyền và chỉ có một người có thẩm quyền trả lời các câu hỏi cá nhân là một ông tên Thurman Hill.”

“Vậy chúng ta cần nói chuyện với Thurman Hill ngay bây giờ,” tôi nói.

“Hôm nay ông ấy không có ở đó. Người phụ nữ đã lấy số điện thoại của bác và nói ông này sẽ gọi lại cho bác.”

Nhưng Thurman Hill không gọi lại. Không gọi trong ngày hôm đó. Hay hôm sau cũng vậy.

Thế là Bernadette lại gọi lại. Và gọi lại. Mỗi lần bác lại nhận được sự trì hoãn tương tự về việc ông Hill là người duy nhất ra sao có thể trả lời các câu hỏi cá nhân của chúng tôi, có điều ông ta không ở đây. Bernadette gọi lại không biết bao nhiêu lần, cuối cùng người phụ nữ ở Hilltop bắt đầu bảo bác chờ máy ngay khi nghe thấy giọng Bernie, và rồi cô ta bỏ chúng tôi chờ như thế mà không bao giờ quay lại cả.

“Gọi điện với khoảng cách xa thì đắt đỏ lắm, Heidi-Ho ạ, và Thurman Hill, cái đồ bốn chữ cái đáng thương ấy, rõ ràng là không có ý định gọi điện cho chúng ta.”

Bernadette chưa từng chửi thề trước mặt tôi, thế nên khi bác thực sự điên tiết, bác thay thế bằng “bốn chữ cái” cho những từ chửi thề có bốn chữ cái thực sự^[5]. Dù vậy qua Zander, tôi đã biết tổng các từ thực của nó rồi - tôi từng liệt kê một danh sách các từ đó dưới dạng mật mã trong cuốn sổ tay của mình.

“Bác nghĩ đã đến lúc tiếp cận bằng đường bưu điện rồi đó,” bác bảo.

Bernadette có rất nhiều kinh nghiệm để đạt được những gì bác muốn bằng việc trò chuyện với mọi người qua điện thoại hoặc thư tay, nhưng cho dù bác có làm cách nào đi chăng nữa cũng chẳng thể đi đến đâu đối với trường hợp Hilltop. Ba tuần trôi qua và chúng tôi vẫn không có câu trả lời bằng thư hay qua điện thoại. Tôi không kiềm chế được nữa. Bernie cố làm tôi xao lãng bằng cách khiến cho chân tay tôi phải bận rộn. Chúng tôi dán miếng giấy bọc mới lên tủ bếp. Và vào một dịp cuối tuần bác bảo tôi lau dọn tất cả các phòng để đồ

trong căn hộ của chúng tôi. Tôi bò bằng tứ chi, kéo ra những cái hộp, những đôi giày méo mó và các va li cũ mòn vẹt từ phía trong phòng để đồ của Mẹ, bỗng tôi cảm thấy thứ gì đó mềm mềm được chèn ở phía góc xa phía dưới một chồng báo cũ. Đó là một chiếc áo len dài tay màu đỏ. Giống chiếc áo đỏ có hình chú tuần lộc mà người phụ nữ tóc vàng trong bức hình ở trại Hilltop mặc.

“Bà ấy từng ở đây, bác Bernie ạ!” tôi kêu toáng lên, cầm chiếc áo nhàu nhĩ tới cho bác xem. “Bà ngoại cháu từng ở đây. Bằng chứng đây này.”

Sau sự kiện đó, không gì có thể làm tôi xao lãng được nữa. Tôi không nghĩ gì khác ngoài Hilltop.

“Tất cả những gì chúng ta yêu cầu họ làm chỉ là tìm xem có tên Mẹ trong các hồ sơ thôi mà. Sao việc này lại quá khó khăn như vậy chứ?” tôi hỏi.

“Bác không biết, cưng à, nhưng điều đó khiến bác phát điên lên đây này, bác chỉ muốn đi ngay tới văn phòng của lão già Thurman Hill họp hội kia và ngồi đè lên cái cái đồ ti tiện ấy cho đến khi lão phải khắc thông tin ra mới thôi.”

“Đúng rồi, bác Bernie!” tôi nói, nhảy cẫng lên vì vui sướng. “Đó chính xác là những gì chúng ta phải làm. Chúng ta phải đi gặp Thurman Hill! Chúng ta phải tới đó và buộc ông ta phải nói cho chúng ta về Mẹ.”

“Bé con à,” Bernadette nói, giọng nhẹ nhàng, “cháu biết là chúng ta không thể làm thế mà. Bác không thể...”

“Không thể ra ngoài ư? Sao bác biết được nào? Làm sao bác biết là mình không thể chứ?” tôi hỏi. “Lần cuối cùng bác thử là khi nào, bác Bernie? Có lẽ bệnh sợ khoảng rộng đã biến mất rồi cũng nên. Có thể bác đã khá hơn mà bác không biết ấy chứ.”

“Nó không hết đâu, Heidi. Bệnh tình không tự dừng mà khỏi được.”

“Bệnh cảm tự khỏi mà. Và mụn nhọt nữa. Sao bác biết bệnh này cũng sẽ không tự hết nào? Có thể nó vẫn còn. Cũng có thể nó đã hết,” tôi bảo.

Giờ đây tôi quá phấn khích. Tôi đi tới cửa trước và mở toang nó ra.

“Nào bác Bernie, thử xem, làm ơn thử chút xem sao. Vì cháu.”

“Heidi, bác không thể,” Bernadette đáp. Giọng bác thốt ra vẻ khó khăn và tôi nhận thấy hai bàn tay bác run bần bật.

“Bác đã khiến Mẹ thử được mà. Nhờ thế mà mẹ cháu có thể mở được các hộp đồ ăn, bác Bernie à, và tự chải tóc nữa. Bác cũng khiến cháu thử nữa. Viết chữ thảo, bác Bernie à. Rồi Shakespeare, bác đã bảo cháu thử. Đó là lý do vì sao cháu yêu cầu bác làm. Thử đi mà.”

Bernadette đứng lên, níu lấy thành ghế sofa để tìm điểm tựa. Cặp chân bác loạng choạng, nhưng bác bước đi chậm chậm về phía tôi. Về phía cánh cửa mở rộng.

“Bác không biết...” bác nói. “Cháu không hiểu đâu, Heidi. Nếu bác ra ngoài... Nếu bác ra ngoài kia, bác có thể... nếu bác ra ngoài...”

“Chẳng có chuyện gì xảy ra đâu, bác Bernie. Chỉ cần một bước là ra hành lang rồi. Bác chỉ cần làm có thể thôi chứ mấy. Một bước. Bước đầu tiên. Giống như khi bác dạy cháu viết chữ a đó, bác nhớ không? ‘Lượn một vòng, lên, xuống, hất cái đuôi sang bên.’ Bác có thể làm được mà, bác Bernie. Cháu biết là bác có thể.”

Bernadette nắm lấy tay nắm cửa, các khớp ngón tay trắng bệch ra vì sợ hãi. Bác đứng như thế đến cả phút với cặp mắt nhắm nghiền.

“Lượn một vòng, lên, xuống, hất cái đuôi sang bên,” bác thì thào trong hơi thở. “Lượn một vòng, lên, xuống, hất cái đuôi sang bên.” Đoạn bác hít một hơi sâu, buông tay nắm cửa, và bước ra hành lang.

“Bác đã làm được rồi này!” tôi hét lên. “Bác đã ra ngoài được rồi, bác Bernie! Cháu biết là bác có thể mà! Bác đã ra ngoài được rồi!”

Cách đúng nhất để miêu tả những gì xảy ra tiếp theo là trong vòng vài giây kể từ lúc Bernadette buông tay nắm cửa ra và khi bác đổ sụp xuống sàn nhà, cơ thể bác từ khối rắn chắc chuyển sang dạng lỏng. Cặp chân Bernadette nhũn ra và bác ngã xụi lơ, hơi thở

từ bác phát ra thật lớn và gấp gáp, mí mắt bác run rẩy trong khi đầu bác quật về phía sau như chiếc đầu búp bê bị hỏng.

“Bác Bernie!” tôi hét lên, lao về phía bác.

“Cứu bác,” bác cố gắng thì thào giữa hơi thở gấp. “Bác đang... chết đuối.”

Tôi đứng sau, xốc nách bác và cố hết sức mình để kéo bác vào nhà, nhưng bác quá nặng. Bernie thấp song chẳng hề nhỏ chút nào. “Tá điền chính hiệu nhé,” bác thường nói vậy. “Chân chỉ hạt bột và hay lam hay làm.”

“Giúp bác, Heidi,” bác rên rỉ.

Tôi nghe tiếng cánh cửa kẹt mở phía dưới chúng tôi, và tiếng bước chân nặng nề quen thuộc ở cầu thang.

“Zander,” tôi hét lên. “Mau! Lên đây! Bác cháu tớ cần giúp đỡ!”

Một phút sau, khuôn mặt tròn như cái bánh nướng của Zander thò ra ở đầu cầu thang. Cậu ta đang thở hồng hộc vì leo một mạch các bậc thang. Một tay cậu ta cầm túi khoai tây chiên còn tay kia là lon soda nho. Quai hàm của cậu ta trể ra khi nhìn thấy Bernadette nằm quay lơ trên nền đất.

“Chúa ơi,” cậu ta thốt lên. “Có *chiện* gì với bác í thế?”

“Mau lên. Giúp tớ kéo bác ấy vào nhà đi,” tôi nói.

Cậu ta không nhúc nhích, chỉ đứng ì ra đầy căng thẳng, liếm những ngón tay dính gia vị đỏ lừ.

“Khiếp, bác ấy trắng bệch kìa,” cậu ta bảo. “Cứ như thể một con ma kinh dị vậy.”

“Zander, đi nào,” tôi quát lên. “Giúp tớ đưa bác ấy vào nhà đi.”

Zander thờ dãi đánh trượt và buông gói khoai tây chiên cùng lon soda xuống đất. Đoạn cậu ta đến và đỡ lấy một cánh tay Bernie.

“Bác ấy chưa nghèo chứ?” cậu ta thì thào. “Vì tớ chưa được nhìn tận mắt một ai đó nghèo bao giờ.”

Tôi nắm lấy cánh tay kia của Bernie và bắt đầu kéo đi. Một chiếc tất chân của bác mắc vào một cái đinh trên nền nhà và rách toạc, phát ra âm thanh rất to trong khi chúng tôi kéo mạnh. Bác rên rỉ và

trở nên hoàn toàn mềm rũ ra khiến cảm giác như bác còn nặng hơn trước, nhưng không rõ vì sao cuối cùng chúng tôi cũng đã xoay xở kéo bác qua tấm chiếu chùi chân để vào bên trong.

“Trông bác ấy chả khá tí nào. Cậu có muốn tớ gọi cấp cứu 911 không?” cậu ta hỏi.

Tôi hoảng sợ. Nếu chúng tôi gọi 911, họ sẽ đến đưa Bernie đi mất. Mẹ và tôi sẽ biết làm gì đây? Làm sao chúng tôi có thể sống sót được nếu thiếu Bernie? Tôi bắt đầu òa khóc.

Zander đứng khoảng một phút nhìn xuống cơ thể bất động của Bernie và hết chuyển trọng tâm từ chân nọ sang chân kia một cách bồn chồn.

“Bác ấy say rượu chẳng?” cậu ta hỏi. “Vì nếu thế thì tớ có thể nói với cậu rằng bác ấy sẽ chẳng dậy trong một thời gian và khi bác tỉnh lại, cậu phải thật khế khàng và cho bác ấy uống một ly cà phê nóng cho dù thậm chí bác ấy sẽ chửi rửa cậu về chuyện đó. Cậu có cà phê chứ?”

“Có, nhưng bác ấy đâu có say.” Tôi đáp, đưa ống tay áo quệt mũi.

“Không sao hết, tớ sẽ chẳng kể cho ai cả đâu,” cậu ta nói.

Tôi cảm thấy một mẩu sự thật trượt đi phía dưới làn da của mình. Một mẩu vụn bé tí sắc nhọn nằm bên dưới tất cả những câu chuyện về anh hùng chiến tranh và huân chương danh dự.

Bernie cựa quậy và rên rỉ. Zander vội vã quỳ gối xuống cạnh tôi, và cả hai chúng tôi quạt hổi hả bằng tay khi bác trở mình.

“Làm ơn đừng bị sao cả,” tôi thì thào. “Làm ơn mà, bác Bernie, tỉnh dậy đi.”

Thời gian tưởng chừng như vô tận trước khi sắc hồng trở lại trên khuôn mặt bác và bác mở mắt ra. Tôi ngồi trên nền nhà ngay cạnh bác suốt thời gian đó, vuốt ve cánh tay Bernie và nói nhẹ nhàng với bác theo cách mà bác thường nói với Mẹ lúc bà thức dậy sau giấc ngủ ngắn điều trị chứng nhức đầu. Cuối cùng, khi Bernadette có thể ngồi lên được, tôi ngồi bắt chéo chân và dịch đến sát vào bác, quàng một cánh tay vòng quanh người bác và kéo đầu bác sát vào vai tôi trong khi tôi khẽ lắc lư nhẹ nhàng. Vài lọn tóc dài hoa râm rối ra từ

túm đuôi sam nặng trĩch mà bác thường hay tết, và tôi vuốt nó khỏi khuôn mặt bác, giắt chúng vào trong bím tóc.

“Xong, xong, xong rồi, bác Bernie, suýt,” tôi thì thào.

Zander tựa người vào cửa và quan sát. Từ lúc đó, cậu ta chẳng nói hay làm gì cả, nhưng sự hiện diện của cậu ta là đủ. Khi Bernie có thể ngồi dậy và uống một ít nước, cậu ta ra về, nhẹ nhàng khép cửa lại. Tôi từng ở cạnh Zander nhiều giờ liền, lắng nghe cậu ta kể chuyện ở ngoài bậc cửa, nhưng cho đến ngày hôm đó tôi chưa thực sự biết gì về cậu ta. Rồi, giống như gói Twinkies đầu tiên cậu ta đưa cho tôi, không cần tôi dò hỏi, cậu đưa cho tôi một mẫu sự thật nhỏ xíu. Sau đó, mọi thứ đã thay đổi. Trong mắt tôi, Zander sẽ chẳng bao giờ là thằng nhóc béo ị hay ngu dần nữa. Tôi đang bắt đầu nhìn ra sức mạnh của sự thật có thể như thế nào.

Thật may khi sự cố với Bernadette xảy ra thì Mẹ đang ngủ. Tôi không chắc bà sẽ phản ứng thế nào khi nhìn thấy Bernie lăn quay một đồng trên sàn như vậy. Tôi biết rằng điều đó đã làm tôi sợ đến bủn rủn cả người.

“Bác xin lỗi, cưng à,” bác nói. “Bác đã thử rồi đó.”

“Cháu biết là bác đã thử, Bernie. Không sao đâu,” tôi nói với bác. “Lẽ ra cháu không nên yêu cầu bác.”

Một lát sau chúng tôi vào bếp và bác cố gắng pha cho mình một tách cà phê, nhưng bác vẫn còn khá run.

“Ngồi xuống đi, bác Bernie. Cháu sẽ pha cho bác,” tôi bảo.

Bernadette thả phịch người xuống một chiếc ghế trong bếp và nhìn tôi nghiền hạt cà phê trong cối xay cà phê. Một chiếc hộp gỗ cà tàng cà rịch với cái cần quay tay gắn ở trên cùng và một ngăn kéo ở dưới đáy để bột cà phê rớt xuống đó. Tôi thích được kéo cái khay ra và hít hà mùi hương của thứ bột màu nâu nâu đen đen huyền bí đó, nhưng tôi ghét vị đắng của nó. Tôi thích vị trà ngon ngọt của mẹ hơn. Bernadette uống năm ly cà phê mỗi ngày - ba ly vào buổi sáng, một ly sau bữa trưa và một ly lúc năm giờ chiều, bác gọi đó là giờ cocktail.

“Đó là thức uống của quý, Heidi à. Chỉ nhấp một ngụm và cháu thành kẻ tiêu tùng ngay.”

“Nhưng bác đâu có tiêu.” Tôi đáp.

“Đúng là thế đấy, nhưng bác là nô lệ của hạt cà phê, Heidi ạ. Tin bác đi, một nô lệ.”

Trong khi chúng tôi đợi cho nước sôi, tôi ngồi xuống bên bàn đối diện với bác.

“Chúng ta sẽ không từ bỏ vụ Hilltop, Heidi à. Bác hứa đó. Chúng ta sẽ tiếp tục nhắc nhở họ,” bác nói. “Chúng ta sẽ gọi điện và viết thư cho đến khi có ai đó ở đấy cho chúng ta câu trả lời. Chúng ta sẽ làm thế.”

Nhưng trong thâm tâm tôi biết rằng cách đó chẳng ăn thua. Thurman Hill rõ ràng có kế hoạch để chúng tôi phải nản lòng. Khi tôi quan sát Bernie, lúc này vẫn còn xanh tái và run rẩy dò dẫm từng bước một, tôi biết rằng chỉ có một cách mà thôi.

“Bernadette, cháu sẽ tới Liberty,” tôi nói.

“Cháu ư? Ý cháu là một mình?” bác hỏi giọng hoài nghi. “Điều đó hoàn toàn không thể được. Cháu chỉ là một đứa trẻ.”

“Cháu đâu còn là đứa trẻ, cháu đã mười hai tuổi rồi còn gì. Cháu ra ngoài một mình suốt đó thôi,” tôi cãi.

“Không phải là tới New York, cháu không thể.”

“Cháu có thể bay tới đó,” tôi đáp.

“Cháu có mất trí không đấy, cô gái?”

“Người ta bay cả đó thôi, bác Bernie. Tất cả mấy thứ máy bay chúng ta nghe thấy, chúng bay qua hằng ngày và chật ních người trong đó.”

“Những người khác, những người lạ, nhưng không phải cháu. Cháu đâu có giống họ,” bác bảo.

“Không, bác Bernie à, cháu không giống bác,” tôi đáp vẻ nóng nảy. “Bác và Mẹ là những người giống nhau.”

Màu đỏ ửng lên trên hai má bác, và lưng của bác cứng đờ ra một cách rõ rệt.

“Nếu để cho cháu bước vào một cái máy bay thì ta thà cắt chân mình đi còn hơn,” bác đáp.

“Được thôi. Cháu sẽ đi xe buýt. Đằng nào thì nó cũng sẽ rẻ hơn.”

“Xe buýt hay máy bay đều chả có gì khác nhau cả. Cháu sẽ không đi đâu sất,” bác quả quyết. “Và cuộc thảo luận đến đây là kết thúc.”

Bernie có một bản tính bảo thủ ngấm vào máu, tựa như việc con chồn hôi thì phải có sọc trắng ở trên người vậy. Bác bảo ban tôi rất nhiều điều. Nhưng có một điều tôi biết rằng Bernie không thể can thiệp được. Tôi sẽ tới Liberty.

Chương 8

Thêm

TÔI KHÔNG HÉ RĂNG cho Bernie biết kế hoạch của mình. Cả hai chúng tôi có ý kiến trái nghịch nhau về việc tôi sẽ đi Liberty, và tôi chẳng thấy cần thiết phải thảo luận thêm với bác nữa. Và lại, bác bận rộn với Mẹ suốt, giờ đây cơn đau đầu xuất hiện đều đặn mỗi ngày. Lẽ ra tôi đã nói cho Zander biết, nhưng cậu ấy tự lảng tôi một thời gian sau sự cố của Bernie.

Tôi gọi điện cho hãng Greyhound ở buồng điện thoại công cộng ngoài phố và nhận ra hai điều quan trọng. Một là, tôi phải trả 313 đôla cho vé hai chiều, và hai là, phải mười lăm tuổi mới được phép tự đi lại dọc đất nước một mình. Tôi từng đề cập trước đây rằng mình cao hơn tuổi thực, nhưng sự khác biệt giữa mười hai tuổi và mười lăm tuổi là rất rõ ràng, đặc biệt là khi ta kiểm tra về tuổi tác.

Kiểm tiền là khâu đơn giản. Tôi kiếm được tiền từ máy chơi bạc tự động ở bến xe buýt tại khu thương mại Reno. Từ các máy ở Sudsy Duds chỉ kiếm được toàn tiền 5 xu mà thôi, tôi hình dung mình phải tìm một điểm nào đó để kiếm được các đồng 25 xu, như thế tôi sẽ không phải xử lý với quá nhiều tiền lẻ.

Tôi tự hỏi liệu vận may của mình với máy đánh bạc sẽ mở rộng vượt ra ngoài địa hạt của Sudsy Duds hay không, và thật may mắn tôi nhận ra là có. Tôi biết 313 đôla bằng tiền 25 xu sẽ khá nặng, đó là lý do vì sao tôi quyết định chơi ở chiếc máy ngay gần bến xe buýt. Với cách đó, tôi sẽ không phải tha tiền đi quá xa. Tôi bắt chuyến xe buýt Số Năm, và làm món tóc “bánh xoắn” tươm tất nhất có thể, tô chút son môi màu đỏ của Bernadette trước tấm gương đã nứt toác trong phòng vệ sinh ở bến xe. Nhìn kỹ thì trông tôi chẳng được thuyết phục cho lắm, nhưng tôi có cả đồng kinh nghiệm để “tàng hình”.

Tôi phải mất hơn nửa tiếng đồng hồ để vét tiền được bạc ra khỏi chiếc máy to tướng mà tôi tìm thấy ở gần một cửa hàng thức ăn nhanh tên là Tommy Buns Hotdog Heaven. Tôi suýt nữa thì bị truy tìm tại chỗ khi những đồng xu bắt đầu rào rào đổ xuống cái thùng. Tường chừng như chúng quá lớn và kêu quá ồn ã so với những đồng năm xu mà tôi thường nhận được ở Sudsy Duds. Đó là vào một buổi sáng sớm và không có ai ở xung quanh để chú ý cả, do đó tôi ngồi xổm xuống bên cạnh chiếc máy và đếm tiền thắng cuộc của mình. Một nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng 25 xu. Nhiều hơn 1 đôla so với số tiền tôi cần.

Tôi đã dừng lại ở ngân hàng của bác Bernie trên đường đi và lấy vài chiếc túi đựng đĩa CD để bỏ tiền xu vào trong đó. Cứ mỗi chồng là mười đôla. Tôi phải mất một lúc lâu để đếm tiền và xếp chồng chúng lên nhau. Khi hoàn tất công việc đó, tôi đặt tiền vào trong một túi vải len thô lớn cũ kỹ mà tôi đã tìm thấy ở trong xó của một phòng để đồ khi Bernie đã bảo tôi dọn nhà vào tuần trước.

Tôi kéo chiếc túi trên nền đất thật khế khàng, tới bên cái ghế dài gần cửa sổ phòng vé. Nó quá nặng để kéo quay về phòng vệ sinh, vì vậy tôi lau son môi bằng mặt trong của tay áo và tháo tóc ra, dùng các ngón tay cào cào xuôi những mớ rối bung trên đầu cho xẹp xuống. Đoạn tôi ngồi và đợi cho đến khi có người phù hợp tới và giúp tôi mua vé.

Tôi không phải đợi lâu. Bà ta trông có vẻ mệt mỏi, với mái tóc quần sẫm màu và tô viền đen khắp xung quanh hai mắt. Môi bà mỏng và hai khóe môi trĩu xuống, trông có vẻ như là một người bần tiện, trừ việc tôi có cảm giác bên trong bà là người bình thường. Bernie có thể đã tìm ra điều gì đó không được với những gì mắt bà đang nói lên, nhưng tôi lại sử dụng cách nhìn của riêng mình và với tôi thì người phụ nữ này có vẻ ổn. Bà ngồi cách tôi hai ghế, cặp chân duỗi thẳng đơ ra phía trước mặt, nhai kẹo cao su tóp tép và đọc một tờ tạp chí. Tôi bước tới, kéo chiếc túi theo sau, và đi thẳng vào vấn đề.

“Cháu cần nhờ ai đó mua hộ vé xe buýt ạ,” tôi nói với bà.

“Bỏ nhà đi, phải không?” bà ta hỏi. “Nhóc này, ta biết chuyện này như thế nào rồi. Ta từng làm thế mà. Nhưng ta không có tiền mua lấy một tấm vé rời khỏi đây đâu. Cho nhóc hay cho ta cũng vậy.”

Tôi chẳng buồn giải thích cho bà rằng tôi không trốn nhà - dẫu sao thì bà ta có thể cũng chẳng tin tôi cho mà xem.

“Cháu có tiền ạ.” Tôi mở túi ra và cho bà xem những chõng tiền 25 xu.

“Trời đất, chõm tiền ống heo hay sao thế?” Bà ta cười ồm lên. Rằng bà ta khắp khển, chiếc răng cửa bên phải bị mẻ và xỉn màu. “Thế ra nhóc chỉ cần ta mua vé cho nhóc thôi sao? Sao nhóc không thể tự mình mua vé được chứ? Nhóc có đủ tiền, phải không nào?”

Tôi gật đầu.

“Cháu chưa đủ tuổi để đi một mình,” tôi giải thích.

“Thế cần phải bao nhiêu tuổi mới đủ?” bà ta hỏi.

“Mười lăm ạ,” tôi đáp.

“Trông nhóc khoảng mười ba nhì,” bà ta nói, nheo mắt nhìn vào mặt tôi, “nhưng chưa tới mười lăm thật.”

“Cháu biết. Khi cháu lên xe buýt rồi, cháu sẽ nhờ ai đó để cháu giả đồ là cháu đi cùng với họ. Làm cách đó tài xế sẽ không hỏi tuổi của cháu đâu.”

Bà ta mỉm cười.

“Thế ra nhóc có một kế hoạch, phỏng? Ta thích chuyện này đây. Chà, cô bé gái với một kế hoạch. Này, có lẽ nhóc có đủ tiền để mua vé cho ta đi cùng chứ?” bà ta hỏi, nhướn cặp mắt vẽ đậm rì và nhìn sẫm soi những cọc tiền xu.

“Rất tiếc là không ạ. Tất cả số tiền dư của cháu có ngần này thôi. Nhưng cô có thể cầm chỗ này.” Tôi lần mò quanh túi quần và chìa ra bốn đồng 25 xu dư mà tôi vừa thắng bạc.

Bà ta nở một nụ cười méo mó và lắc đầu.

“Cất nó đi, nhóc. Mà nhóc định đi đến đâu?” bà ta hỏi.

“Liberty.”

“Ta hiểu. Nhưng cháu thực sự định đi đâu^[6]?” bà ta hỏi.

“Liberty,” tôi nhắc lại. “Nó nằm ở New York ạ.”

“Ồ. Chưa nghe thấy cái tên này bao giờ. Vậy, có gì ở Liberty?”

“Chỉ khi nào đến nơi thì cháu mới biết chắc được nó có gì thôi ạ,” tôi đáp.

Bà ta lại mỉm cười.

“Nhóc ăn nói khá là sắc sảo so với tuổi tác đấy,” bà ta bảo. “Đi nào, đi đến mua vé cho nhóc nào.”

Bà giúp tôi kéo chiếc túi vải đi tới cửa sổ phòng vé. Tôi đã đứng khi nghĩ bà là người tốt, vì tôi không nghĩ rằng nhiều người sẽ sẵn lòng đứng đó hứng trọn trận cảm râm của anh chàng nhân viên phòng vé vì mua vé với cả đồng tiền xu này. Judi - bà nói cho tôi tên bà là Judi với chữ i - thậm chí không chút ngại ngùng; bà chỉ đứng đó nhai kẹo cao su tanh tách và nói, “Ê, tiền nào cũng là tiền nha, anh giai,” và đợi cho đến cuối cùng anh ta đưa tấm vé cho bà qua cửa sổ mới thôi.

“Xéo đi,” anh ta nói trong khi bà quay đi và đưa tấm vé cho tôi.

“Thư giãn đi anh giai,” bà ta ngoảnh lại đáp.

Tôi nghĩ về câu Judi nói và cách mà bà nói có vẻ gì đó lảng mạn. Nhưng sau đó, sau khi tôi cảm ơn và đứng ở bến đậu xe buýt Số Năm với tấm vé đi Liberty của mình và bốn đồng 25 xu còn dư trong túi, tôi nhận ra mình đang thì thầm: “Thư giãn đi, Heidi. Thư giãn đi,” và có gì đó trong âm thanh của từ này khiến tôi vô cùng thích thú.

Chương 9

Về sớm

CHO DÙ NẾU BERNADETTE không bị bệnh sợ khoảng rộng đi chẳng nữa, bác cũng chẳng thể đi với tôi trong hành trình này. Không cách nào tôi có thể mang Mẹ đi cùng, đưa Mẹ lên xe buýt, và ai có thể chăm sóc được bà trong khi chúng tôi đi xa chứ? Dẫu sao thì tôi cũng sẽ phải đi một mình thôi.

Tôi không nói cho Bernie về buổi sáng mình xuống bến xe buýt để đánh bạc ở máy tự động và mua vé xe. Bác nghĩ tôi tới thư viện. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi nói dối bác. Tôi không thích cái cảm giác khi mình nói dối, vì thế tôi thấy căng thẳng, định sửa sai ngay khi về tới nhà. Khi tôi kể cho bác nghe việc mình đã làm và đưa cho bác xem tấm vé, bác giận tím mặt.

“Bác đã nói với cháu không biết bao nhiêu lần rồi, hả Heidi,” bác nói, “đã nhai đi nhai lại như thế rồi. Tại sao giờ cháu lại làm như thế này hả? Tại sao cháu không thể để cho mọi việc yên như thế hả?”

“Bởi vì mọi việc chẳng như những gì chúng phải thế bác à,” tôi đáp.

“Vậy chúng phải như thế nào kia?”

“Một người phải biết họ từ đâu tới, bác Bernie ạ.”

“Chúng ta đã sống ở đây mãi rồi chứ đâu,” bác nói. “Cháu từ đâu tới đâu phải là vấn đề; điều quan trọng là cháu sống tại đây này.”

“Có thể đó là điều quan trọng với bác, nhưng cháu không giống bác, bác Bernie à. Cháu chẳng muốn giống như bác, và cháu cũng chẳng muốn giống như Mẹ chút nào.”

“Tất cả chuyện này là cháu đang cố làm tổn thương ta, phải không?” bác hỏi.

“Chẳng có chuyện gì với bác cả, bác Bernie. Mà là với cháu đây này, bác không thấy sao?” tôi quát lên. “Bác nghĩ rằng cháu sẽ quên *soof* và Hilltop cùng tất cả những gì về nó, bác muốn cháu quên, nhưng cháu không thể. Nếu cháu làm thế, cuối cùng trong cháu cũng sẽ có kết cục như Mẹ - trong đầu đầy những mảnh vụn ký ức bị thất lạc.”

“Những mảnh vụn mà cháu đang thất lạc không hề quan trọng, Heidi à,” bác Bernie bảo.

“Đừng nói với cháu thứ gì quan trọng thứ gì không!” tôi gào lên. “Bác sao biết chứ. Bác chẳng biết gì cả. Bác muốn cháu giống bác, nhưng nếu thật sự bác quan tâm tới cháu, bác phải muốn cháu bình thường mới phải chứ.”

Bernie ngoảnh phắt mặt đi như thể bác vừa lãnh một cái tát.

“Ta cảm thấy như thể mình thậm chí chẳng biết tí gì về cháu nữa,” bác nói, và rồi bật khóc.

Tôi cũng òa khóc theo. Một phần vì tôi cảm thấy buồn vì đã làm tổn thương bác, nhưng phần lớn nguyên nhân là do tôi nhận ra rằng điều bác nói là đúng. Bác thực sự không biết gì về tôi nữa. Tôi chẳng dám chắc rằng tôi có biết rõ về chính bản thân mình hay không. Tôi muốn tới Liberty, tôi cần đi tới đó, nhưng tôi cũng lo sợ, và tôi không thể thú nhận nỗi sợ hãi này cho Bernie - bác sẽ vồ ngay lấy nó như con mèo chụp lấy cuộn len, tìm mọi cách làm nhụt đi quyết tâm của tôi.

“Đi như vậy không an toàn đâu,” bác nói. “Cháu còn quá nhỏ không đi một mình được.”

Tôi không nói cho bác rằng điều đó cũng đồng nghĩa với phạm luật nữa. Với lại tội gì tôi phải đổ thêm dầu vào lửa khi tôi biết rằng rồi trước sau gì thì bác cũng nhanh chóng biết được chuyện đó?

“Cháu phải đi một mình. Bác không thể đi với cháu và Mẹ cũng vậy. Không có sự lựa chọn nào cả,” tôi đáp.

“Đúng, đúng thế. Đừng đi nha.” Bernadette giờ đây đang quay sang nài nỉ. “Đợi đến khi cháu lớn hơn đã nha. Nghe bác đi. Bác đâu có nói là quên chuyện này đi đâu nào, bác nói là hãy chờ thêm chút

nữa đã. Chúng ta có thể tiếp tục gọi tới Hilltop. Chúng ta có thể tiếp tục cho mẹ của cháu xem các bức hình. Có lẽ cô ấy sẽ nhớ ra điều gì đó.”

“Bác chỉ đang nói để cố giữ cháu ở lại. Bác biết là Mẹ không thể nhớ được mà, bác Bernie,” tôi đáp. “Cháu chẳng quan tâm bác đã nói gì, cháu sẽ đi.”

“Cháu có thể không đi tới Liberty và đó là quyết định cuối cùng đấy, Heidi,” Bernie chốt lại.

“Bác đâu phải là mẹ cháu chứ,” tôi hét lên. “Bác đừng hòng bắt cháu phải làm này làm nọ. Chúng ta cũng chẳng phải là một gia đình. Bác chả là gì sất. Chả là gì sất!”

Bernie giật phắt chiếc vé khỏi tay tôi. Bác quá đỗi tức giận, thậm chí bác không còn là chính mình nữa.

“Đây là thứ mà cháu cần ư, Heidi?” bác rít lên qua hai hàm răng nghiến chặt, bàn tay bác run bần bật lên khi chìa tấm vé ra trước mặt tôi. “Giờ thì thứ này là tất cả những gì hệ trọng với cháu, phải thế không?”

“Vâng,” tôi cương quyết đáp.

Bác nhìn tôi chằm chằm một lúc lâu.

“Được. Thế thì đi đi. Cứ việc đi đi,” bác bảo.

Bác ném tấm vé xuống nền nhà và bước thình thịch vào nhà bếp, đi qua cửa thông sang căn hộ của bác, đóng sầm cánh cửa sau lưng lại. Đó là lần duy nhất tôi nhớ rằng mình nhìn thấy cánh cửa đó khép lại.

Suốt thời gian còn lại của ngày hôm đó, Bernie và tôi chẳng nói năng gì với nhau. Tôi cứ đi vào bếp để kiểm tra, nhưng cánh cửa vẫn đóng im ỉm, và vì một lý do gì đó tôi không thể tự mình mở nó ra được. Mấy lần mẹ hỏi Dette đâu, nhưng tôi có thể làm bà xao lãng và giữ cho bà bận rộn với cuốn sách tô màu Flintstones và hết tách trà này đến tách trà khác.

Đến giờ ăn tối, rốt cuộc Bernadette cũng qua và hâm lại một hộp thịt hầm. Bác đổ nó ra đĩa cho Mẹ và tôi nhưng mang đĩa của riêng

mình về nhà. Lần này, bác để cửa khép hờ.

Lần đầu tiên trong đời tôi tự mình đưa Mẹ đi ngủ. Thật may bà không gây ra điều gì khó khăn cho tôi. Tôi còn đưa Mẹ đi tắm và gội đầu, đây thường là phần việc của Bernie. Sau đó tôi đi tắm, và khi tôi đi nằm thì Bernie vào phòng, ngồi xuống sát mép giường.

“Cháu đừng bao giờ nói dối bác một lần nữa đấy, Heidi,” bác bảo tôi.

“Cháu phải làm thế, bác Bernie. Nếu không bác đã cố ngăn cháu không được mua vé,” tôi nói, nhướn một chân mày lên và liếc nhìn bác trong bóng tối.

Tôi thấy bác mỉm cười và khe khẽ lắc đầu.

“Cả hai bác cháu mình biết rằng bác không thể ngăn cản được cháu, đúng không nào, Heidi-Ho?”

Ba ngày sau, vào buổi chiều ngày hai mươi hai tháng chín, tôi lên đường đi Liberty. Tôi đã theo dõi và túm được Zander trước đó một ngày, nói lời tạm biệt đồng thời bảo cậu rằng tôi đã cố thuyết phục cô Chudacoff rằng cậu ấy sẽ là một người trông trẻ tốt thế chỗ giúp tôi. Zander rất vui mừng khi có việc làm, nhưng chủ yếu là cậu ta muốn tôi kể đi kể lại cho cậu nghe những gì tôi nói về cậu với cô Chudacoff.

“Tớ nói rằng cậu là người tốt,” tôi bảo, “và là một người bạn tốt.”

“Có thật là cậu đã nói tớ là người tốt chứ? Thề độc trước mẹ cậu được không?”

“Tớ thề độc trước mẹ tớ,” tôi thề.

“Hay đấy,” Zander cười toe toét.

“Thỉnh thoảng cậu tạt qua bác Bernie và Mẹ giúp tớ được không?” tôi đề nghị. “Đổ rác và mang hộp thư lên nhà ấy mà.”

“Được. Nhưng cậu sẽ quay về chứ, phải vậy không?” cậu ấy hỏi.

Tôi gật đầu và hơi có chút ngạc nhiên vì đã nói lời chia tay cậu ấy như vậy.

Ngày hôm đó Mẹ nằm bẹp trên giường với cơn đau đầu. Bernie đã cho bà uống tới bốn viên Tylenol nhưng Mẹ vẫn ôm đầu và rên rĩ.

“Tạm biệt Mẹ,” tôi nói, cúi xuống hôn lên má Mẹ.

“Về sớm, Heidi?” Mẹ nói, ngược lên nhìn tôi.

“Vâng, Mẹ à. Về sớm.”

Chuyến đi cũng phải mất ba ngày rưỡi cho một lượt đi, nhưng điều đó cũng chẳng tạo ra sự khác biệt nào với Mẹ. Bà không hề có ý thức về việc thời gian trôi đi. Tôi đơn giản trông như thể chỉ đi xuống cầu thang kiểm tra thư từ vào ngày hôm đó. Tôi đứng cạnh giường Mẹ, một tay xách chiếc vali P.F cũ kỹ mòn vẹt màu xanh da trời của Bernie, chiếc balô quàng qua vai, trong đó có cuốn sổ ghi chép các danh sách của tôi, hai chiếc sandwich bơ và giăm-bông. Tấm vé tàu được cất cẩn thận trong túi áo khoác.

“Về sớm, Heidi?” Mẹ nhắc lại, ngóc đầu lên khỏi gối và nở một nụ cười yếu ớt với tôi.

“Vâng, Mẹ à,” tôi đáp.

Nhưng sự thật là, tôi sẽ không quay lại nữa. Dẫu sao thì tôi cũng không quay lại với con người của ngày hôm đó nữa.

Bernie và tôi đã làm lành sau trận đấu khẩu náy lừa. Bác bảo, bác tha thứ cho tôi vì những điều đã nói ra trong cơn giận dữ, và cho dù tôi hứa không nói dối bác thêm lần nào nữa, vẫn có một thứ gì đó thay đổi giữa chúng tôi, tôi biết rằng mình đã làm bác tổn thương. Bác không thể nào giấu giếm được nỗi sợ hãi về chuyến đi của tôi, nhưng bác cũng hiểu là suy nghĩ của tôi đã thay đổi và không tranh cãi với tôi nữa, thậm chí ngay cả khi bác tìm hiểu ra việc tôi chưa đủ tuổi để đi xa.

“Cháu sẽ xoay xở được,” tôi nói với bác, mặc dù tôi không chắc là tôi sẽ xoay xở thế nào.

Bernie còn giúp tôi thu xếp hành lý nữa. Đôi lúc có cảm giác như chúng tôi là hai người cùng chiến tuyến, nhưng khi bác nói điều gì đó thì lại rõ ràng bác hoàn toàn đối lập với những hành động của mình.

“Tất cả chuyện này là lỗi của lão Thurman Hill kia,” bác nói giọng cay đắng ngay trước khi tôi rời Reno. “Nếu lão ta chỉ cần chịu nói cho

chúng ta qua điện thoại thì giờ cháu đâu cần phải đi đuổi theo cái thằng cha bốn chữ cái vô tích sự ấy.”

Khuôn mặt bác buồn xui và trông như sắp khóc đến nơi.

“Cháu tặng bác cái này nè, bác Bernie,” tôi vội vàng nói, lấy từ trong balô ra một cái ống nhỏ bằng giấy bồi và đưa cho bác.

“Cái gì thế?” bác hỏi, lấy mu bàn tay quẹt hai mắt. Bác mở một đầu chiếc ống và lôi ra một tờ giấy cuộn tròn bóng láng.

Đó là tấm bản đồ tôi mua cho bác. Tôi đã dùng bút đánh dấu để đánh dấu tuyến đường xe buýt từ Reno tới Liberty. Còn có một phần khác của món quà, một hộp bằng nhựa đựng những chiếc ghim màu.

“Hãy treo tấm bản đồ lên tường cạnh điện thoại, bác Bernie ạ. Cháu sẽ gọi cho bác ở mỗi chặng dừng, và bác có thể dùng những cái đinh ghim này để đánh dấu xem cháu đã đi xa tới đâu. Với cách này, bác sẽ biết chính xác cháu ở đâu, cũng giống như bác luôn biết tin về cháu.”

Bernie ôm chầm lấy tôi.

“Bác cũng có thứ này cho cháu,” bác nói.

Bác trao tôi một hộp nhỏ được thắt quanh bằng chỉ đỏ.

“Khi nào lên xe buýt cháu hãy mở ra nha,” bác dặn dò.

Chúng tôi ôm nhau một lần nữa. Mẹ từ trong phòng riêng bước ra vẫn trong bộ đồ ngủ, tóc bà rối bù và dính bết mồ hôi. Theo cái cách bà nghiêng đầu như vậy tôi biết rằng bà đang còn đau.

“Hôn,” Mẹ nói, bước tới và quàng cánh tay qua hai chúng tôi, xiết chặt vòng ôm của tôi và Bernie. Tôi ngoảnh lại và tì má mình vào khuôn mặt mềm mại của Mẹ. Mẹ cảm nhận được những giọt nước mắt của tôi.

“Uh-oh, Heidi,” bà nói.

“Con yêu Mẹ, Mẹ à,” tôi đáp và hôn bà.

Mẹ buông tay ra.

“Trà, Heidi?” Mẹ hỏi, nhìn tôi vẻ chờ đợi.

“Không, Mẹ à. Không phải lúc này.”

“Oi, Dette,” Mẹ kêu lên, đưa tay ôm đầu.

“Chị biết, Cung yêu quý à. Chị sẽ đưa em vào giường khi Heidi đi, và em có thể ăn thêm Jell-O đấy,” Bernie bảo Mẹ. Đoạn bác quay sang tôi. “Cháu sẽ gọi ở từng chặng dừng chứ?”

“Vâng, ở từng chặng dừng ạ,” tôi hứa.

“Và bác muốn cháu gọi lần thứ hai khi cháu tới Liberty,” Bernie nói, đặt hai bàn tay lên vai tôi - cách mà bác thường làm khi bác muốn chắc chắn rằng tôi đang nghe bác.

“Vâng. Cháu hứa ạ.” Tôi nói với bác.

“Cháu mang theo sandwich và tiền mà bác đưa cho cháu rồi chứ?”

“Dạ vâng,” tôi đáp.

“Cháu nhớ tên của công ty xe taxi chứ?” bác hỏi.

“Dạ nhớ, bác Bernie à. ABC.”

Bác đã gọi tìm thông tin của Liberty và liên hệ được một công ty dịch vụ taxi ngay gần bến xe buýt, có thể đưa tôi lên trại Hilltop. Bác cố gắng để cho họ biết rằng tôi sẽ tới Hilltop, nhưng người phụ nữ trả lời điện thoại ở đó đã dập máy trước khi Bernie có thể nói ra chuyện đó.

“Cháu sẽ gọi bác khi đến Liberty và rồi gọi tiếp cho bác khi cháu tới Hilltop nhé.”

“Vâng, bác Bernie,” tôi đáp lại lần nữa. “Cháu hứa mà.”

“Đừng nói cho ai biết cháu đi một mình nha. Cháu phải luôn giả bộ đang đi với ai đó nha. Một ai đó trông đáng tin ấy. Phụ nữ ấy. Ai đó trông như mẹ cháu vậy.”

Chúng tôi đã đề cập đến các chi tiết này không biết bao nhiêu lần rồi.

“Một khi đã tới Hilltop, khi cháu đã nhận được câu trả lời, cho dù nó như thế nào đi chăng nữa, Heidi ạ, thì hãy lên xe buýt ngay và về nhà với chúng ta nha.”

“Vâng, cháu sẽ làm thế,” tôi đáp. Bác vẫn còn giữ chặt hai vai tôi, và khi tôi cố lảng ra, bác trượt hai bàn tay mình xuống hai cánh tay tôi

và cầm lấy hai tay tôi.

“Giờ cháu phải đi thôi, bác Bernie,” tôi nói.

Với vẻ lưỡng lự, Bernadette bỏ tay tôi ra, và hai cánh tay bác nặng nề rơi thõng xuống.

“Đừng sợ,” bác thì thào.

“Cháu đâu có sợ,” tôi nói dối, mặc dù tôi đã hứa sẽ không bao giờ làm thế với bác nữa.

“Heidi...” Giọng Bernie nghèn nghẹn và mắt bác ầng ậng nước.

“Đừng lo, bác Bernie à. Cháu sẽ ổn mà.”

“Giờ cháu đi à,” bác nói.

Đó không phải là một câu hỏi mà là một thực tế.

Khi tôi xuống cầu thang, tôi đứng lom khom và nhìn lên. Cả Bernadette và Mẹ đang đứng ở cửa sổ. Zander đang ngồi ở bậc cầu thang chén bánh Devil Dogs. Cậu ấy đưa cho tôi hai gói còn chưa khai.

“Để ăn khi đi đường nha,” cậu ấy nói.

Tôi muốn ôm cậu ấy một cái, nhưng tôi không rõ là Zander sẽ cảm thấy thế nào, bởi thế thay vào đó tôi thụi vào cánh tay của cậu ấy. Zander cười toe và thụi lại tôi, nhưng không mạnh lắm.

“Hẹn gặp lại,” cậu ấy nói.

Tôi bước giật lùi, chiếc vali thúc vào chân, tôi kẹp chiếc hộp Bernie tặng dưới cánh tay, vẫy tay chào Mẹ, Bernie và Zander cho đến khi tôi phải rẽ ở chỗ ngoặt. Trong lúc đợi xe buýt Số Năm, tôi đặt vali và chiếc hộp xuống lề đường. Tôi đang thực sự thực hiện việc này đây. Tôi đang một mình tới New York. Trong tôi là cảm giác trống rỗng đến kỳ lạ nơi dạ dày và miệng tôi cảm nhận một vị kỳ cục như vị kim loại tựa nước từ vòi nước công cộng tại thư viện. Tôi nuốt nước bọt thật mạnh và ngược lên nhìn bầu trời trong xanh quang đãng. Thật an ủi khi biết rằng một mảnh trời này sẽ ở Liberty khi tôi tới đó. Bernadette đã nói đúng, tôi sẽ tới Liberty để truy lùng một từ có bốn chữ cái: s-o-o-f.

Chương 10

Đi

TÔI ĐẾN BẾN XE SỚM CÒN DƯ KHỐI THỜI GIAN. Tôi lên kế hoạch sử dụng thời gian để làm điều tôi và Bernie đã thỏa thuận, ngó nghiêng xung quanh để tìm một phụ nữ ngồi gần cửa khởi hành mà tôi có thể lên xe buýt cùng. Nhưng, khi tôi tới nơi, có vài lý do khiến chuyện đó không dễ dàng cho lắm. Có cả đồng phụ nữ xung quanh, với đủ hình dáng, màu da và kích cỡ; rất nhiều người trong số họ nhìn khá thân thiện, nhưng thay vì chọn lấy một người, tôi lại tìm một chỗ trống trên băng ghế dài và ngồi xuống. Tôi ngồi đó phải tới gần bốn mươi lăm phút với chiếc vali kẹp ở giữa hai đầu gối, chờ đợi. Tôi không biết giải thích về chuyện đó ra sao nữa - giống như cảm giác có người phù hợp sẽ tới và tìm kiếm tôi thay vì ngược lại là tôi sẽ tìm họ.

Khoảng bốn mươi phút trước khi xe buýt chuẩn bị lăn bánh, một người phụ nữ choàng chiếc áo mưa dài màu xanh lá tiến đến và ngồi xuống cạnh tôi. Cô có một túi xách tay nhỏ phủ lưới ở trên. Bên trong có năm chú mèo con, mỗi con một màu lông và một kiểu họa tiết khác nhau. Chúng đang kêu lên ngao ngao inh tai, do đó người phụ nữ đang tặc tặc lưới và thì thầm bảo chúng trật tự.

“Chúng nó đang sợ đấy mà, mấy nhóc con tội nghiệp. Lần đầu tiên chúng rời xa mẹ chúng,” cô bảo tôi.

Người phụ nữ ấy tên là Alice Wilinsky, và cô đang trên đường về đoàn tụ với gia đình lớn của mình ở Salt Lake City. Cô mang theo lũ mèo con để tặng chúng cho vài người họ hàng, vì cô đã có tới ba con mèo, trong đó có con mèo mẹ tên là Bebe. Chúng tôi bắt đầu trò chuyện về mèo và tôi kể cho cô nghe về Cookie Dough và Clara Barton; và trước khi tôi kịp để ý thì người ta thông báo về chuyến xe buýt của chúng tôi và cả hai cùng lên xe. Thật là dễ dàng.

Trong một tiếng đồng hồ đầu tiên trên xe buýt, Alice vẫn tiếp tục chuyện trò huyên thuyên không dứt trong khi tôi dán mắt vào chiếc hộp mà Bernie trao cho. Tôi muốn biết trong đó có gì. Nhưng tôi không muốn mở nó ra trước mặt Alice, e rằng biết đâu trong đó có thứ khiến tôi phải lúng túng. Cuối cùng khi có nhu cầu đi vệ sinh, cô đi ra phía sau xe buýt để vào toilet. Tôi vội vã tháo sợi chỉ buộc và mở hộp ra.

Bên trong hộp là một chiếc áo len dài tay màu đỏ. Chiếc áo mà tôi phát hiện ra nó bị nhét vào góc trong cùng của nhà kho. Bernie đã giặt giũ, chỉnh trang và cẩn thận vá những lỗ thủng do nhậy cắn bằng chỉ đỏ cùng màu. Tôi không biết bác đã làm công việc này; hẳn là bác đã vá áo trong phòng riêng vào ban đêm sau khi tôi say giấc. Tôi tròng chiếc áo len qua đầu và xắn ống tay áo lên. Chiếc áo quá rộng so với tôi, nhưng tôi không để tâm đến chuyện đó. Nó thật tuyệt vời. Mềm mại, ấm áp, và nức mùi thơm kỳ diệu của gia đình.

Gia đình. Tôi không dám để mình nghĩ về điều đó. Tôi sợ rằng nếu làm thế, cảm giác trống rỗng nằm nơi dạ dày lúc trước sẽ lan sang những phần khác trong cơ thể và khiến tôi lộn lạo. Để dứt tâm trí ra khỏi mọi chuyện, tôi lôi ra cuốn sổ tay và bắt đầu làm một danh sách mới.

Những thứ trước đây mình chưa từng nhìn thấy: những con bò, ghế ngồi có chỗ gác chân, xác động vật bị cán chết

1. xác hươu
2. xác gấu trúc Mỹ
3. xác chồn hôi
4. bộ lông bí ẩn

Alice từ phòng vệ sinh quay trở lại, và lần này có vẻ như cô không muốn trò chuyện. Thay vào đó, cô dựng chỗ để chân lên và ngả ghế ra phía sau hết cỡ để có thể chớp mắt. Tôi không thấy mệt, vì thế tôi ngồi làm cho danh sách của mình dài hơn chút nữa. Tôi bổ sung thêm ba điều nữa:

Những nhà giam, người thay lốp xe bị xẹp, những người vẫy xe xin quá giang

Lũ mèo con đang ngủ trong chiếc túi đặt sâu phía dưới ghế của Alice, nhưng một lát sau, có một con tỉnh giấc và bắt đầu kêu. Tôi cúi xuống và luồn mình giữa hàng ghế, liếc nhìn cái mặt nhỏ xíu xiu của nó qua tấm lưới.

“Đừng lo nha,” tôi thì thào. “Chúng ta sẽ tới nơi sớm thôi mà.”

Chúng tôi nghỉ chặng đầu tiên vào khoảng 7 giờ tối hôm đó ở Fernley, Nevada. Alice vẫn say ngủ, nên tôi bước qua cô, một mình xuống xe, và gọi cho Bernie theo như kế hoạch. Bác kêu ầm lên khi nghe thấy giọng tôi. Tôi cảm ơn Bernie rồi rút về chiếc áo len và nhanh chóng kể cho bác về chuyến xe buýt, về Alice và lũ mèo con cùng những điều khác mà tôi có thể nhét vào cuộc trò chuyện ngắn ngủi. Trước đó, chúng tôi đã đồng ý cài đồng hồ đếm ngược của bác để mỗi lần tôi gọi điện thì cuộc gọi chỉ trong vòng năm phút là cùng; như vậy hóa đơn thanh toán sẽ không đội lên quá cao.

Bác kể cho tôi những gì bác và Mẹ đã làm.

“Hôm nay mẹ cháu và bác quét bụi, Heidi à. Cháu biết mẹ cháu thích quét bụi như thế nào rồi đó.”

Mẹ và Bernadette thường dùng mấy chiếc chổi lông để cù chọc nhau, vì thế việc dọn nhà này giống như một trò chơi hơn. Dù vậy, tôi chưa bao giờ thấy lưu lại chút bụi bặm nào quanh nhà cả vì thế tôi đoán việc này cũng được hoàn thành tốt chứ không đơn thuần là để vui chơi cùng Mẹ.

“Đầu mẹ cháu sao rồi ạ?” tôi hỏi.

“Chiều nay lúc cháu đi rồi, cô ấy nằm suốt hai tiếng đồng hồ,” bác kể, “và từ đó đến giờ thì mẹ cháu khỏe. Cháu ổn chứ? Bác lo quá đi mất.”

Bernie đã treo tấm bản đồ trong bếp ngay cạnh điện thoại, và bác ghim chiếc đinh ghim đầu tiên lên đó, một chiếc đinh ghim màu xanh lên Fernley. Đồng hồ đếm ngược reo ngay khi người ta thông báo xe buýt sắp tiếp tục lên đường.

“Chặng dừng tiếp theo nhớ gọi bác nha,” Bernie dặn dò. “Đó sẽ là Lovelock.”

“Lúc ấy chắc khá muộn đấy ạ,” tôi đáp.

“Bác sẽ thức,” bác bảo tôi.

Trước khi lên đường, Bernie đã đưa cho tôi năm mươi đôla - đó là tất cả những gì bác có thể dành dụm được. Tôi bỏ những đồng tiền (chúng đã được bác rửa sạch, tất nhiên) trong balô của mình. Chúng tôi biết taxi lên Hilltop sẽ là mười lăm đôla một lượt đi, vậy có nghĩa rằng tôi chỉ có hai mươi đôla để mua đồ ăn hay dùng cho các việc khác mà tôi có thể cần dọc đường. Bernie sợ như vậy sẽ không đủ, nhưng tôi chẳng lo chút nào. Nếu tôi cần tiền, tôi biết chắc mình có cách để kiếm ra nó.

Tôi đói ngấu, nhưng tôi không muốn tiêu pha lãng phí vào đồ ăn ở sân ga, vì thế khi trở lại xe buýt, tôi ăn một chiếc sandwich kẹp giăm bông do Bernie chuẩn bị, và tiếp theo là một gói chocolate Devil Dogs của Zander. Thức ăn đã chặn ngay cơn gào thét của dạ dày, nhưng sâu thẳm trong lòng tôi vẫn có cảm giác trống rỗng không yên. Alice đã tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn, trở nên tươi tỉnh và lại có vẻ thích nói chuyện. Xem ra, cô là người ưa kể chuyện hơn là hỏi han, nhưng tôi không bận tâm tới điều đó. Sự lú lo không ngớt của cô giúp tôi giữ cho đầu óc khỏi nghĩ về những chuyện khác.

Cô cứ thế nói tràng giang đại hải tới tận khuya về cuộc hội ngộ gia đình ở Salt Lake. Thật tình cờ, bốn mươi hai người họ Wilinsky cũng đang trên đường tới đây. Thị tộc của cô, cô gọi họ như vậy. Cô giải thích rằng, cô hòa hợp với vài người một cách rất “đỉnh” và số khác cô chỉ có thể “giao tiếp qua loa”.

Khi cô bắt đầu kể về mối cừu hận của mình với người chị gái, Ellen, người đã nhận được món quà Giáng sinh xịn hơn cô vào năm ngoái thì tôi thấy buồn ngủ trĩu mắt. Thực tế là tôi đã ngủ ngon lành, ngủ cả khi xe dừng ở Lovelock. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi và Bernie không nói với nhau lời chúc ngủ ngon.

Tôi ngủ một mạch tới tận sáng hôm sau. Khi tỉnh giấc, cổ của tôi cứng đơ và lưỡi mèo con đang meo meo những âm thanh tội nghiệp phía dưới ghế ngồi. Alice đặt ngón tay lên môi, và rồi khi chắc người

lái xe không nhìn thấy, cô nhấc từng con một ra khỏi chiếc túi, đưa tôi hai con để giấu chúng dưới áo len, chúng nằm gọn trong đó.

“Gia đình cưng đông đúc không, Heidi?” Alice hỏi tôi.

Tôi chờ đợi mà không trả lời. Tôi biết rằng Alice có kiểu hỏi những câu mà cô thực ra chẳng để ý câu trả lời của ta. Và lại, tôi không thích kể cho Alice về gia đình mình. Lắng nghe cô thao thao bất tuyệt về đủ mọi thứ về gia đình cô đã bắt đầu khiến tôi còn cảm nhận một cách sâu sắc hơn nữa tất cả những điều tôi không biết về gia đình mình. Alice nhìn tôi vẻ chờ đợi. Hẳn là lần này cô muốn có câu trả lời.

“Gia đình em có Mẹ, Bernie và em,” tôi đáp. “Và em cũng có bà ngoại nữa.”

Cảm giác hưng phấn lạ kỳ khi nói ra điều đó và tôi khoe tôi có bà ngoại như thế cho dù tôi không chắc điều vừa nói có đúng hay không. Nhưng Alice không hỏi chuyện ấy. Sao cô ấy phải hỏi kia chứ. Bốn mươi hai người nhà Wilinsky đang tề tựu về Salt Lake City; có vẻ như cũng hợp lý đối với tôi khi có một người bà dù là chả ra gì chứ.

“Bà ngoại em cho em chiếc áo len này làm món quà chia tay đấy,” tôi nói thêm đầy trơ trẽn.

Khi tôi nói dối Bernie về việc mua vé, tôi đã cảm thấy tội lỗi khôn nguôi. Lần này thì lại khác. Thật dễ dàng. Và tôi chẳng cảm thấy chút tội lỗi nào, chỉ hơi váng vất tí chút. Alice đâu biết gì về tôi. Tôi có thể kể với cô về bản thân mình hoặc về gia đình tôi bất cứ điều gì tôi muốn, và cô sẽ chẳng biết tôi có bịa đặt hay không.

“Bà ngoại em sống với tụi em và tặng quà cho em suốt,” tôi kể. “Tới cả trăm món quà rồi ấy.”

“Bà của chị thì dạy chị làm bánh,” Alice nói, chuyển cuộc đối thoại từ tôi sang bản thân cô. “Bí mật nằm trong mỡ lợn ấy. Ngày nay người ta quay lưng lại với mỡ lợn rồi, nhưng đó là cách duy nhất để làm cho vỏ bánh xốp. Nói cho em hay nha, Heidi,” cô bảo khi đứng dậy và cẩn thận kéo chiếc túi mua sắm ở trong ngăn hành lý phía trên đầu xuống. “Chị mang một ít bánh đến buổi họp mặt, nhưng có Chúa biết xe xóc long xồng xộc thế này khi đến nơi chúng sẽ bẹp dí

mất thôi. Em thích thử bánh dâu tây nhân đại hoàng ngay giờ không?” Cô lôi từ trong túi ra một hộp nhôm. “Ai bảo bánh ngọt không dùng cho bữa sáng nào?”

Tôi đói cồn cào và cũng chưa từng được nếm bánh tự làm lần nào trong đời. Bernadette không biết làm bánh. Bác cũng chẳng phải người làm món nướng hay rán. Bác chỉ hợp với món trứng chiên, nhưng ngoài ra còn có vài món khác, cà phê và Jell-O, tôi không nhớ được các món tạp nham do bác làm. Chúng tôi hầu như ăn các món đông lạnh và đồ hộp được hâm nóng lên. Bánh của Alice có những sợi bột nhỏ xíu đan vào nhau như tấm lưới phủ ở phía trên, và các góc được nặn một cách hoàn hảo, thậm chí còn có chút làn sóng uốn lượn xung quanh nữa. Thật là đẹp mắt.

“Bà ở trong 4-H^[7],” cô giải thích khi quan sát tôi đưa cái nĩa xiên bánh cho vào miệng. “Bà được giải thưởng cho món bánh tự làm đó, và bà đã truyền tất cả bí quyết cho chị vì chị là đứa cháu bà yêu quý nhất.”

Tôi không biết làm bánh như thế nào, nhưng do không hiểu nên bỗng nhiên các bí quyết mà bà của Alice truyền cho cô khiến tôi ghen tị tới mức cảm thấy bị tổn thương.

“Bà em cũng biết làm bánh,” tôi bảo. “Bà là người làm bánh giỏi nhất trên đời. Nhưng bà không làm bánh nướng đâu. Chỉ làm bánh ngọt thôi - loại với rất nhiều lớp cùng với đường rắc ở giữa cùng các bông hồng gắn lên trên ấy. Chúng em đều là những người ghiền bánh. Tất cả mọi người trong gia đình em.”

Tôi ăn bánh nướng trong khi nói. Cắn hết miếng này tới miếng khác, không thể dừng lại được, y như chuyện nói dối vậy.

“Bánh ngọt, bánh ngọt, bánh ngọt, đó là tất cả những gì mọi người nghĩ về gia đình em,” tôi nói với miệng phúng phính bánh nướng.

Alice quan sát tôi khoan thủng hết cả chỗ bánh nướng. Khi tôi ấn nĩa vào miếng cuối cùng trong lòng chiếc đĩa nhôm, cô mỉm cười và nói giọng đầy tự hào, “Em đã từng nếm thứ vỏ bánh nào bông hơn thế này chưa, Heidi?”

Tôi lắc đầu và liếm chiếc nĩa sạch bóng. Tôi cảm thấy buồn nôn.

Lũ mèo nằm dưới áo len của tôi giãy giụa không ngừng, và những chiếc vuốt nhỏ xíu của chúng vồ lấy những đường khâu của chiếc áo khi chúng oằn oại người; thế là tôi nhấc chúng ra và đặt chúng trở lại chiếc túi xách. Alice cho chúng uống sữa nóng; cô rót sữa vào một chiếc đĩa nhỏ và đặt vào trong túi cho chúng. Tôi thấy khát và ước gì cô cũng mời tôi một ít sữa, nhưng cô mang chúng cho lũ mèo mà, thế nên tôi im lặng.

“Sinh nhật em vào ngày nào?” Alice hỏi tôi khi cô đã ngả lưng trên ghế của mình. Lần này cô không đợi câu trả lời. “Sinh nhật của chị vào ngày hai tháng mười,” cô bảo. Đoạn, nhắm đếm đốt ngón tay, cô nói tiếp. “Sinh nhật mẹ chị vào ngày mười tháng mười, sinh nhật chị của chị vào ngày mười ba, của em là ngày mười tám và của Bố là vào ngày hai mươi bảy. Cả năm người nhà chị đều là những Wilinsky tháng mười.”

Những Wilinsky tháng mười. Tôi lại cảm thấy một cơn nhói đau vì ghen tị nữa. Tôi nhìn Alice và tự hỏi - cô ấy có hiểu được không nếu tôi nói cho cô về ngày sinh của tôi? Liệu cô có biết một ai khác phải đoán chừng về ngày mà họ được sinh ra hay chẳng? Làm sao những Wilinsky tháng mười có thể hiểu được điều đó?

“Ai đặt tên cho chị, chị Alice?” tôi hỏi, và chuẩn bị đương đầu với một sự đau đớn khác vì tôi biết chắc là cô sẽ biết người đặt tên cho mình.

“Đó là truyền thống của nhà Wilinsky,” cô bắt đầu kể. “Cái tên Alice được đặt tên trong gia đình qua các thế hệ. Rất nhiều người trong họ chị có cái tên này. Bà nội chị và bà cố nội chị cũng tên Alice, và có hai người bác lấy hai người vợ tên Alice, và, chời, ít nhất là có ba Alice khác nữa mà giờ chị chịu không nhớ ra được.”

Ý nghĩ về tất cả những người họ Wilinsky này, mang những cái tên hạnh phúc này đặt cho các đứa trẻ của họ qua các thế hệ khiến tôi bức bối không yên, và lại khiến tôi nói dối một cách trơn tru.

“Em được đặt theo tên của một bộ phim,” tôi bảo. “Bộ phim có Shirley Temple thủ vai.”

“Thật ư? O, chị thích Shirley Temple,” Alice nói, hai tay vỗ vào nhau đầy vui sướng. “Tất cả những lọn tóc quăn ấy, và cái bĩu môi thật đáng yêu. Chị là fan ruột của Shirley nè.”

“Bà ngoại em quen cô ấy,” tôi tiếp tục, cố hết sức để tỏ ra đây chẳng có gì là ghê gớm cả, chỉ là một trong vô số điều thú vị về bản thân mình.

“Bà biết Shirley Temple ư? Ý em là quen biết cá nhân ư?” Alice hỏi.

Ngực tôi ưỡn lên đầy tự hào. Tôi đang khám phá ra một điều khác về sự dối trá. Khi mọi người tin vào điều ta nói, thỉnh thoảng ta quên rằng ta đang không nói thật.

“Shirley Temple là người đã dạy bà em làm bánh ngọt đó. Cô làm bánh ngọt rất cừ,” tôi bảo.

Alice nhìn tôi phải đến một phút.

“Cái người Shirley Temple mà chúng ta đang nói đến ư? Ngôi sao điện ảnh? Cô ấy dạy bà ngoại em làm bánh ngọt ư?” cô hỏi.

Tôi gật đầu.

“Cô ấy ghé qua nhà và làm bánh ở nhà chúng em suốt mà,” tôi đáp.

“Shirley Temple đến nhà em ư?” Alice hỏi.

“Vâng. Cô ấy nói cô thích lò nướng bánh nhà em hơn lò của nhà cô ấy,” tôi bảo.

“Chị hiểu rồi,” Alice nói, gật đầu và kéo một sợi chỉ thừa trên ống tay áo. “Hẳn là nhà em có một cái lò tốt nhỉ.”

“Vâng,” tôi đáp. “Shirley Temple rất hay đến nhà em để sử dụng nó, và sau khi cô cùng bà ngoại nướng bánh xong, họ cùng trang trí bánh và gắn nến lên trên, và rồi tất cả nhà em cùng ngồi xung quanh và vờ như có sinh nhật của ai đó.”

“Và cô ấy sang thăm nhà em khá thường xuyên, phải thế không? Nướng bánh ở nhà em?” Alice hỏi.

“Rất thường xuyên,” tôi đáp. “Thực ra là sang liên tục ấy. Tất nhiên trừ khi cô bận làm phim ở Hollywood.”

“Tất nhiên rồi,” cô đáp. “Kể cho chị nghe đi, Heidi - Shirley Temple sang nhà em nướng bánh với bà ngoại em, cô ấy có từng nhảy điệu clacket với em chứ, có lẽ cô ấy cho em xem cả các điệu nhảy mà cô ấy đang luyện tập cho bộ phim sắp tới chứ?”

“Thỉnh thoảng ạ,” tôi đáp. “Thỉnh thoảng cô ấy có khiêu vũ.”

“Trong bếp nhà em à?” Alice hỏi.

“Hoặc trong phòng khách,” tôi bảo.

“Và thỉnh thoảng cô ấy hát nữa chứ nhỉ?” Alice hỏi.

“Thỉnh thoảng,” tôi kể. “Nếu cô ấy có hứng thú.”

Alice bật cười to. Đoạn cô nhìn xuống lòng mình, chẳng nói năng gì trong vòng một phút, và tôi biết có điều gì đó không ổn.

“Heidi,” cuối cùng cô nói, “như chị nói với em rồi đó, chị là fan ruột của Shirley Temple. Chị nghĩ mình đã xem mọi bộ phim cô đóng tới cả tá lần rồi ấy, đó là lý do vì sao tự nhiên chị nhớ là cô không đóng bộ phim nào mới kể từ phim *Một nụ hôn cho Corliss*, từ những năm 1940 kia. Giờ nữ minh tinh này là một bà già, gần tám mươi rồi chứ không ít. Tham gia vào chính trường. Một người trung thành với Đảng Cộng hòa. Bà ấy không nhảy được điệu clacket trong bếp nhà em như là chị nữa đâu.”

“Ô,” tôi thốt lên, hay dù sao cũng cố gắng thốt lên lời. Đôi môi tôi có thể chỉ cố gắng phát thành một từ tròn trịa đầy buồn bã; thực tế là không có âm thanh nào được phát ra. Giờ tôi đã hiểu. Ngay từ đầu cô thừa biết là tôi đang nói dối. Về chuyện nhảy nhót, hát hò và nướng bánh. Về mọi chuyện. Cô đã lắng nghe tôi nói và để mặc tôi nói như tôi đã làm thế với Zander, gạt đầu, ừ hừ và khuyến khích tôi, trong khi biết tòng là tôi bịa đặt.

Tại sao cô ấy làm thế? Tại sao cô không nói rằng tôi đang dối trá? Có lẽ cũng giống lý do tôi không nói thế với Zander. Cô ấy thích thú việc tự mình cố hình dung ra điều gì nằm phía sau những lời nói dối. Nhưng tôi không giống Zander - tôi không nói dối vì sự thật quá nặng nề để thừa nhận nó. Tôi không che giấu sự thật. Nếu đó là những gì cô ấy muốn, tôi sẽ đưa nó hết cho cô.

“Em không có ngày sinh nhật,” tôi đáp. “Và mẹ em bị bại não, em cũng chẳng chắc là mình có bà ngoại hay không nữa.”

Cô không nói gì cả.

“Bác Bernie nói, như thể Mẹ và em từ trên trời rơi xuống vậy,” tôi bảo Alice.

“Hmm.” Alice gật đầu và vuốt vuốt bộ lông con mèo đang nằm trên váy cô, nhưng cô không bảo tôi giải thích. Cô là một Wilinsky tháng mười. Cô có bà nội, người đã đặt tên cho cô theo tên mình và truyền cho cô các bí quyết và yêu cô hơn hết thảy. Cô đâu cần biết sự thật về tôi. Cô thậm chí không muốn biết nữa cơ.

Từ lúc đó trở đi, không khí giữa chúng tôi đặc quánh lại và thật khó thở. Alice đọc tạp chí, tiếm nước bọt vào đầu ngón tay mỗi khi cô lật trang. Lũ mèo kêu la, nhưng cô không để cho tôi giữ chúng. Khi rốt cuộc chúng tôi đến Salt Lake City, Alice nhét cuốn tạp chí vào túi xách, tô son môi, và chải tóc.

“Giờ em đi bảo trọng nha, Heidi,” cô nói khi choàng lên người chiếc áo mưa dài màu xanh lá.

Lúc cô đến và ngồi xuống cạnh tôi ở bến xe Reno trong chiếc áo mưa đó, tôi đã cảm giác như mình được tìm thấy, nhưng khi cô bước ra khỏi xe buýt và tôi nghe lũ mèo meo meo kêu còn Alice tặc lưỡi để an ủi chúng, tôi chắc chắn rằng mình sẽ chẳng bao giờ cảm thấy bị lạc hơn nữa trong cuộc đời mình.

Chương 11

Tốt

TÔI GỌI CHO BERNIE từ điện thoại trong ga thành phố Salt Lake. Bác đang uống cà phê sáng.

“Cháu xin lỗi vì đã không gọi bác đêm qua, bác Bernie à. Cháu ngủ quên lúc qua Lovelock,” tôi bảo bác.

“Bác cũng hình dung ra như vậy, nhưng cũng không khiến bác hết lo,” bác đáp. “Cháu thế nào rồi, bé con?”

Tôi cần phải trả lời câu hỏi này ra sao đây? Sau những gì tôi vừa trải qua với Alice, tôi muốn kể sự thật cho Bernie. Nhưng nếu bác biết tôi đang buồn và nhớ nhà, bác sẽ bảo tôi đổi xe và quay về nhà cho mà xem. Tôi không rõ mình có thể từ chối hay không và điều làm tôi lo lắng hơn cả là tôi không chắc mình có nhớ được lý do tại sao phải nói không với bác.

Một người đàn ông mặt đỏ gay dừng lại ngay trước mặt tôi cầm một miếng xì gà đen to tướng. Ông rít mấy hơi liền, rồi chum môi thổi tắt que diêm. Một âm thanh nhẹ nhàng quen thuộc lướt qua không khí tới bên tôi theo làn khói xám - *soof* - và tôi nhớ ra.

“Cháu không sao chứ?” Bernie hỏi.

“Vâng, bác Bernie à,” tôi đáp. “Cháu khỏe mà.”

Đường dây điện thoại kêu lẹt xẹt.

“Ôô! Cháu có nghe thấy không vậy?” bác hỏi.

“Gì thế ạ?”

“Sấm chớp rền vang đó. Trời đang mưa như trút nước vậy,” bác bảo. “Cháu biết mẹ cháu cảm thấy thế nào khi trời mưa rồi đấy. Cô ấy giấu mặt dưới gối suốt từ lúc trời bắt đầu mưa tới giờ.”

Lại thêm tiếng lẹt xẹt, rồi đường dây rít lên và không còn tiếng ồn nữa.

“Bác còn đó không, bác Bernie? Bác Bernie?”

“Bình tĩnh nào, bé con. Bác đây mà,” bác nói. “Và bác đang ghim một chiếc đinh ghim lên ngay điểm của thành phố Salt Lake để bác biết chính xác nơi cháu đang trên đường mà bác luôn...”

Đường dây lại kêu lẹt xẹt, rít lên, và lần này, khi nó hết hẳn tiếng ồn, bác không còn ở đó nữa.

“Bernie? Bác Bernie?” tôi hét lên trong điện thoại.

Tôi đứng đó trong một lúc với chiếc ống nghe áp chặt vào tai, nhưng bác không trở lại. Không còn thời gian gọi lại cho bác nữa rồi. Tôi phải chạy để lên xe buýt đúng giờ. May mắn là tài xế không để ý, hoặc có lẽ ông không quan tâm rằng Alice không đi cùng với tôi nữa.

Tôi tìm một chỗ ngồi mới và đặt mình xuống ghế, ngủ gà ngủ gật tận tới khi chúng tôi đến chặng dừng tiếp theo, Rock Springs, Wyoming. Chúng tôi thay tài xế ở đây, nhưng không đổi xe, vì thế dù tôi rất muốn nghe giọng Bernie, nhưng tôi quyết định phải hành động an toàn và ở lại trên xe buýt. Tôi không biết liệu lái xe mới có cảm giác là tôi đi một mình hay không, và tôi thấy mình không thể đối mặt với việc đi tìm một người mới để làm quen. Tôi ăn chiếc bánh sandwich kẹp giăm bông thứ hai, cắn từng miếng nhỏ càng lâu càng tốt cho đến mẩu cuối cùng. Rồi tương tự như vậy, tôi cũng nhắm nháp thật lâu thanh Devil Dogs.

Cuộc trò chuyện với Alice cứ tua đi tua lại trong đầu tôi. Tôi ước gì mình có một cái công tắc trong óc để tắt phụt nó cho rồi. Tôi tiếp tục thuyết phục bản thân rằng, cô ấy có nghĩ gì về tôi cũng chẳng thành vấn đề vì tới cả ngàn năm nữa cũng chẳng có cơ hội gặp lại nhau. Nhưng tôi không thể ngăn được nỗi băn khoăn, biết đâu giờ đây cô ấy đang đứng chung với một đám Alice khác, cười ngặt nghẽo về một đứa bé ngốc nghếch trên xe buýt, đứa bé đã kể cho cô nghe rằng Shirley Temple nhảy clacket trong bếp nhà mình. Thật bẽ bàng khi nghĩ về cảnh đó, nhưng đấy không hẳn là những gì thực sự khiến tôi buồn bực.

Điều làm tôi áy náy là không biết vì sao mình lại hành động như thế. Một lời nói dối là điều trái ngược với sự thật. Sự thật là điều tốt và dối trá là điều xấu xa. Màu đen và màu trắng. Đơn giản. Thế mà tôi đã nói dối Alice không vì một lý do nào cả, tôi thậm chí còn chẳng cảm thấy khó chịu cho đến khi bị vạch mặt. Điều đó đã nói gì về tôi?

Tôi lôi cuốn sổ tay ra và bắt đầu làm một danh sách mới:

NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT VỀ SỰ DỐI TRÁ

Nói dối là xấu xa

Nói dối là sai trái

Đôi khi người ta nói dối vì sự thật quá nặng nề để thừa nhận nó

Đôi khi nói dối thật dễ dàng

Đôi khi nếu bạn không cẩn thận, bạn bắt đầu tin vào lời nói dối của chính mình

Đôi khi lời nói dối khiến bạn cảm thấy tội lỗi

Đôi khi nó lại không cho cảm giác ấy

Không phải lúc nào người ta cũng nói với bạn rằng họ biết bạn đang nói dối

Vào lúc chúng tôi đến chặng dừng tiếp theo, Cheyenne, tôi cảm thấy khó ở. Dạ dày tôi chuyển từ trạng thái trống rỗng sang nhói đau và tôi e rằng có lẽ mình cần phải nôn ra. Bernie luôn mang cho tôi một chiếc tô và giữ trán giúp tôi trong khi tôi ói. Và sau đó, bác đưa cho tôi một thanh kẹo cao su Doublemint để khử mùi.

Tôi là người đầu tiên lao ra khỏi xe buýt và tôi chẳng thêm quan tâm xem nên tìm lấy ai đó để giúp tôi lên xe. Có lẽ, tôi sẽ chẳng lên xe nữa. Có lẽ, tôi sẽ gọi điện cho Bernie, nói với bác rằng tôi không khỏe và bác sẽ khuyên tôi quay về nhà. Khuyên tôi bỏ cuộc. Và có lẽ tôi sẽ về nhà. Về nhà với Mẹ và Bernie.

Tôi tìm một buồng điện thoại công cộng và quay số, nhưng thay vì tiếng một người trực tổng đài, tôi gặp giọng nói trong băng ghi âm cho biết họ không thể thực hiện được cuộc gọi vào lúc này. Tôi thử thêm hai lần nữa, nhưng vẫn gặp giọng nói ấy. Cơn lộn lạo trong dạ dày tôi tăng lên gấp đôi. Nhìn qua cửa sổ của buồng điện thoại, tôi thấy một cửa hàng nhỏ gần phòng vệ sinh nữ và quyết định tới đó

mua một phong Doublemint để phòng trường hợp cần dùng. Nhưng khi tới nơi, tôi đã đổi ý định và thay vào đó tôi hỏi mua một ly cà phê đen. Người phụ nữ có vẻ ngạc nhiên, và trong một giây, tôi nghĩ rằng có lẽ bà sẽ không bán cho tôi.

Nhưng tôi đưa bà tờ một đôla và bà trả lại tôi tiền thừa cùng một ly giấy màu xanh-trắng có nắp nhựa. Tôi vội nhấp một ngụm. Nó còn đắng hơn cả cà phê của bác Bernie, nhưng tôi chẳng quan tâm - tôi sẽ không uống nó. Tôi sẽ chỉ cầm nó trong tay và ngửi nó, để nó đưa tôi về nơi tôi muốn tới - trong căn bếp với Bernie mặc áo choàng tắm đang xay cà phê còn Mẹ thì đang vẽ ở phòng khách.

Các buồng điện thoại ở Cheyenne khá đẹp với những chiếc ghế nhỏ xinh và một bóng điện tự bật sáng mỗi khi ta đóng tấm cửa kính lại. Tôi tìm một buồng trống, bước vào, và đóng cửa lại. Mùi hương quen thuộc của cà phê lập tức tràn ngập không gian bé nhỏ, khiến nó gần như ấm áp, và tôi bắt đầu cảm thấy khá hơn. Tôi đặt ly cà phê trên chiếc giá bằng kim loại cạnh điện thoại và quay số nhà Bernie một lần nữa. Lần này, tiếng người trực tổng đài ở trên đường dây.

“Cuộc gọi người nhận trả tiền^[8] từ Heidi ạ,” tôi nói, nhẹ lòng khi nghe thấy tiếng người.

“Xin lỗi cháu thân mến, vừa có thời tiết xấu và đường điện thoại đã bị hỏng,” cô nói với tôi.

“Hỏng ư? Trong bao lâu ạ?” tôi hỏi.

“Thật khó trả lời được,” cô nói với tôi. “Vài giờ, vài ngày. Tùy thuộc vào vấn đề của nó là gì.”

Vài ngày ư? Nếu tôi quay lại xe buýt, vài ngày nữa tôi sẽ tới Liberty.

“Cô có thể làm ơn thử lại giúp cháu không?” tôi nói. “Chuyện rất quan trọng ạ.”

“Được chứ, nhưng cũng chẳng thay đổi được gì đâu. Như cô nói rồi đó, đường dây bị hỏng, và hỏng là hỏng thôi.”

Tôi thử gọi Bernie vài lần nữa nhưng đều không được cho đến khi rốt cuộc tôi nghe tiếng thông báo xe buýt khởi hành. Cà phê trong tách đã nguội và giờ đây mùi hương đang tạo thành một ma lực u ám

hơn. Nỗi sợ hãi ập tới, và tôi cảm thấy còn lộn lạo hơn trước. Tôi biết rằng giọng của Bernie là thứ duy nhất có thể sẽ lấp đầy được khoảng trống mà rốt cuộc đang dâng lên và định kéo lộn ra ngoài.

Tôi gác máy với đôi tay run rẩy và đẩy mở cánh cửa kính. *Soof*, nó thì thầm như thể tự gấp lại để tôi bước qua. Tôi đưa tay bịt lấy hai tai. Tôi không muốn nghe thấy từ đó. Không phải lúc này. Tôi không muốn được nhắc nhở. Tôi không muốn bất cứ thứ gì trừ việc tìm một chiếc hộp bỏ đi. Tôi sẽ nôn mất.

Bóng điện phía trên đầu đã phụt tắt khi tôi mở cửa ra, và tôi đứng trong bóng tối, run rẩy trong lúc một đợt sóng mạnh mẽ của cơn buồn nôn nhấn chìm tôi. Tôi có thể nhìn thấy chiếc hộp rỗng, chỉ cách đó có vài bước chân, song dường như tôi không thể cử động được. Tôi nhắm mắt và cố điều khiển mình bước ra khỏi buồng điện thoại, nhưng tôi bị đông cứng một chỗ. Rồi một giọng nói xa xăm vang đến bên tôi - thoát tiên tôi nghĩ đó là giọng của Bernie, một tiếng nói của ký ức bên trong đầu tôi; sau đó, tôi nhận ra tôi đang nghe giọng nói của chính mình. Tôi đang tự nói to với bản thân, âm thanh bị méo đi và dội lại vì đôi tay của tôi vẫn đang bịt chặt hai tai:

Lượn một vòng, lên, xuống, hất cái đuôi sang bên. Lượn một vòng lên, xuống, hất cái đuôi sang bên.

Tôi loạng choạng rời khỏi buồng điện thoại và điên cuồng lao tới chiếc hộp rỗng, với lấy nó vừa đúng lúc. Tới ba lần tôi nôn ọe và khạc nhổ vào trong chiếc hộp kim loại lớn màu xanh da trời ấy. Và cuối cùng cơn nôn mửa cũng cũng kết thúc, tôi mở choàng mắt ra và chớp chớp hàng mi. Đó là Georgia Sweet.

“Dùng Doublemint chứ?” chị hỏi, chìa một gói về phía tôi.

Chị cao và gầy, và vào cái ngày chúng tôi gặp nhau, Georgia diện một chiếc váy dài màu vàng với những bông hoa xanh da trời. Chị nói chị mười tám tuổi và sống ở Wheatland - Wyoming, suốt từ thuở bé, nhưng giờ chị đang trên đường tới thành phố New York, để vào trường đại học. Thành phố New York cách xa Wheatland - Wyoming, nhưng nó chỉ bằng hai phần ba thời gian tới Liberty. Chúng tôi sẽ đi

trên cùng một chuyến xe buýt trong hai ngày tới. Một lần nữa, tôi lại được tìm thấy.

“Sao chị biết công dụng của Doublemint?” tôi hỏi chị khi chúng tôi chìa vé để kiểm tra và cùng nhau lên xe buýt.

Georgia đã khẳng khái đòi mua cho tôi một lon Coke để giúp làm dịu cái dạ dày của tôi, và tôi đang cảm thấy khá hơn rất nhiều.

“Mẹ chị thường đưa Doublemint cho chị sau mỗi lần chị nôn,” chị đáp. “Mẹ em cũng thế hả?”

“Mẹ em bị bại não, vì thế bà không thực sự chăm sóc em. Bernie là người đưa kẹo cao su cho em,” tôi đáp, quyết tâm ngay từ đầu đã xổ ra sự thật với Georgia.

“Bernie là bố em hả?” chị ấy hỏi.

“Không. Đó là bác hàng xóm nhà em, nhưng bác ấy cũng sống cùng mẹ con em. Bác ấy là người nhà. Gia đình em chỉ có ba người, ngoài ra có lẽ em có một bà ngoại nhưng em không thật chắc lắm. Đó là cả một câu chuyện dài,” tôi bảo.

Georgia đối lập với Alice. Chị là một người hay hỏi, không phải là người hay kể. Tôi trả lời cả triệu câu hỏi trong suốt hai ngày Georgia và tôi đi cùng nhau. Như tôi đã nói với chị ấy, chuyện của tôi rất dài, nhưng Georgia rất muốn nghe, và tôi đoán rằng mình muốn kể nó ra vì tôi không còn có quá nhiều điều bí mật để mà giấu giếm.

“Thử viên mùi Violet không?” Georgia hỏi trong thời gian tạm ngưng giữa cuộc nói chuyện. Chị ấy lục lọi ví, rồi lôi ra một thỏi kẹo bọc trong giấy bạc.

Tôi cho một viên kẹo vào miệng nhưng chỉ một giây đã vội nhè ra ngay.

“Như mùi nước hoa ấy nhỉ,” tôi bảo.

“Ờ há. Nó giúp ta có hơi thở tươi mát, thấy không?” Chị thổi thẳng vào tôi một luồng hơi nhẹ, ấm ấm thơm mùi hương hoa.

“Có,” tôi đáp.

“Hơi thở thơm tho là rất quan trọng,” chị nói.

Tôi muốn hỏi chị xem hơi thở của tôi có ổn hay không, nhưng tôi cảm thấy quá ngại ngùng. Thay vào đó, tôi lại nhét viên Violet vào miệng và mút nó để đề phòng trường hợp hơi thở của mình có vấn đề.

“Em có định sau khi tốt nghiệp trung học sẽ vào trường đại học không?” chị hỏi tôi.

Tôi chưa nói với chị ấy rằng mình không tới trường.

“Bernie dạy em học,” tôi bảo, “vì thế em sẽ không đi học trung học đâu. Em đoán là bác sẽ dạy em cả đại học nữa.”

“Chị không nghĩ một người có thể dạy đại học được - việc này cần đến cả đồng giảng viên ấy chứ,” Georgia nói. “Vớ lại, nếu em muốn học điều gì đó mà Bernie không biết thì sao?”

“Chẳng hạn như gì ạ?” tôi hỏi.

“Chị không biết. Như kinh tế GD chẳng hạn. Đó là môn chính mà mẹ chị học ở đại học đấy.”

“Kinh tế GD là gì?” tôi thắc mắc.

“Kinh tế gia đình. Người ta dạy những thứ cho phụ nữ, em biết đấy, nấu ăn này, khâu vá này, và làm sao để trở thành một người mẹ tuyệt vời nữa.”

“Mẹ chị có phải là một người mẹ tuyệt vời không?” tôi hỏi.

“Ừm, chị đoán là có, nhưng chị thực sự không nhớ nữa vì bà mắc bệnh ung thư và mất khi chị lên năm.”

Tôi không biết phải nói sao. Tôi chưa từng quen biết ai mà họ đã qua đời. Trừ bố của bác Bernie - và tôi cũng không biết mặt ông, tôi chỉ biết về ông thôi. Tôi cảm thấy hoàn cảnh của Georgia thật sự đáng thương - tôi không thể hình dung ra mình cảm thấy thế nào nếu mất Mẹ hoặc Bernie.

“Em rất tiếc,” tôi nói. “Em không biết chuyện đó.”

“Sao em biết được chứ? Chuyện đó đâu có thể hiện trên một con người,” chị bảo.

Georgia mười tám tuổi và đang trên đường đi nhập học trường đại học. Chị biết bố mẹ mình là ai và họ đã chọn đặt tên cho chị là

Georgia vì mẹ chị sinh ra ở Atlanta. Chị có đủ ông bà nội ngoại và một con chó tên Frisky mà chị cho phép nó ngủ trên giường của mình. Nhưng bất chấp tất cả những khác biệt đó, trong sâu thẳm, điều quan trọng là Georgia và tôi giống như hai con vịt màu vàng trong trò chơi Trí Nhớ, một con ở giữa và một con phía góc trên bên tay trái - ghép thành một cặp.

“Chị có nhớ mẹ không?” tôi hỏi.

“Không nhớ lắm. Bố chị rất tuyệt, và từ đó đến giờ chị chỉ thực sự có mình ông thôi, nên cảm giác bình thường, hiểu ý chị chứ?” chị ấy nói.

VV. Những chú Vịt Vàng. Tôi biết chính xác điều chị muốn nói. Ta không thể nhớ những gì ta không nhớ là mình từng có.

“Chị từng nghe thấy từ *soof* bao giờ chưa?” tôi hỏi.

“Đánh vần xem nào,” chị bảo.

Tôi đánh vần, nhưng chị lắc đầu. Đến đó, tôi kể cho chị nghe về danh sách của Mẹ và cái từ đó là lý do lần đầu tiên tôi rời Reno ra sao.

“Em nghĩ rằng *soof* là một người ư?” chị hỏi tôi.

“Em không biết nữa,” tôi đáp. “Có thể là vậy.”

“Mẹ em luôn luôn trong tình trạng đó, hay có gì đó xảy ra với bà khiến bà thành ra như thế?” chị hỏi.

“Em nghĩ Mẹ lúc nào cũng thế, nhưng em không chắc lắm,” tôi đáp.

“Thế còn bố em thì sao - ông cũng bị hỏng não ư?”

“Em không biết bố mình là ai.” Tôi trả lời.

“Có lẽ ông là *soof* cũng nên,” chị bảo tôi.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng những điều tưởng như xảy đến một cách ngẫu nhiên thực ra không ngẫu nhiên chút nào. Giống như vận may, nhưng chúng còn bí ẩn hơn thế nữa. Nếu tôi không gặp Alice và khiến mình phải ói mửa vì sự dối trá đó, và nếu đường dây điện thoại hoạt động bình thường thay vì bị hỏng, có lẽ tôi đã chẳng bao giờ gặp được Georgia. Và nếu tôi không gặp Georgia, tôi sẽ không nói ra

với chị tất cả những chuyện mà tôi đã kể vừa rồi và chị đã chẳng suy đoán về *soof*, điều chị suy đoán về nó tôi lại chưa từng nghĩ tới. Tên của bố tôi.

Chương 12

Lại

“CHỊ SẼ HỌC KINH TẾ GIA ĐÌNH ở trường đại học giống như mẹ chị từng học chứ ạ?” tôi hỏi Georgia.

“Không, chị sẽ theo ngành chính là tâm lý,” chị đáp.

“Đó là gì ạ?”

“Tâm lý học. Học về những gì giúp cho con người ta vận hành được ấy mà.” Chị gõ gõ lên thái dương hai lần với ngón tay trỏ của mình. Tôi thích nắm bàn tay của Georgia. Chúng thật thanh nhã và yếu ớt, và khi chị nói, chúng chuyển động xung quanh như những con chim bay nhảy. “Chị cũng muốn học để trở thành người làm công tác xã hội nữa, hoặc một bác sĩ tâm thần.”

“Thứ gì khiến con người vận hành được?” tôi hỏi.

“Nhiều lắm. Bộ não giống như một cái đồng hồ. Em đã bao giờ nhìn thấy bên trong một cái đồng hồ hay một cái đồng hồ cũ chưa?”

Tôi lắc đầu.

“Bố chị đã cho chị xem một lần rồi. Tất cả những bộ phận đó đều chuyển động. Bánh răng, khớp răng, đinh ốc và lò xo - tất cả phải hoạt động đồng bộ, nếu không thời gian sẽ không chính xác.”

Tôi nghĩ tới lời Bernie nói Mẹ giống như một cỗ máy với những phần bị hỏng hóc. Không biết vì sao tôi luôn luôn hình dung tới một chiếc máy giặt, nhưng giờ đây tôi liên tưởng Mẹ có một chiếc đồng hồ bên trong đầu, nó không chạy một cách chính xác.

“Chị có nghĩ liệu có cách nào đó sửa chữa được bộ não của một người nếu nó hoạt động không bình thường không?” tôi hỏi.

“Thỉnh thoảng làm được đấy,” chị đáp.

“Cách nào cơ ạ?” tôi hỏi.

“Ta có thể gặp bác sĩ tâm thần,” chị bảo.

“Họ sẽ làm gì ạ?”

“Đặt ra các câu hỏi. Trò chuyện về giấc mơ của ta. Năm ngoái, chị tham gia khóa học tâm lý dành cho học sinh phổ thông năm cuối theo diện không bắt buộc, nhưng thực sự là chị không nhớ được nhiều thứ lắm. Trò chuyện về ngôn ngữ cơ thể. Chị nghĩ cái đó mới thật lôi cuốn,” chị kể.

“Ngôn ngữ cơ thể là gì ạ?” tôi thắc mắc.

“Ừm, giống như, có nhìn thấy người ngồi ở trên kia không, mặc áo đỏ cách ta ba hàng ghế đó? Có thấy cách anh ta né người khỏi người phụ nữ đang nói chuyện với anh ta không? Anh ta không muốn nói chuyện với chị này, và dù anh ta không nói ra bằng lời với chị ấy, nhưng anh ta đang nói bằng cơ thể. Đó là ngôn ngữ cơ thể.”

Tôi nhìn người đàn ông và nhận ra anh ta có vẻ né ra khỏi người phụ nữ ngồi cạnh.

“Có thể chị này hơi thở có mùi hôi,” tôi bảo.

Georgia cười khúc khích. Tôi thích thú vì đã khiến chị cười. “Có lẽ chị nên mời chị kia một viên Violet,” tôi nói thêm.

Chị lại phá lên cười.

“Biết như này nghĩa là sao không?” Georgia hỏi tôi trong lúc chị đan những ngón tay lại với nhau và đưa hai cánh tay ra sau đầu.

Tôi lắc đầu.

“Nó có nghĩa rằng em là một người tự tin,” chị bảo.

“Sao lại như thế ạ?” tôi hỏi.

“Chị không rõ - người ta chỉ nói nó có nghĩa như vậy. Và người ta cũng nói rằng nếu em hay sờ mặt, đặc biệt là sờ môi, trong lúc nói chuyện với ai đó, có nghĩa là em quyến rũ người đó. Phần lớn mọi người làm điều gì đó không tự nhiên và rành mạch khi họ đang nói dối. Mắt giật giật, chớp mắt hay húng hắng ho hoặc có hành động gì đó. Đó được gọi là dấu hiệu để nhận biết.”

“Thật ư? Em có dấu hiệu để nhận biết không?” tôi hỏi.

“Chị không biết. Hãy nói dối đi và chị sẽ nói cho em biết nếu em làm thế,” chị đáp, nhìn sát vào mặt tôi.

“Shirley Temple dạy bà ngoại em cách làm bánh,” tôi nói.

“Thật ư?” Georgia hỏi, hai mắt chị tròn xoe.

“Không, chị nói em hãy nói dối để chị có thể nhìn thấy em có hành động gì không tự nhiên hay không mà,” tôi đáp.

“Ồ, chị quên bég mất không nhìn, chị thấy chuyện của em thật là thú vị đấy. Chị thích các bộ phim do Shirley Temple đóng. Thử lại lần nữa nào.”

“Shirley Temple dạy bà ngoại em cách làm bánh,” tôi nói, nhìn thẳng vào mắt Georgia.

“Xem nào, chị chẳng nhìn thấy gì bất thường, nhưng có lẽ vì em nói nó lần thứ hai, vì thế em đã quen với nó hay sao đó.”

Tôi không tiết lộ cho chị biết tôi đã nói câu ấy tới ba lần rồi.

Sau đó, tôi sẽ thêm hai điều vào danh sách “Những điều tôi biết về nói dối”:

Bạn càng nói dối nhiều lần, càng khó nhận biết được bạn đang nói dối

Có những dấu hiệu để nhận biết về những kẻ nói dối

Tôi cố liên lạc với Bernie ở từng chặng dừng sau điểm dừng ở Cheyenne, song đường dây vẫn bị hư. Tôi rất lo lắng, nhưng chắc là Bernie còn lo lắng hơn cả tôi nữa kia. Tôi biết rõ Bernie đang ở nhà tại Reno cùng với Mẹ, nhưng đây là lần đầu tiên trong đời Bernie không biết tôi đang ở đâu. Nhớ tàng hình đấy, bác nói với tôi, nhưng giờ đây tôi ra ngoài mà chẳng biết phải lẩn tránh vào đâu cả.

Tôi đưa cho Georgia xem bức hình của Hilltop và nói với chị tất cả những gì mà tôi hy vọng sẽ tìm ra, và chị chưa từng lấy một lần khiến tôi cảm thấy mình là kẻ điên rồ vì muốn biết cả.

“Chị cũng như em thôi,” chị nói. “Chị muốn biết mọi thứ. Chị phải biết.”

V.V.

“Chị lúc nào cũng vậy đó,” chị nói tiếp. “Em không nhận ra chị đã hỏi bao nhiêu câu hỏi sao? Bố chị nói chị là một trong những người có ý chí sắt đá sẵn sàng dãi non lấp bể để đạt được mục tiêu.”

Trước khi rời Reno, thế giới này với tôi dường như đầy ắp những con người biết rất rõ họ là ai, họ đang đi về đâu, và họ biết tại sao họ đang làm việc đó. Tôi nhìn thấy họ ở khắp nơi mà tôi tới. Đi bộ xuống phố, đứng ở các góc phố chờ qua đường, đi gửi thư. Những người hiểu biết. Georgia cũng là một trong những người như vậy. Chị biết tất cả những điều quan trọng đó về bản thân chị, những thông tin mà tôi muốn biết về chính mình. Điều khác biệt là, không giống những người kia, những người mà tôi đổ kỵ và có lẽ còn ghét chút chút về sự hiểu biết, tôi lại vui mừng với Georgia. Tôi cảm thấy vui mừng vì chị hiểu biết.

Tôi và Georgia xuống và lên xe ở mỗi chặng dừng chân. Chẳng mấy chốc, các sân ga lẫn lộn với nhau. Lần nào tôi cũng cố gọi cho Bernie, và mỗi lần như vậy Georgia cam đoan rằng rốt cuộc rồi đường dây sẽ được nối lại.

“Hãy nghĩ xem bác ấy sẽ hạnh phúc thế nào khi nghe giọng của em khi cuối cùng em gọi được cho bác ấy,” chị nói.

Tôi đã kể cho Georgia về vận may của mình, tất nhiên, vì tôi đang kể cho chị nghe mọi chuyện, nhưng không có cái máy giặt xèng nào quanh đây để tôi chứng minh điều đó cho chị thấy. Không phải là chị chẳng tin lời tôi - chị nói là chị tin mà - nhưng tôi vẫn muốn cho chị thấy. Rốt cuộc ở một bến xe tại Des Moines, tôi đã nghĩ ra một cách để thực hiện việc này.

“Đứng ở đằng kia và đừng nói gì nha,” tôi bảo chị. “Chỉ nhìn thôi đấy.”

Tôi nhìn quanh sân ga khoảng một phút cho tới khi nhận ra thứ mà mình đang tìm kiếm, đang ngồi ngay ở một ghế dài cạnh phòng vệ sinh, đoạn tôi đi thẳng tới quầy bán báo.

“Bán cho cháu hai vé cào nhanh ạ,” tôi nói.

“Còn quá trẻ để chơi bạc, phải không bé con?” người đàn ông nói. “Ta không thể bán cho cháu được, cháu biết đấy.”

“O, không phải mua cho cháu đâu ạ, thừa ông. Mẹ cháu sai cháu mua cho bà ấy đấy. Mẹ cháu nói cháu may mắn hơn. Bà ấy đang ngồi ở băng ghế gần cửa kia kìa. Chú thấy không?” Tôi chỉ về phía một phụ nữ đang ngồi ở chiếc ghế dài xa tí gần dãy nhà vệ sinh, đang mài碌 đồ trong chiếc túi xách của mình.

“Chú sẽ không sao hết khi bán vé cho cháu nếu mà cháu đi cùng một người lớn, phải thế không ạ? Mẹ cháu đi cùng cháu mà; bà đang ngồi kia tìm cặp kính. Bà ấy hay đánh mất nó lắm,” tôi bảo. “Cháu bảo mẹ cháu là nên luồn dây rồi treo ở cổ ấy, nhưng bà lúc nào cũng quên làm thế. Mẹ à! Mẹ!” tôi hướng về phía người phụ nữ và gọi to.

“Bà ấy không đeo kính nên không thể nghe thấy,” tôi giải thích (điều mà Bernie một lần đã dẫn chứng sự thật từ bố của bác). “Điều đó cũng dễ hiểu, phải không ạ?”

“Ờ ờ. Thôi được,” người đàn ông nói, nhìn về phía người phụ nữ ngồi trên ghế một lần nữa trước khi trao cho tôi hai tấm vé xổ số.

Tôi trả tiền cho ông rồi lấy móng tay cào ô vuông tráng bạc để lộ ra các con số trên hai tấm vé. Tôi thắng bảy đôla ở tấm vé đầu và ba đôla ở tấm vé sau. Người đàn ông nhìn tôi hơi ngạc nhiên.

“Xem này mẹ ơi!” tôi gọi to lên và vẫy vẫy trên không trung mười đôla mà người bán vé xổ số trao cho tôi. “Chúng ta thắng rồi!”

Georgia hết sức ấn tượng. Tôi thết đãi cả hai chúng tôi bánh hamburger, sữa khuấy và khoai tây chiên với mười đôla vừa thắng xổ số. Tôi biết Bernie cho rằng đó là thức ăn nhanh, nhưng tôi có cảm giác bác sẽ bỏ qua cho tôi. Lần đầu tiên kể từ khi rời Reno, tôi chén no căng bụng.

“Em có nghĩ rằng chị sẽ trở thành một bác sĩ tâm thần giỏi không?” Georgia hỏi tôi khi chúng tôi rời Des Moines và trở lại đường cao tốc. “Frank nói, anh ấy nghĩ rằng chị quá dễ bị xúc động để làm công việc này.”

Tôi hình dung một chiếc dây phơi quần áo giăng trên cao với quần dài và váy ngủ và Georgia bị treo lên tới vai với những chiếc

kẹp quần áo, cặp chân dài khăng khiu của chị đựng đưa khe khẽ trong cơn gió nhẹ.

“Frank là ai?” tôi hỏi.

“Frank Gregory. Anh ấy là một chàng trai chị thích,” chị đáp.

Lòng tôi nhói lên một cơn ghen tị.

“Frank sai rồi. Chị sẽ trở thành một bác sĩ tâm thần tuyệt vời,” tôi nói với chị.

Chúng tôi cùng nhau nói chuyện thêm nữa, và rồi Georgia ngủ gà ngủ gật.

Tôi lấy sổ tay ra và lật tới một trang trắng để bắt đầu một danh sách mới mà tôi đang suy nghĩ sẽ lập lên nó.

NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT VỀ GEORGIA SWEET

Ngày sinh:	12 tháng 8
Tên lót:	Alizabeth (theo tên của bà nội chị ấy)
Tên bố:	John Albert Sweet Giáo viên dạy toán Thích câu cá
Tên mẹ:	Louise Ann Sweet Sinh tại Atlanta Học ngành kinh tế gia đình Chết vì bệnh ung thư khi Georgia lên năm
Tên chó cưng:	Frisky Ngủ trên giường Thích kẹo chocolate M&M và pho mát
Các vật nuôi khác:	không (mong muốn một ngày nào đó có một con khỉ hoặc một con vẹt biết nói)

Thích:	hơi thở thơm tho, sữa khuấy vị dâu tây, tương cà chua ăn cùng khoai tây chiên French, màu vàng, tâm lý học, ngôn ngữ cơ thể, kẹo cao su Doublemint, Violet, Frisky, các bộ phim xưa cũ, câu cá cùng bố, đặt những câu hỏi
Không thích:	ngủ ngời, đi máy bay, nước sốt mayonnaise
Muốn:	trở thành bác sĩ tâm thần biết về mọi thứ
Bí mật:	thích một cậu con trai tên Frank Gregory

Tôi để rất nhiều khoảng trống sau thích và không thích, vì tôi biết Georgia và tôi càng trò chuyện nhiều thì sẽ có thêm nhiều thứ để bổ sung vào trong danh sách, ước gì chị ấy tỉnh dậy để tôi có thể tìm ra cuốn sách yêu thích của chị là gì, và chị có thích chocolate hiệu Devil Dogs nhiều như tôi thích chúng hay không. Chị cựa mình và tôi quay lại nhìn chị. Cuốn sổ rơi khỏi lòng tôi, và khi tôi cúi người nhặt nó lên khỏi sàn xe, nó lật đến một trang gần trang đầu, tới một danh sách cũ chỉ có vón vện một dòng ngay dưới tựa đề của nó.

NHỮNG ĐIỀU TÔI BIẾT VỀ MẸ

Tên: So B. It

Sao tôi lại biết nhiều đến thế về Georgia, một người mà tôi mới chỉ quen biết trong vòng một ngày, hơn là về chính mẹ đẻ của mình? Bernie đã nói tôi tìm ai đó có thể làm mẹ của mình. Một người nào đó an toàn. Ngồi cạnh Georgia, nhìn hai cánh tay chị bắt chéo qua ngực trong khi chị ngủ, tôi biết rằng mình đã tìm đúng người, nhưng chị có giống một người mẹ hay không? Và khi tôi thực sự nghĩ về điều đó, phải chăng tôi so sánh với mẹ mình?

Vào ngày thứ tư của chuyến đi, chúng tôi đã tới thành phố New York. Tôi thật sự phấn khích. Tôi biết mình đã gần tới nơi, gần tới Liberty rồi. Nhưng tôi đâm lo sợ. Tôi đã không nói chuyện với Bernie

kể từ khi ở Wyoming, và giờ đây tôi cũng sẽ không còn Georgia nữa. Ước gì chị ấy đi cùng với tôi.

“Chị hy vọng em sẽ tìm ra *soof*? chị nói với tôi khi chúng tôi rời xe buýt. “Và bà ngoại em nữa. Và mọi thứ.”

Georgia không phải bắt xe buýt nữa, nên chị đi bộ cùng tôi qua bến xe khổng lồ, lên thang cuốn và ra tới cổng ShortLine, nơi tôi có thể bắt xe buýt tới Liberty. Bến xe Port Authority rất đông đúc so với mọi bến xe mà chúng tôi đã dừng chân. Có những cửa hàng bách hóa, các nhà hàng và có cả chỗ chơi bowling. Tôi đã thử liên lạc với Bernie từ một buồng điện thoại nhưng không được. Georgia dừng lại mua một phong kẹo Violet ở quầy bán báo. Trong lúc chị đứng xếp hàng trả tiền, tôi đi loanh quanh xem một người đàn ông Nhật Bản đang ngồi trên một chiếc ghế đầu chơi một bản nhạc buồn tuyệt hay bằng thứ nhạc cụ có một sợi dây dài. Khi tôi đứng đó lắng nghe, tôi cảm thấy có một cú giật đột ngột vào balô của mình, nhưng khi quay lại nhìn quanh thì không thấy ai ở cạnh cả.

Tại cổng, Georgia giúp tôi chọn người “mẹ” tiếp theo, một phụ nữ thân thiện tên là DeeDee Monroe. Tôi trò chuyện với cô qua quýt về thời tiết, và khi chúng tôi cùng nhau lên xe, tôi quay ra và vẫy chào Georgia lần cuối.

“Đó là ai vậy?” DeeDee hỏi tôi.

“Dạ, chị gái cháu,” tôi đáp, và lần này tôi biết mình đang nói dối vì sự thật quá khó khăn để thú nhận. Một người chị là một người bạn luôn luôn biết rõ, cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa.

“Ồ, hiểu rồi,” cô đáp. “Cô có thể thấy hai người có nét tương đồng đấy.”

Đó là một ngày xám xịt và trong xe buýt mờ tối. Tôi bật chiếc đèn nhỏ trước ghế của mình, nó chiếu một quầng sáng mờ đục vào lòng tôi. Tôi mở ngăn trước của balô ra, lấy ra album ảnh từ Hilltop, và xem hết từng tấm một. Tất cả những khuôn mặt giờ đây thật quen thuộc. Những người xa lạ song đồng thời cũng đã trở nên quen đối với tôi. Khi giờ đến bức hình tôi đã xé làm đôi, tấm mà Bernie và tôi sau đó đã dán chúng lại, tôi dừng lại. Tôi xếp nó lên đầu xấp hình và

nhìn chăm chăm vào nó một lúc lâu. Đoạn, tôi nhắm mắt và cố hình dung ra người phụ nữ tóc vàng mặc áo len đỏ đang mỉm cười.

“Chào Bà Ngoại,” tôi nói to thành lời.

Và tôi tưởng tượng ra giọng nói của bà đáp lại lời tôi, giọng rõ ràng, vui vẻ và khỏe khoắn:

“Chào Heidi. Sao lâu quá rồi cháu mới tìm đến ta vậy?”

Chương 13

Xanh

CHUYẾN XE BUÝT TỚI LIBERTY hết khoảng hai tiếng rưỡi đồng hồ, nghĩa là tôi sẽ tới nơi vào lúc ba giờ chiều. Tôi ngồi im không nhúc nhích trên ghế suốt quãng đường, như thể cựa quậy sẽ làm cho nỗi sợ hãi trong tôi sống dậy và bùng lên. Tôi hình dung một bàn tay khổng lồ đang đè nỗi sợ hãi của mình xuống, giữ nó bên trong như chú hề lò xo trong hộp đồ chơi hình nộm^[9].

DeeDee dường như không để ý tới sự yên lặng của tôi. Cô còn mài đan một chiếc khăn dài cho đứa cháu trai của mình, cậu bé sống ở Albany, cô bảo tôi, đó là là nơi mùa đông lạnh đến nỗi những ý nghĩ đóng băng đặc lại trong não trước khi ta có thời gian nghĩ tới chúng.

Chúng tôi chỉ dừng lại một lần giữa thành phố New York và Liberty. Monticello là điểm cuối cùng tôi đổi xe buýt. Tôi đói ngấu, vì thế tôi tìm một quầy hàng bán bánh quy xoắn nóng hổi và nước chanh, xếp hàng chờ đợi, và gọi hai chiếc bánh quy xoắn cùng một ly nước nhỏ. Khi trả tiền, tôi phát hiện ra chiếc túi nhỏ của ngăn balô trước đã trống trơn. Toàn bộ tiền bạc đã biến mất.

Tôi tìm một buồng điện thoại và thử gọi cho Bernie lần nữa.

“Làm ơn nào,” tôi thì thầm, “làm ơn được nào.”

Nhưng cuộc gọi không thực hiện được.

Tôi lại cảm thấy nỗi sợ hãi và cảm giác buồn nôn lộn lạo trong dạ dày Bernie và Mẹ và Georgia - tất cả đã biến mất, và giờ đây vận may của tôi cũng rời bỏ tôi. Tại sao tôi không nghe lời Bernie khi bác nói nên đợi đến khi tôi lớn hơn chút nữa mới thực hiện chuyến đi này?

Chẳng còn biết làm gì ngoài việc trở lại xe buýt và hy vọng bằng cách nào đó có một điều gì sẽ xảy ra giữa nơi đây và Liberty để thay đổi sự việc. Tôi cố lấy lại bình tĩnh, chọn một “mẹ” mới, Nancy. Cô đang mang theo một cuốn sách dày cộp và cái đánh dấu sách kẹp hờ trong đó; cô đeo kính với sợi dây vòng qua cổ. Cô không nói nhiều trong khi chúng tôi cùng nhau lên xe, nhưng cô có một mẻ bánh quy chocolate tự làm và cô chia cho tôi ngay khi chúng tôi vừa ngồi vào ghế. Tôi ăn một chiếc, nhưng dạ dày tôi quá buồn nôn nên không ăn tiếp được nữa. Tôi biết làm gì đây nếu khi đến Liberty và vẫn không liên lạc được với Bernie? Như thể vận may của tôi đã biến mất ngay khi tôi cần đến nó nhất. Tôi nghĩ tới việc hỏi xin Nancy ít tiền, nhưng không hiểu vì sao tôi chẳng thể nào buộc mình làm nổi điều đó. Tôi muốn có Bernie. Tôi muốn lại được là chính mình. May mắn, hạnh phúc và an toàn ở nhà.

Hai mươi phút sau, tài xế thông báo:

“Liberty! Chặng dừng này là Liberty!”

Đôi tay tôi run bần bật và tim đập thình thịch như nện trống trong lồng ngực khi bước ra khỏi xe buýt. Ngay lúc tôi kéo chiếc vali nhỏ xíu của mình khỏi khoang đựng hành lý và đặt nó xuống lề đường thì trời đổ mưa. Bác tài xế kéo quần lên và không nhìn lại phía sau, trèo lên xe. Cánh cửa khép lại và người tài xế cho xe chuyển bánh, rẽ ở góc đường và biến mất trong tầm mắt.

Bến đỗ xe buýt Liberty không khác gì một tấm biển chỉ đường bằng kim loại bị uốn cong nhô một hình vuông rạn nứt ra vỉa hè gỗ ghè. Trong chốc lát, những hành khách khách rời xe buýt và đã đi mất; họ được đón bởi những người thân chờ sẵn ở bến xe với nụ cười nở rộng trên môi. Khi tôi đứng cô đơn trên con phố chính ở Liberty, New York, cơn gió thổi thốc qua tôi như thể tôi không hề tồn tại. Những lá quốc kỳ Mỹ bậc thếch rủ xuống từ các cột đèn đường cùng với mấy vòng kim tuyến tơi tả còn sót lại từ các trang trí Giáng sinh cũ.

Có một buồng điện thoại công cộng bám đầy bụi bẩn gắn vào bức tường của một quầy tạp hóa với mấy cánh cửa sổ làm bằng ván

ghép. Tôi gọi cho Bernadette. Tôi không hy vọng gì, nhưng tôi chẳng biết phải làm gì khác nữa.

“Cuộc gọi người nhận trả tiền từ Heidi,” tôi nói nhỏ.

Và lần này cuộc gọi thực hiện được.

“Heidi! Ôi, cảm ơn Chúa, Heidi.” Bernie bắt đầu òa khóc. “Cháu ở đâu? Cháu ổn chứ? Bác đã sợ chết khiếp đi được,” bác thốn thức. “Ôi, Heidi. Heidi.”

Tôi biết mình nên nói với bác rằng tôi khỏe, và tôi đã tới Liberty bình an vô sự, nhưng vào giây phút nghe thấy giọng bác, tôi đã sụp đổ. Cái nút thắt hình thành trong dạ dày tôi kể từ lúc ở Cheyenne khi lần đầu tiên đường dây điện thoại bị ngắt, và nó chuyển thành nỗi sợ hãi nghẹt thở sau khi tôi phát hiện tiền của mình đã bị đánh cắp, bắt đầu bung ra, và khi nó lỏng ra, mọi thứ tôi đã ép giữ chặt vào trong đã ào ra ngoài. Tôi đứng đó với chiếc vali nhỏ kẹp chặt giữa hai chân, khóc tu tu vào điện thoại. Tôi gần như không kiểm soát được cảm xúc - không từ ngữ, chỉ có những tiếng nức nở, và ở đầu dây bên kia Bernie đang khóc và đồng thời cố gắng dỗ dành tôi bằng giọng nói của bác.

“Bé con, bé con, suýt, suýt, suýt...”

Tôi nắm chặt ống nghe, khóc nức nở không thể nào dứt được.

“Heidi,” Bernadette nói khi cuối cùng cả hai bác cháu đã cố bình tĩnh lại đôi chút, “có ai đó làm con đau không? Có ai làm con đau không, bé con?”

“Không, bác Bernie. Không ai làm con đau cả, nhưng...”

Lại thêm nữa những giọt nước mắt.

“Hãy nói cho bác biết có chuyện gì nào, Heidi,” Bernadette bảo. “Nói cho bác hay có chuyện gì đã xảy ra đi.”

“Chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Cháu đang ở đó, bác Bernie. Cháu đang ở Liberty. Nhưng sao cháu chẳng có cảm giác mình đang ở đó. Tất cả thật khác?”

“Khác như thế nào?” bác hỏi.

“Giống như một thứ gì đó kết thúc chứ không phải là sự khởi đầu,” tôi nói.

“Ý cháu muốn nói gì?” bác hỏi.

“Khi ở trên xe buýt, cháu cảm thấy mình sẽ đến một nơi nào đó. Nhưng giờ cháu ở đây, cảm giác như cháu chẳng ở đâu cả. Thậm chí chẳng ai biết là cháu ở đây cả.”

“Không đúng đâu, Heidi à. Bác biết là cháu ở đó mà,” Bernie bảo. “Ơn Chúa giờ bác lại biết cháu đang ở đâu. Bác đang nhìn lên chính cái điểm trên bản đồ nơi cháu đang đứng đó. Li-ber-ty. Tại sao, bác gần như có thể nhìn thấy cháu. Thực ra là bác đang vẫy chào cháu này. Không nhìn thấy bác ư? Bác là cái người trông bồn chồn lo lắng đang mặc bộ đồ xuềnh xoàng màu hồng, đã không ngủ tí nào trong suốt hai đêm rồi đó.”

Tôi khẽ bật cười - tôi không thể nhịn nổi. Thật tuyệt vì được gặp lại bác.

“Đúng là cô gái của ta,” Bernie nói. “Cháu không biết là bác đã điên cuồng như thế nào về cháu đâu, bé con ạ, nhưng điện thoại hỏng nên bác cũng chẳng thể gọi cho cảnh sát được. Bác không muốn kể về những điều kinh khiếp mà bác đã hình dung ra đâu. Ôi Chúa ơi, Heidi, nếu ai đó làm cháu đau, bác sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân mình.”

“Chẳng ai làm đau cháu cả, bác Bernie à. Nhưng có kẻ đã cuỗm sạch tiền của cháu rồi. Cháu không còn tiền để thuê xe taxi nữa.”

“Rồi, để bác giải quyết việc ấy. Chỉ là chuyện nhỏ thôi mà,” bác nói “Cháu đừng lo lắng, bé con ạ. Bằng cách nào đó nhất định bác có thể chuyển tiền cho cháu.”

Tôi nghe tiếng Mẹ ở phía sau gọi Bernie. Giọng bà có vẻ lo lắng. Chứ không chỉ là nhăn nhó khó chịu.

“Mẹ bị sao vậy bác?” tôi hỏi.

“Mẹ cháu đang gặp trục trặc, thật tội,” Bernie đáp.

“Trục trặc gì ạ?” tôi hỏi, bỗng nhiên thấy cáu kỉnh. “Mẹ cháu vẫn ổn, phải không ạ?”

“Ừ, bé con, nhưng chứng đau đầu của cô ấy đang rất tệ,” Bernie bảo tôi.

Giờ thì Mẹ đang hét lên.

“Dette! Dette!”

“Bác xin lỗi,” Bernadette nói. “Bác chẳng biết phải làm sao nữa. Bác phải đến với mẹ cháu trước khi cô ấy tự làm đau mình. Mẹ cháu cần bác, Heidi ạ.”

“Cháu cũng cần bác,” tôi thì thầm. Nhưng Mẹ đang hét rất to ngay sau đó và tôi không nghĩ rằng Bernie nghe được lời tôi.

“Mười phút nữa gọi lại cho bác nha,” bác nói. “Bác sẽ cố làm cho mẹ cháu dịu lại. Chúng ta sẽ bàn tới chuyện tiền nong và tìm ra cách gì đó,” bác bảo tôi. “Giờ bác phải gác máy đây. Bác xin lỗi nhé.”

“Nếu cháu không thể liên lạc được với bác thì sao?” tôi hỏi giọng căng thẳng, nhưng bác đã buông máy.

Tôi gác máy và lau mũi vào ống tay áo len đỏ đã được xắn lên. Giờ nó không còn mùi của Bernie và ngôi nhà nữa. Tôi muốn đứng đó và đợi mười phút sau sẽ gọi lại cho bác, nhưng cơn mưa lất phất đã bắt đầu trở thành cơn mưa dông. Quần jeans của tôi đã ướt sũng, dính chặt vào làn da, và tóc tôi ướt lướt thướt. Thời tiết ở đây lạnh hơn tại Reno rất nhiều. Tôi nhìn quanh nhưng không thấy chiếc taxi nào cả, và cũng chẳng có ai ngoài phố để mà hỏi thăm. Thị trấn dường như bị bỏ hoang. Trống rỗng. Có một ánh chớp lóe lên cùng tiếng sấm nổ rền. Tôi run lật bật và thu tay vào trong ống tay áo. Nhìn thấy một quầy bán báo nhỏ với bóng đèn điện ở bên kia con phố, tôi nhấc vali lên và vội vã sang đường.

Người đàn ông phía sau quầy hàng đang đọc báo. Ông ngẩng lên khi tôi bước tới, đẩy chiếc kính lên trên chiếc đầu hói nhẵn bóng, và chờ đợi.

“Cho cháu hỏi hãng taxi ABC ở đâu ạ?” tôi hỏi.

“Cách đây hai căn nhà,” ông ta làu bàu, hất đầu vừa đủ để đẩy cái kính xuống mũi.

Tôi bước trở ra đường. Lại một tia chớp lóe lên rạch đôi bầu trời, kèm theo tiếng sấm nổ ừng ừng rất lớn, chạm vào cánh cửa sổ phía

sau tôi. Mưa bay nghiêng nghiêng trút hối hả xuống mặt đất, và tôi phải nhảy qua những vũng nước để tới mặt trước một cửa hàng bé tí xíu cách đó hai căn với một biển hiệu bằng giấy bồi bạc thếp ở cửa sổ mà trước đó tôi đã không nhận ra. HÃNG TAXI ABC.

“Từ đây lên trại Hilltop bao nhiêu tiền ạ?” tôi hỏi, tay khép cánh cửa phía sau lưng lại và lấy ống tay áo ướt lau nước trên mặt.

“Hilltop ư?” người đàn ông phía sau bàn quầy hỏi lại, liếc nhìn tôi với cái nhìn chậm chạp trong hồi lâu. “Ta nghĩ nơi đó đóng cửa hẳn rồi chứ.”

“Không đâu ạ,” tôi đáp.

“Nếu cháu nói vậy. Mà nó cách đây khá xa đó. Hết mười lăm đô.”

Tất nhiên tôi đã biết giá đó, nhưng tôi đang tìm cách câu giờ. Tôi định bụng sẽ gọi lại cho Bernie trong vài phút. Có lẽ nếu tôi gọi cho bác từ đây, biết đâu bằng cách nào đó bác có thể sẽ nói chuyện với người đàn ông nhờ ông lái xe cho tôi lên Hilltop miễn phí. Tôi nhìn quanh tìm điện thoại, và đó là khi tôi nhận ra chiếc hộp kẹo đậu Jelly-Bean^[10] trên bàn quầy, đựng đầy những chiếc kẹo cũ kỹ, bạc màu và nứt nẻ. Mảnh giấy dán bên ngoài lọ ghi: ĐOÁN TRÚNG - GIÀNH GIẢI THƯỞNG LÀ KẸO CÙNG MỘT CHUYẾN XE MIỄN PHÍ!

“Cháu có thể cầm chiếc hộp được chứ?” tôi hỏi người đàn ông.

Ông hất đầu về phía chiếc hộp như muốn nói đồng ý. “Thấy may mắn hả?” ông hỏi.

Tôi ư? Khi tôi chơi giật xèng ở Reno và cùng Georgia mua vé xổ số, tôi không thấy may mắn. Vận may không thể cảm thấy như một thứ gì đó; nó chỉ tự nhiên mà có. Như không khí vậy. Rồi khi đường dây điện thoại bị ngắt và không nối lại được khiến tôi không thể liên lạc với Bernie và tôi bị mất tiền, tôi cảm giác như vận may đã từ bỏ tôi. Bỏ đi mất. Tôi có thể cảm nhận được sự vắng mặt của nó, như khi ta bị mất một cái răng và có một khoảng trống trong miệng mà ta không thể ngưng dùng lưỡi chạm vào đó vì cảm giác thật kỳ lạ.

Người đàn ông quan sát tôi khi tôi nhấc chiếc hộp lên và từ từ dốc ngược nó xuống. Tất cả các sắc màu trong màu cầu vồng, giống như hộp giày của Mẹ đầy những cây viết chì màu. Tôi nhắm mắt lại và hít

một hơi thật sâu. Đột nhiên tôi đang ở nhà mình, ngồi trong bếp - đang “tới trường” với Bernie. Sách và giấy nằm trên bàn ngay trước mặt chúng tôi.

“Xanh!” từ một phòng khác có tiếng Mẹ reo lên sung sướng.

“Tiếp đi, Picasso!” Bernie nói vọng vào chỗ Mẹ. Đoạn bác ngoảnh sang tôi và mỉm cười.

Tiếp đi, Picasso!

“Một ngàn năm trăm hai mươi bảy” tôi nói.

Khi tôi mở mắt ra, người đàn ông đang nhìn chăm chăm vào tôi. “Cháu đoán đấy hả?” ông hỏi.

Tôi gật đầu, và ông mở ngăn kéo đựng tiền mặt, lôi ra một mảnh bìa cứng nhỏ từ phía dưới khay đựng tiền. Quai hàm ông trể ra. Ông nhìn nó một cách chăm chú, như thể ông không tin được vào mắt mình, và rồi đưa nó qua bàn quầy cho tôi. Con số tôi đoán được ghi trên đó bằng dòng chữ nhỏ viết tay màu đen.

“Ta đúng là... Mà sao cháu đoán cừ như thế nhỉ?”

Tôi mỉm cười. Thì ra vận may của tôi không hề bỏ tôi đi. Tôi đứng đó tay ôm chiếc hộp lớn đựng đầy kẹo hạt đậu, nghĩ rằng khi ta không thể cảm nhận được một điều gì đó không có nghĩa rằng nó không tồn tại ở ngay đấy.

“Chú có thể đưa cháu lên Hilltop được không ạ?” tôi hỏi.

Người đàn ông lắc đầu và tặc tặc lưỡi.

“Ta nói rồi đó, ta nghĩ rằng nơi đó đóng cửa rồi, nhưng mà, tùy cháu thôi, cháu muốn đi đâu thì tùy. Cháu vừa thắng một chuyên đi. Ca trực của ta cũng xong rồi. Ta sẽ chờ cháu đi.”

Chiếc “taxi”, một con xe chở hàng cũ rích méo mó với cái hãm xung phía sau được máng lên bằng dây thừng, đang đậu ở chỗ để xe bên kia phố gần nơi chiếc xe buýt thả tôi xuống. Tôi vào ghế sau cùng vali của mình, balô và chiếc hộp đầu kẹo hạt đậu. Tôi định gọi lại cho Bernie, nhưng trời vẫn mưa to nên tôi quyết định tốt hơn hết là lên Hilltop trước đã và sẽ gọi cho bác từ trên đó.

“Có người đón cháu ở trên đó chứ?” người đàn ông hỏi tôi khi ông khởi động xe và chỉnh cần gạt nước ở tốc độ nhanh. “Vì chuyển xe miễn phí không có lượt về đâu, cháu nhớ điều đó nha. Ta hy vọng mọi người đang đợi cháu với một chiếc khăn tắm lớn để lau khô cho cháu.” Người đàn ông lặng lẽ cười, liếc nhìn tôi qua gương chiếu hậu.

Tôi nhìn ra cửa sổ xe và thấy một cô gái trẻ đang đứng dưới mưa, mái tóc dài rối bù ướt đầm của cô làm nổi bật lên khuôn mặt bé nhỏ đầy vẻ nghiêm trang. Trong giây lát, tôi tự hỏi cô ta là ai và cô đang đứng làm gì ngoài phố, và rồi miệng của chúng tôi há ra cùng lúc khi nhận ra tôi đang nhìn vào hình ảnh của chính mình phản chiếu trên cửa kính xe. Cô bé đó là tôi, Heidi It.

Chương 14

Xinh

CẢNH VẬT THẬT KHÁC LẠ so với nó trong các bức hình. Cũ kỹ hơn. Các cánh cửa chớp đã bị tháo bỏ và toàn bộ nơi đây được sơn lại thành màu xanh lá đậm thay cho màu trắng. Chỉ có tấm biển vẫn như cũ: TRẠI HILLTOP, LIBERTY, NEW YORK.

“Chúng ta đến rồi,” người lái xe nói, dừng ở cuối lối đánh xe vào nhà bằng đường đất khá dài. “Cháu có chắc là nó còn mở cửa không đấy?”

“Cháu chắc mà,” tôi nói. “Chú thấy không? Có ánh đèn ở phía trên kia.”

“Ồ, đúng, ta thấy rồi. Ừm, ta chở khách lên đây mỗi năm có một lần, và ta nhớ rằng đây là nơi không dễ để quay đầu khi lên trên đỉnh kia, mà giờ không còn mưa nữa đâu, cháu không ngại khi đi bộ lên đó chứ?”

Tôi nói không hề gì, cảm ơn ông và ra khỏi xe.

“Vậy là nhờ chút may mắn mà cháu đã tới được chốn này đấy” người lái xe nói trước khi ông đánh xe đi. “Ái dà dà, mình sẵn sàng đánh đổi thứ gì đó để lấy chút vận may cho đêm nay.”

Tôi đứng ngược nhìn lên tòa nhà mà tôi đã đi một chặng đường dài để tới đây, và nó đang đứng nhìn lại tôi với những cửa sổ khép hờ như cặp mắt ngái ngủ và một vòm cổng tựa cái miệng đầy răng sắt tua tua.

Hãy lắng nghe những đôi mắt, Heidi.

Nhưng tôi không thể nói lên điều gì từ khuôn mặt của Hilltop.

Mặc dù nó không xa khu trung tâm của Liberty, chỉ khoảng mười lăm phút hoặc hơn, cơn mưa đông đã biến mất khỏi khu vực này hay

không lên được tới đây. Bầu trời xám đen một cách đáng ngại, nhưng mặt đất vẫn khô ráo. Lúc tôi bắt đầu chậm rãi leo lên con đường dốc đứng, một cơn gió mạnh thỉnh thoảng ào qua và lay động những cành lá rậm rạp của cây độc cần già nua. *Soof*, chúng thì thảo khe khẽ khi đứng đưa phía trên đầu. Lần này, tôi không bị tai nạn. Tôi vui mừng vì nghe thấy cái từ của Mẹ ở đây, nhắc nhở tôi một lần nữa lý do tại sao tôi tới chốn này. Giày của tôi đá tung lên một đám bụi màu nâu trong lúc tăng tốc và vội vã đi trên con đường lái xe lên nhà.

Đi lên trên những bậc thềm rộng rãi của cổng vòm, ngang qua vài chậu hoa cảnh và một cặp ghế ngựa sơn trắng với đệm ngồi làm từ cây liễu gai. Những ô kính vuông ở cửa trước phía trong phủ một tấm rèm trắng ten. Tôi gõ cửa nhưng không thấy ai trả lời. Đặt chiếc vali và hộp kẹo đậu xuống hàng hiên, tôi lại gõ cửa. Khi không thấy ai xuất hiện, tôi vận tay nắm cửa rồi bước vào nhà.

Căn nhà toát lên mùi cũ kỹ và ẩm mốc, như chiếc hộp đựng thuốc của Bernadette khi lần đầu tiên tôi mở nó ra. Không có nhiều đồ đạc ở phòng phía trước, có một đi văng bọc nhựa vinyl với những chiếc khay tròn lớn trên nệm lót và hai ghế bành cùng kiểu.

“Xin chào?” tôi gọi to, và một phút sau lại lặp lại - “Xin chào?”

Không có tiếng trả lời, vì vậy tôi đi xuống sảnh hướng về phía có tiếng nói lao xao. Tôi đi qua một phòng bếp rộng ở phía tay phải với những nổi kim loại lớn treo trên giá dọc một bàn bếp dài, và bên phải là một phòng tắm sàn lát gạch caro đen trắng. Rồi tới một phòng nhỏ bày biện như một phòng làm việc, với chiếc bàn có điện thoại và máy chữ. Những tiếng nói vọng đến từ phía sau một cánh cửa gỗ cao ở cuối sảnh, và khi đến gần hơn, tôi có thể nghe loáng thoáng cuộc nói chuyện ở trong vọng ra. Đang có tiếng nhạc, phát ra từ đĩa hay ai đó đang bập bùng đàn guitar.

“David, cậu có muốn đóng vai miếng pho mát không?” tôi nghe có tiếng hỏi của một phụ nữ.

Ít nhất thì đó là những gì người đó đã nói. Tôi cảm thấy không thoải mái khi đứng ở ngoài nghe lén như thế này.

“Xin chào?” tôi lại lên tiếng, hy vọng có lẽ người phụ nữ bên trong có thể nghe thấy tôi, nhưng cánh cửa thật dày, và bên trong có quá nhiều âm thanh nên ai đó khó có thể nghe được giọng của tôi. Tôi liếc nhìn về phía tay phải, vào trong căn phòng làm việc nhỏ với máy chữ và điện thoại. Thoạt tiên tôi không để ý, nhưng trong đó còn có một cái tủ có ngăn kéo màu xám, lèn chặt những kẹp tài liệu bằng nhựa, các ngăn kéo không thể đóng lại được. Cơ man nào là tài liệu. Có tới hàng trăm tệp. Mỗi tệp gắn một nhãn hiệu nhỏ màu xanh da trời ở phía trên trông như có tên viết ở trên đó.

Hãy kiểm tra cho được bất cứ câu trả lời nào, Heidi.

Tôi ước gì tôi có thể nói là mình gặp rắc rối khi quyết định làm gì tiếp theo - nhưng tôi đã không hành động như thế. Tôi biết như vậy là sai trái, song ý nghĩ rằng một trong những tài liệu kia có lẽ chứa đựng một sự thật mà tôi đã đi cả đoạn đường rất xa để tìm ra nó khiến chuyên trở nên đơn giản.

Khi bước vào trong và đóng cánh cửa phía sau lưng lại, tôi nhận ra căn phòng thực tế rộng hơn so với hình dung của mình. Có một hốc tường khuất hẳn vào trong, với tấm thảm trang trí hoa văn trải trên sàn, vài cây cảnh trồng trong mấy chậu đất sét lớn, và một ghế bành màu đỏ đặt xoay lưng về phía tôi, ngay trước khung cửa sổ lớn rất đẹp, nhìn ra đồi cây.

Căn hộ của chúng tôi ở Reno không có nhiều ánh sáng cho lắm, vì thế cây cối khó có thể sống được. Chúng tôi cố công trồng vài loại cây - cây thường xuân, xương rồng lá mỏng và cả một cây lê tàu mà chúng tôi ươm mầm từ một cái hạt, rào xung quanh bằng tấm xia răng và treo phía bên trên một bình nước - nhưng rốt cuộc mọi cây cối đều chết sạch. Vì thế, thay vào đó, Bernie đặt mua cây và hoa vài trong một cuốn catalog rồi đặt chúng thành một hàng ở bậu cửa sổ để làm không gian sáng sủa hơn. Thỉnh thoảng bác còn xịt nước hoa cologne lên chúng.

“Không lừa được lũ ông đâu, nhưng nó đánh lừa được bác đó,” bác bảo vậy trong khi xịt lên chúng bằng chiếc bình phun với quả nậm xịt màu hồng bạc thếp, chiếc bình của bố bác để lại.

Cây cối ở hốc tường tại Hilltop thật tuyệt, tôi tự hỏi không biết chúng có phải là cây thật hay không, nhất là một chậu cây đặt ngay cạnh chiếc ghế bành màu đỏ. Nó có những chiếc lá dài, mảnh, nhọn, màu xanh sẫm, và ở đầu của mấy chiếc lá đung đưa những chùm hoa bé tí xíu màu trắng thật mảnh mai, tôi phải xem thế nào mới được.

Tôi bước ngang tấm thảm và định chạm vào một bông hoa, bóp nát những cánh hoa giữa ngón tay trở và ngón cái, thì tôi chợt há hốc miệng vì kinh ngạc và phải đưa tay che miệng lại để ngăn không kêu to lên. Không chỉ có mình tôi trong phòng. Có một người đàn ông đang ngồi trên ghế.

“Cháu xin lỗi. Cháu không định làm phiền chú. Cháu nghĩ... cháu không nghĩ,” tôi lắp bắp. “Không có ai ở phòng trước lúc cháu vào đây, vì thế cháu...”

Mặt người đàn ông quay đi chỗ khác, và phải một phút sau tôi mới nhận ra lý do người đó không đáp lại là chú ấy có vẻ buồn ngủ. Tôi nghe thấy một âm thanh chậm chậm đều đều trong hơi thở của chú như thể ngực chú nâng lên và hạ xuống. Sau đó tôi lẽ ra có thể đã quay đi và ra khỏi phòng, hoặc tận dụng cơ hội để thực hiện kế hoạch mình đã định từ lúc đầu - xem qua các tệp tài liệu để tìm thông tin về Mẹ. Thay vào đó, tôi nhón chân đi vòng qua ghế để nhìn vào mặt người đàn ông.

Cổ người đàn ông ngoẹo sang một bên, cằm và má tì xuống một bên vai như con chim cổ rúc đầu xuống dưới cánh của nó trong lúc ngủ. Mái tóc sẫm màu của chú được cắt ngắn, trông như đám lông gai lua tua trên da đầu, làn da chú nhẵn bóng và thật xanh xao, tôi có thể nhìn thấy những mạch máu xanh xanh rung rung trên trán chú. Bất ngờ, người đàn ông cựa quậy trong giấc ngủ, rồi đầu chú ngật ngoẹo từ trước ra sau và rồi chú mở choàng mắt, nhìn thẳng vào tôi. Thoạt tiên người này nhìn với cái nhìn trống rỗng, quai hàm trể ra, má phải hằn một vết đỏ từ chất liệu bọc ghế. Rồi bất ngờ khuôn mặt ấy bừng lên vẻ tỉnh táo và nở ra một nụ cười rộng ngoác.

“Sooooof...” người đàn ông nói với giọng là lạ, nhẹ nhàng phát ra từ nơi yết hầu, “soooooooooof.”

Chương 15

Nay

“ELLIOT? Cậu dậy chưa? Elly?” một người phụ nữ từ sảnh gọi vọng vào. Cùng giọng mà tôi nghe thấy lúc nãy đã vọng ra từ sau cánh cửa lớn nặng nề. Giờ đây, cô đang xoay tay nắm cửa và bước vào phòng, giày cao gót kêu lách kích, chiếc quần trắng hồ cứng kêu sột soạt. Khi thấy tôi, cô dừng khựng lại và đứng chống nạnh một tay vào hông, nhìn tôi đầy bối rối.

“Ta giúp gì được cho cháu?” cô hỏi tôi.

Tôi không đáp. Tôi không thể. Tôi đang nhìn chăm chăm vào người đàn ông trên ghế bành đỏ, người biết cái tên của Mẹ. Có thứ gì đó quen thuộc một cách kỳ quặc về người ấy.

“Cháu là ai?” người phụ nữ hỏi.

Elliot trả lời cho tôi.

“*Soof*, chú nói, nắm lấy tay tôi và nhìn về phía người phụ nữ cũng với cái cười rộng ngoác mà chú dành cho tôi trước đó.

Mẹ từng nói *soof* khi bà xem bức hình mà tôi đã xé làm đôi, và tôi tự hỏi *soof* là người phụ nữ mặc áo len đỏ dài tay, hay là chính mẹ tôi. Rồi Georgia khiến tôi phân vân không biết đó có phải tên cha tôi hay không. Giờ đây cái nắm tay của Elliot đã rõ ràng được giọng nói của tôi, đủ để tôi có thể thốt lên một câu hỏi mà trước đó tôi chưa từng nghĩ tới.

“Cháu là *soof* ư?” tôi thì thào.

Elliot lại mỉm cười với tôi, và người phụ nữ bật cười thành tiếng.

“Dĩ nhiên ta hy vọng thế. Anh ấy nói từ đó chỉ ít cũng tới trăm lần trong một ngày. Những lúc đó, ta chỉ mong làm sao biết được đó là ai hay là anh ấy đang nói về chuyện quái quỷ gì. Ngay cả ông Hill cũng

không biết nữa là,” cô nói. “Hoặc nếu biết, ông ấy cũng chẳng nói đâu.”

“Thurman Hill ư?” tôi hỏi.

Cô gật đầu.

“Cha của Elliot,” cô giải thích.

“Nhưng cháu là *soof* ư?” tôi hỏi lại.

“Là cháu nói cho cô đó nha.” Cô cười phá lên.

“Ruby?” tôi nghe tiếng một người đàn ông gọi từ ngoài sảnh vọng vào.

“Trong này, ông Hill à,” cô ngoảnh đầu kêu to đáp lại.

Khi Thurman Hill, người đàn ông gầy và cao lêu đêu với mái đầu rậm rì tóc trắng, bước vào trong phòng, tôi cảm thấy chính xác cái cảm giác giây phút đầu tiên ngược nhìn lên Hilltop Home khi tôi đứng từ cuối lối lái xe vào tòa nhà. Đặc biệt là cặp mắt ông, chúng có sắc xanh da trời mà tôi mới chỉ nhìn thấy một lần trước đây: màu của miếng thủy tinh biển sẵn sẵn mà Bernie luôn luôn cất trong hộp trang sức của bác.

“Cháu là ai?” ông hỏi với giọng mượt mà êm ái như thể được đánh bóng bằng hàng triệu hạt cát, tới mức trơn tru, nhẵn thín.

“Tên cháu là Heidi It,” tôi đáp, cố hết sức giữ cho giọng mình không bị run, “và cháu có vài câu hỏi cần hỏi ông, thưa ông Hill.”

“Cháu là phóng viên cho tờ báo của trường hay sao?” người phụ nữ mà ông Hill gọi là Ruby cất tiếng hỏi. “Ông Hill đây không có nhiệm vụ cho mấy chuyện đó, nhưng cô sẽ rất vui để cháu phỏng vấn cô nếu cháu thích, dù cô trả lời chắt chán như cơm nguội ấy.”

“Cháu không phải từ tòa báo, cháu chỉ muốn biết về mẹ cháu, người từng sống ở đây,” tôi đáp.

Có điều gì đó thay đổi trên gương mặt Thurman Hill.

“Cháu nói tên cháu là gì ấy nhỉ?” ông hỏi. Ông quỳ gối để nhìn tôi kỹ hơn, và tôi để ý thấy chiếc đồng hồ vàng mà ông đang đeo. Mấy chiếc kim màu trắng mỏng mảnh nổi trên mặt đồng hồ hình ô van cho

thấy giờ là 4 giờ. Đã một tiếng trôi qua kể từ lúc tôi nói chuyện với Bernie.

“Heidi It ạ,” tôi đáp.

“It ư? Đó là họ của cháu? I-t?” ông hỏi.

Tôi gật đầu.

“Và họ của mẹ cháu cũng là It ư?”

Tôi lại gật đầu.

“Chưa từng có ai ở đây mang tên đó cả,” ông nói, đứng thẳng dậy. “Tên đó khá lạ. Ta chắc mình nhớ được mà.”

“Có lẽ có ai khác nhớ được chẳng,” tôi nói.

“Không đâu. Đây là ngôi nhà dành cho những người bị thiếu năng trí tuệ. Cháu biết điều đó chứ hả?” ông sáng giọng hỏi.

“Mẹ cháu bị thiếu năng trí tuệ,” tôi đáp.

“Có thể thế, nhưng ta e là bà ấy không từng sống ở đây,” ông đáp. “Ta biết tất cả mọi người từng sống ở Hilltop này”

“Đúng vậy đó. Ông ấy là sếp sòng^[11] mà,” Ruby nói kèm theo cái nháy mắt.

“Sòng đứng một mình,” đột nhiên Elliot nói. “Sòng đứng một mình.”

Ruby cười phá lên.

“Đúng đó, Elliot, sòng đứng một mình. Cậu giỏi lắm.” Đoạn cô quay sang tôi giải thích, “Đó là lời trong bài “Anh nông dân trong thung lũng”. Không hiểu sao mọi người đều thích bài hát này. Cháu có biết bài hát này không? Bài hát kể về một anh nông dân cưới vợ, và người vợ sinh ra con và mọi thứ khác xuất hiện, cho đến cuối bài là câu hát này.”

“Điều gì khiến cháu nghĩ mẹ cháu từng ở Hilltop?” Thurman Hill hỏi tôi. “Bà ấy nói với cháu ư?”

“Không, nhưng cháu có mấy tấm hình,” tôi nói, với tay lấy balô.

“Đợi chút đã. Tự nhiên tôi nhớ ra. Cháu có liên quan gì tới một người tên là Bernadette không?” Ruby hỏi.

“Dạ có,” tôi đáp, “bác ấy là hàng xóm của cháu.” “Đó là người phụ nữ gọi điện từ Nevada, ông Hill à. Nhớ là tôi nói với ông về cô ấy không và ông nói tôi nên...”

Giờ thì có một sự thay đổi rõ rệt trên gương mặt ông Thurman Hill, dù thật khó có thể nói chính xác đó là điều gì.

“Đừng quan tâm tôi đã nói gì, Ruby. Cô Bernadette này đi cùng với cháu ư?” ông hỏi tôi, và tôi nhận thấy hai vết đỏ nhỏ đã bắt đầu hình thành trên hai má ông, ngay dưới đôi gò má xương xẩu.

“Bác ấy không thể đến đây” tôi đáp.

“Vậy cháu đang nói với ta là cháu đến đây một mình?” ông hỏi. “Từ Nevada ư?”

Cặp mắt màu thủy tinh biển giờ đây sắc sảo hơn, và lạnh hơn, chúng nhìn chòng chọc vào tôi trong khi ông đợi tôi trả lời.

Tôi nuốt cục nghẹn và gật đầu.

“Cháu đã bỏ nhà đi ư?” ông hỏi.

“Không ạ,” tôi đáp.

“Tôi đi kiểm tên mẹ cô bé trong hồ sơ nha, ông Hill?” Ruby hỏi.

Ông phớt lờ cô ta. Vẫn nhìn tôi chăm chặp đầy chủ ý như thể tôi là một câu đố mà ông đang cố gắng tìm ra lời giải.

“Ta có thể xem mấy tấm ảnh mà cháu nói là cháu có, được chứ?” ông hỏi giọng thật nhỏ.

Tôi mở balô và lôi ra những tấm ảnh, đưa cả xấp cho ông. Khi ông chìa tay đón lấy nó, những ngón tay ông chạm lướt qua những ngón tay tôi, và làn da ông lạnh đến nỗi tôi rụt phắt tay lại, làm rớt những tấm hình xuống sàn nhà. Ruby nhanh chóng cúi xuống và bắt đầu nhặt chúng lên.

“Này, nhìn xem này,” cô nói, cầm một bức hình chìa ra cho ông Hill. Đó là tấm hình có người đứng trước mái hiên phía dưới tấm biển Hilltop. “Đó là tấm biển của chúng ta, không phải vậy sao?”

“Cháu lấy những tấm hình này ở đâu?” ông ta hỏi tôi, và tôi nhìn thấy những đốm trên má ông loang rộng ra như những vết phấm màu đỏ tươi.

“Cháu tìm thấy từ cuộn phim trong một chiếc máy ảnh cũ tại ngăn kéo ở nhà cháu,” tôi đáp. “Chúng cháu nghĩ các bức hình được chụp cách đây mười ba năm, vì bác Bernadette nói mẹ cháu trong tấm hình lúc ấy có lẽ đang mang bầu cháu và giờ cháu mười hai tuổi.”

Thurman Hill đứng im phăng phắc, nhìn vào bức hình trong tay mình, và khi tôi quan sát, sắc màu trên hai má ông đã gần như tan biến, cho tới khi mặt ông chuyển hoàn toàn sang màu trắng như bột.

“Mẹ cháu đây phải không? Mắt cháu giống mắt bà ấy nhỉ,” Ruby nói, cầm một tấm ảnh khác chìa ra phía tôi. “Và người phụ nữ này là ai? Bà ấy mặc chiếc áo giống hệt chiếc áo của cháu này. Đó là bà cháu chăng?”

“Thôi đủ rồi,” ông Hill nói giọng sắc lạnh, và ông giật tấm hình khỏi tay Ruby đưa trả cho tôi.

“Ông sao vậy, ông Hill?” cô hỏi, giọng bối rối.

“Đưa Elliot vào phòng với những người khác đi, Ruby” ông nói.

Elliot nãy giờ ngồi im lặng trên ghế, nhìn chăm chăm ra cửa sổ dõi theo một con chim vừa đậu xuống khoảnh sân.

“Đi nào, Elly” Ruby nói. “Cậu có thể được ăn snack đấy. Bác nấu bếp hôm nay có nhiều dụng cụ nấu nướng. Tôi biết là cậu thích dụng cụ nấu bếp thế nào rồi.”

Elliot không hề động đậy. Chú đang quan sát con chim.

“Elliot, đi với Ruby đi nào,” Thurman Hill nói.

“Chim,” Elliot nói.

“Đúng vậy, con trai à, đó là một con chim cổ đỏ, còn nhớ chứ?” ông nhẹ nhàng đáp. “Con có thể gọi nó là con két bụng vàng cam. Giờ ta cần con đi với Ruby.”

Ruby đi vòng tới trước mặt Elliot và chìa hai tay ra với chú. Elliot đón lấy hai bàn tay, vung về đứng lên khỏi ghế. Tôi ngạc nhiên thấy chú ấy mới nhỏ bé làm sao. Đầu của chú không ngóc thẳng lên được giữa hai vai, và chú nắm lấy hai cánh tay mình theo một cách thật buồn cười. Chiếc quần dài chú mặc được xắn lên cao và thắt quanh eo một chiếc thắt lưng da, chú đang đi chân trần.

“Đúng rồi, Elly. Đi với Ruby nha,” cô nói.

“Khoan đã,” tôi nói, ngoảnh lại nhìn Thurman Hill. “Nếu mẹ cháu chưa từng ở đây, vậy sao chú Elliot biết từ của mẹ cháu? Chú ấy gọi cháu là *soof*.”

“Ruby, đưa Elliot về phòng chơi,” Thurman nói. “Nhờ cô đi tắt cho cậu ấy. Sàn nhà này lạnh lắm.”

Ruby bước đi, cầm tay Elliot như dắt một đứa bé.

Khi họ vừa rời đi, Thurman Hill quay lại phía tôi, và lần này cách nhìn của ông thật dễ để đọc được. Ông ta đang giận dữ. Miệng ông tạo thành một đường kẻ căng đậm, cắt ngang khuôn mặt như như một vết rạch mờ nằm giữa khoảng cách của cằm và mũi.

Đôi mắt thủy tinh biển rực lên và phát ra tia sáng khi ông ta nói.

“Cháu không có quyền tới đây,” ông nói.

“Không có quyền ư?” tôi hỏi lại. “Cháu không hiểu ông đang nói về chuyện gì.”

“Bà ta gửi cháu đến đây để vùi tiền, phải không? Được, bà ta đừng hòng mà nhận được một xu của ta. Không một xu. Cháu nói với bà ta lời hứa đã được thực thi và được trả phí rồi,” ông ta nói.

Hai năm đấm của ông xiết chặt lại lúc này giống như hai viên đá trắng toát.

“Cháu không biết ông đang nói về chuyện gì,” tôi đáp. “Bác Bernadette đã gọi điện và viết thư, nhưng ông chẳng trả lời chúng cháu. Đó là lý do cháu đến đây. Cháu không biết bất cứ lời hứa nào cả.”

“Bernadette? Giờ bà ta tự gọi mình với cái tên đó ư?” ông ta nói với tiếng cười giả tạo đến kỳ lạ. “Hừ, bà ta có thể tự gọi mình bằng bất cứ cái tên nào mà bà ta muốn, nhưng điều đó chẳng thay đổi được gì đâu. Ta đã xé hết thư từ và phốt lờ bà ta đi là có lý do cả đấy. Ta sẽ không cho bà ta loanh quanh ở đây và xới tung mọi chuyện lên nữa. Đừng có mà động vào ta. Vào Elliot. Lúc này thì đừng hòng.”

Vừa lúc đó một phụ nữ nhỏ nhắn mặc váy xanh da trời và đi giày da đế mềm màu trắng đẩy cửa chạy thẳng vào trong phòng.

“Đến đây mau, ông H.,” cô nói. “Elliot đang nổi cơn thịnh nộ. Ruby bảo tôi đến báo với ông.”

Gương mặt cô tròn như một chiếc đĩa, và cặp mắt trĩu xuống ở hai bên khóe mắt, khiến cho cái nhìn của cô có vẻ buồn bã ngay cả khi cô ngoảnh lại mỉm cười với tôi.

“Chào cháu,” cô nói. “Cô xin lỗi vì đã xen ngang nhưng ông Hill thực sự phải đi ngay bây giờ.”

Tôi nghe thấy âm thanh như tiếng một con vật tru lên ở đằng xa. Thurman Hill đặt tay lên vai người phụ nữ và nói với cô bằng giọng nhẹ nhàng.

“Một phút nữa tôi sẽ có mặt, Sally à,” ông bảo. “Quay lại và nói với Elliot là tôi đang tới.”

“Tôi e là cậu ấy sẽ tự làm đau mình mất,” cô nói.

“Tôi biết. Một phút nữa tôi sẽ tới,” ông đáp.

Đoạn ông quay lại phía tôi và giọng ông lại trở nên gay gắt:

“Ta đã xong phần của ta,” ông bảo. “Giờ cháu hãy làm việc của cháu đi. Hãy để cho chúng ta được yên. Vì Chúa, hãy để chúng ta được yên.”

Thurman Hill bỏ mặc tôi đứng ở hốc tường với cảm giác hoàn toàn thất bại. Tôi cố hiểu những điều mà ông vừa nói, nhưng không thể. Ông tưởng Bernadette là một ai đó khác. Ông nghĩ tôi tôi đây để vùi tiền. Ai khiến ông nghĩ tôi như thế chứ? Và tại sao ông lại giận dữ đến vậy?

Tiếng rống trở nên lớn hơn và giờ đây nó lại có tiếng vang vọng thành nhịp huỳnh huỳnh, như ai đó phang thật mạnh một vật lên bàn, hay lên trên tường.

“Elliot!” tôi nghe tiếng Thurman Hill la lên. “Đừng!”

Tôi không rõ mình đứng đó bao lâu trước khi Ruby quay trở lại. Cô không nói gì cả, nhưng sau cái liếc nhanh qua vai, cô mở một ngăn kéo trong chiếc tủ hồ sơ màu xám đầy ắp ra và bắt đầu lật nhanh qua một danh mục các tệp tài liệu. Cô giờ một tệp ra, và rồi lần thứ hai tôi nín thở.

“Không có ai họ ‘It’ cả. Nó hẳn đã ở đây nếu mẹ cháu sống tại Hilltop cách đây mười ba năm, vì đây là các tài liệu lưu trữ từ mười lăm năm trước. Mà không có ai họ ‘It’ cả.”

“Cô có chắc không ạ?” tôi hỏi, bước tới đứng ngay cạnh cô.

“Cô chắc chắn mà.” Cô đẩy ngăn kéo vào bằng chiếc hông đẩy đà của mình để đóng nó lại. “Chẳng

cái nào đóng vào nổi. Và cô đã tìm kiếm tới hai lần rồi. Cô rất tiếc.”

Tôi có thể thấy là cô nói đúng. Nhưng tôi lại không thể tin là Mẹ không ở đâu đó tại đây. Bà phải ở đây chứ. Elliot biết từ mà bà đã nói. Bà ở trong bức hình. Bà từng ở đây. Tôi chắc chắn điều đó.

“Cháu có thể tự tìm kiếm được chứ ạ?” tôi hỏi. “Vì biết đâu cô đã bỏ sót thứ gì chẳng?”

Ruby nhìn về phía cánh cửa với vẻ căng thẳng.

“Ta không nghĩ đó là ý kiến hay đâu,” cô nói.

“Xin cô làm ơn,” tôi tiến một bước về phía cái tủ hồ sơ đầy ngột.

“Xin chào mọi người!” một giọng nam giới trầm trầm vang lên từ phía ô cửa.

Tôi ngoảnh lại và nhìn thấy một vị sĩ quan trong bộ đồng phục xám với chiếc mũ rộng vành và huy hiệu vàng trên áo sơ mi. Người đó có súng trong chiếc bao da màu đen cột ở ngang hông.

“Xong chưa?” người đó hỏi.

Thurman Hill hẳn đã gọi cho cảnh sát và nói dối rằng tôi là ai đó. Hoặc có lẽ ông ta nói tôi bỏ nhà ra đi, vì thế họ đến ngay để bắt tôi và ông ta có thể rũ được tôi. Tôi chẳng biết người ta có bị bỏ tù vì tội bỏ nhà hay không nữa, nhưng tôi không định đứng ì ra đó để tìm hiểu về chuyện này. Tôi xô đẩy nhào qua mọi người và ráng hết sức chạy về phía cửa.

Chương 16

Nóng

TÔI XUỐNG ĐƯỢC NỬA CON ĐƯỜNG LÁI XE VÀO NHÀ, chạy thực mạng với chiếc balô lủng lảng một bên vai, một tay cầm vali và cánh tay kia kẹp hộp kẹo đậu, thì cảnh sát trưởng Sheriff Roy Franklin, chồng của Ruby, rốt cuộc tóm được tôi. Chú đến đón vợ sau giờ làm việc.

“Làm ơn đừng bắt cháu đi,” tôi van nài khi chú khép bàn tay to lớn xung quanh phần trên của cánh tay tôi và hướng tôi quay lại phía Hilltop.

“Bình tĩnh nào,” chú bảo. “Chẳng ai bắt ai rời khỏi đâu cả. Chú chỉ muốn nói chuyện với cháu thôi mà.”

Ruby đã ra hiên trước, đang đợi chúng tôi bước trở lên từ đường lái xe vào nhà. Roy mang vali của tôi còn tôi ôm hộp kẹo đậu trong hai cánh tay. Tôi không khóc nhưng cũng gần như òa lên.

“Cháu có thể gọi cho bác Bernie được không?” tôi hỏi.

“Bernie là ai?” chú hỏi.

Ngay lúc chúng tôi tới được hàng hiên nơi Ruby đang đợi, cô bắt đầu kể chi tiết cho Roy chuyện của tôi.

“Bernie là người hàng xóm,” cô bảo chú, “ở Nevada. Cô bé tự đi xe buýt tới đây, anh Roy à.”

“Gia đình cháu có biết cháu ở đâu không?” Roy hỏi.

“Dạ có. Nhưng Bernie sẽ lo lắng,” tôi bảo họ. “Cháu định gọi lại cho bác ấy lâu rồi. Làm ơn để cháu gọi cho bác ấy bây giờ được không?”

“Chú nghĩ có lẽ đó là một ý hay đấy” Roy đáp.

Chúng tôi trở lại phòng làm việc nhỏ vì thế tôi có thể gọi cho Bernie. Tôi thấy nhẹ nhõm vì không có dấu hiệu nào của Thurman Hill quanh đây.

“Ồi Heidi,” Bernie kêu lên ngay khi bắt máy, “Cháu ở nơi nào thế, bé con? Cháu ổn không? Bác đợi cháu gọi lại lâu quá chừng.”

Tôi mất tự chủ và bắt đầu òa khóc.

“Cháu đang ở trại Hilltop, bác Bernie. Với một cảnh sát trường. Cái ông Thurman Hill ấy thật kinh khủng, và ông ta chẳng nói cho cháu điều gì cả. Ông ta nhăm cháu với ai đó. Ông ta nghĩ cháu muốn moi tiền của ông ta. Và Mẹ không có trong hồ sơ ở đây. Cháu muốn về nhà, bác Bernie ạ,” tôi thổn thức trong điện thoại. “Cháu muốn về nhà.”

Ruby kéo một mảnh khăn giấy ra khỏi túi áo len dài tay của mình, đưa cho tôi. Tôi xì mũi và cố thở bình thường.

“Để chú nói chuyện với bác ấy,” Roy đề nghị, với lấy chiếc điện thoại. Tôi đưa nó cho chú và đứng đó sứt sứt, chấm chấm nước mắt trong khi Ruby lấy cho tôi thêm khăn giấy. Roy kéo dài dây điện thoại và di chuyển khoảng vài bước chân, rồi quay lưng về phía tôi, giữ cho giọng thật nhỏ, tôi không thể nghe thấy chú đang nói gì với Bernadette.

Quần áo tôi ẩm ướt do cơn mưa xối xả mà tôi dính phải lúc trong thị trấn, và tôi đang run lạt bặt. Ruby đi và làm cho tôi một ly cacao loại uống liền nóng trong bếp, và khi cô quay lại, cô mang áo khoác của mình choàng nó qua vai tôi. Thật ấm áp và mềm mại, và có mùi hương hoa, giống như hơi thở của Georgia sau khi chị ấy ăn kẹo Violet.

Roy nói chuyện với Bernadette một lúc lâu, tôi đứng đó uống cacao và cố nén không khóc nữa. Cuối cùng chú kết thúc, đưa điện thoại cho tôi.

“Bác nghĩ bác đã biết được câu trả lời cho chuyện này rồi, nhưng hãy nói cho bác hay mắt của chú ấy đang nói gì, bé con,” Bernie nói. “Điều đó quan trọng lắm.”

Cảnh sát trưởng Roy Franklin là một người đàn ông to lớn với mái tóc đen chớm bạc hai bên thái dương và râu mép rậm buông xuống cả môi trên và môi dưới của chú. Khi chú mỉm cười, những đường nho nhỏ hình thành ở phía mép ngoài.

“Những điều tốt,” tôi đáp.

“Đó là những gì bác đã nghĩ đấy,” bác bảo tôi.

“Thật là một phụ nữ đặc biệt,” Roy nói sau khi tôi gác máy. “Cô ấy muốn gì là tìm mọi cách đạt cho bằng được.”

“Bác ấy nói cho chú chuyện gì ạ?” tôi hỏi.

Chú lục túi quần. Thoạt tiên, tôi nghĩ chú đang tìm cái cùm và tôi cảm thấy một cục nghẹn dâng lên trong cổ họng. Nhưng rồi chú lấy ra một đồng hai mươi lăm xu.

“Sấp hay ngửa?” chú hỏi tôi.

“Gì cơ?” tôi hỏi.

“Sấp hay ngửa? Đoán nó lúc nó bay trên không trung nha,” cảnh sát trưởng nói khi chú tung đồng xu, bắt lấy nó, rồi vỗ nó vào tay kia và nắm lại.

“Ngửa,” tôi nói.

Chú nhìn đồng xu và gật đầu.

“Làm lại nào. Sấp hay ngửa?”

“Ngửa,” tôi đáp.

Tôi lại đoán đúng.

Chú tung đồng xu một lèo mười lần tất cả, và lần nào tôi cũng đoán đúng.

“Chuyện quái quỷ gì thế, Roy?” Ruby hỏi.

“Quỷ tha ma bắt tôi đi, chuyện này đúng như cô ta nói,” Roy đáp.

“Như ai nói?” Ruby hỏi.

“Bernadette, người hàng xóm đó đó. Cô ta cá với anh rằng bé con này có thể đoán đúng 10 lần liên tiếp trò tung tiền sấp ngửa, và đúng như cô ta nói nha. Anh không còn lựa chọn nào khác là phải giữ đúng thỏa thuận.”

“Thỏa thuận nào chứ?” Ruby hỏi.

“Anh đã hứa với Bernadette rằng nếu cô bé đoán đúng mười lần liên tiếp thì thay vì đưa Heidi xuống bến xe như anh đã định, anh sẽ đưa cô bé về nhà mình, cho cô bé ăn một bữa ăn tại nhà, và cho cô bé một chiếc giường ấm áp để ngủ đêm nay.”

“Roy,” Ruby bảo.

“Sao nào, Rube? Em không muốn cô bé ngủ vạ vật dưới phố, phải không nào? Cô bé mới có mười hai tuổi và cách xa nhà hàng ngàn dặm.”

“Tất nhiên là không rồi,” Ruby đáp giọng nhỏ nhẹ. “Chỉ vì... chúng ta đâu đã biết toàn bộ câu chuyện chứ.”

“Anh biết đủ để hiểu rằng điều gì tốt nhất bây giờ. Còn với ông sếp của em, anh cần nói chuyện với ông ta. Mà ông ta đâu rồi nhỉ?” “Có lẽ ông ấy quay lại phòng chơi rồi. Chiều nay Elly đang khó ở.” Ruby bảo. “Cậu ấy đang tự đập đầu mình.”

“Cháu gặp Elliot chưa?” Roy hỏi tôi.

Tôi gật đầu.

“Rube phải lòng cậu ấy đấy, nói cho cháu biết,” Roy nói. “Một phút nữa chú sẽ quay lại. Chú phải nói với ông Hill một tiếng.”

“Chú hỏi xem vì sao Elliot biết cái từ của mẹ cháu,” tôi bảo chú.

Roy nhìn sang Ruby để tìm lời giải thích.

“*Soof*?” cô đáp. “Anh biết là em đã kể Elliot nói từ ấy nhiều như nào rồi chứ? Ừm, Heidi nói mẹ cô bé cũng nói từ này.”

“Và hôm nay khi nhìn thấy cháu, chú ấy gọi cháu là *soof*” tôi kể.

“Elliot nói *soo*/luôn miệng, Heidi à. Có thể từ đó chẳng có nghĩa gì cả,” Ruby đáp.

“Cháu biết là nó có nghĩa mà. Cháu nghĩ rằng mọi thứ đều có nghĩa gì đó, ngay cả khi ta không biết nó là gì,” tôi bảo.

Roy mỉm cười với tôi.

“Tại sao hai cô cháu không đợi chú ở trong xe hơi nhỉ?” Chú trao cho Ruby chìa khóa xe. “Bật máy sưởi lên, Ruby à. Con bé đang run lên kìa.”

Lần này Ruby mang chiếc vali của tôi còn tôi xách balô và ôm theo hộp kẹo đậu ra xe, chiếc xe đậu ở đầu lối vào nhà.

Tôi vào ghế sau và Ruby vào ghế trước để có thể khởi động động cơ và bật máy sưởi.

“Cháu có cần cô xuống đó và ngồi với cháu không?” Cô quay xuống ghế sau hỏi.

Tôi hẳn thích điều đó, nhưng tôi lại lắc đầu từ chối.

“Cháu có anh em ruột gì không?” cô hỏi tôi.

“Dạ không,” tôi đáp. “Còn cô?”

“Một chị gái. Tên Jill. Chị ấy sống ở North Branch.”

“Cô có con không?” tôi hỏi.

“Không,” cô đáp. “Không có đứa nào.”

Sau đó, chẳng ai trong chúng tôi nói năng gì nữa. chiếc xe nóng lên rất nhanh, và sự hòa trộn của hơi ấm và tiếng o o của máy sưởi khiến tôi buồn ngủ. Tôi ngả đầu vào ghế, nhắm mắt, và chìm vào giấc ngủ. Tôi ngủ một mạch cho đến khi chúng tôi tới đường lái xe vào nhà ở Franklins và Roy tắt động cơ. Mặc dù đã tỉnh, tôi vẫn ngồi đó với hai mắt nhắm chặt.

“Ta có nên đánh thức con bé dậy không, hay anh muốn cố đem con bé vào nhà?” Ruby thì thầm.

“Ý em là sao khi nói co?” Roy hỏi, làm bộ như bị xúc phạm. “Bé con này nhỏ xíu xiu chứ mấy?”

Ruby bật cười. Cô có tiếng cười rất hay. Du dương, giống tiếng chuông gió mà Bernie và tôi từng làm từ một bộ đồ lắp ráp đặt hàng qua thư.

Tôi không nhớ trước đây từng được bế hay không, dù tất nhiên tôi biết Mẹ và Bernie hẳn phải bế tôi rất nhiều lần khi tôi còn bé. Roy đỡ tôi ra khỏi ghế xe rồi mang tôi vào nhà và tôi nghĩ rằng mình đã nín thở trong suốt thời gian ấy, chỉ giữ chặt chiếc hộp kẹo đậu, đảm kẹo va vào nhau kêu lách cách, lách cách. Chỉ có âm thanh khác là tiếng *soof, soof* cittle đôi giày chú mang khi chú bế tôi một cách cẩn trọng bước lên các bậc thềm, băng qua hàng hiên và vào trong nhà.

Tôi thấy tiếc khi chú đặt tôi xuống, tiếc vì phải mở mắt ra. Thật tuyệt khi được ai đó bế đến một nơi nào đó, thay vì tự mình bước đến.

Roy và Ruby sống trong một căn nhà trắng với tất cả cửa chớp và các hộp cửa sổ ở mặt tiền được sơn màu vàng. Ở một đầu là hàng hiên xanh tươi, và chiếc võng dây trắng mắc giữa hai thân cây trong sân nhà.

Ruby chỉ cho tôi một phòng ngủ nhỏ phía sau, nơi cô nói tôi có thể thay bộ đồ bẩn thỉu của mình. Nhưng trước khi đi thay đồ, tôi hỏi Roy xem Thurman Hill đã nói gì với chú lúc ở Hilltop.

“Chẳng có gì đâu. Thurman nói ông ta sẽ không nói với chú khi không có sự hiện diện của luật sư riêng của ông, vì thế sáng mai chú sẽ phải trở lại để xem có chuyện gì,” chú bảo tôi. “Giờ thì đi thay đồ đi, rồi Rube có thể dọn bữa tối.”

Tôi thay đồ lót và tất hăng ngày kể từ khi rời Reno theo như lời Bernie dặn, nhưng tôi vẫn mặc đúng cái quần jeans và chiếc áo sơ mi đó cùng chiếc áo len dài tay màu đỏ. Điều tôi thực sự cần là bốn tấm nóng, nhưng tôi quá e dè không dám hỏi, vả lại, tôi đang đói muốn chết. Tôi bỏ bộ đồ đầy đất bẩn vào một góc của vali và lấy ra bộ quần áo sạch sẽ. Tôi cố lùa chiếc lược qua mái tóc, nhưng tôi không thể chải được nhiều, nó rối bù cả lên, vì thế tôi bỏ cuộc. Khi tôi quay lại phòng khách, Roy đang ngồi trên đi-văng đọc báo. Ruby bước ra khỏi phòng bếp, lau tay vào chiếc tạp dề.

“Nếu cô biết trước là cháu sẽ tới, cô đã làm trước món gì đó rồi. Với tình hình này thì phải làm món bánh mặn chán ngắt vậy. Nhưng cô sẽ bù vào bữa sáng ngày mai, cô hứa đấy. Bữa tối lúc năm giờ nha, hai chú cháu,” cô nói và quay lại bếp.

Roy nhìn tôi và mỉm cười.

“Cô ấy làm bếp cừ lắm đấy,” chú bảo.

“Chú có hỏi Thurman Hill sao Elliot biết từ của mẹ cháu không?” tôi hỏi.

“Đúng là bác nào cháu đấy, ta đoán thế.” Roy phá lên cười. “Bernadette dạy cháu cách đi thẳng vào vấn đề thế sao?”

Tôi nhún vai.

“Chú đã hỏi ông ta chưa?” tôi hỏi lại.

“Ngày mai, Heidi,” chú đáp với giọng mà tôi biết - khi Bernie dùng giọng đó, nghĩa là đừng hỏi thêm nữa.

Chúng tôi ngồi ăn quanh chiếc bàn tròn bằng gỗ ở trong bếp. Mấy miếng vải lót đĩa in hình những con ngựa, và khăn ăn có những bông hoa viển quanh mép, chúng được gấp thành những hình tam giác đặt dưới từng chiếc đĩa. Tôi ngồi giữa Roy và Ruby. Món bánh mặn nhồi gà tây và rau xanh, lớp vỏ bánh dày có bơ, nước sốt rỉ ra những giọt nhỏ xíu - hình thành các kẽ hở cắt ngang ở bên trên. Có món salad và những bát nhỏ nước sốt táo rắc đường vàng.

Tôi đói ngấu, trong giây lát miệng tôi bị lén chặt không còn chỗ để nói nữa. Đến món tráng miệng, Ruby mang ra ba tô lớn kem dâu tây, nhưng tôi chỉ ăn được một nửa phần của mình trước khi tôi đuối sức.

“Trông cháu lử đử quá,” Roy nói.

“Có gì lạ đâu - con bé đã ngủ tới ba đêm trên xe buýt mà. Cô sẽ chuẩn bị nước tắm cho cháu, Heidi à, và rồi cháu có thể đi ngủ,” Ruby nói.

“Cháu có thể gọi cho bác Bernadette trước được không ạ?” tôi hỏi. “Cháu sẽ dùng cuộc gọi người nhận trả tiền.”

“Tất nhiên rồi,” Ruby nói. “Roy, anh chỉ cho cô bé chỗ để điện thoại đi.”

Ruby đi chuẩn bị nước tắm và Roy đưa tôi vào phòng làm việc của chú để sử dụng điện thoại. Chúng tôi chỉ trò chuyện chừng một phút. Tôi kể cho Bernie nghe Ruby và Roy thật sự tử tế với tôi và tôi sẽ đi tắm sau đó đi ngủ. Bác có vẻ yên tâm khi nghe tôi nói thế.

“Tối nay bác sẽ không lo lắng gì về cháu nữa, Heidi-Ho à,” bác nói. “Có vẻ cháu đang được chăm sóc an toàn.”

Từ phía sau Mẹ gọi tìm Bernie.

“Chị tới đây, Cung yêu quý,” bác gọi vọng lại. “Mẹ tội nghiệp của cháu đau đầu suốt cả ngày đấy. Ịệ nhất từ trước tới giờ.”

“Hôn mẹ giúp cháu nhé,” tôi bảo, và nói thêm, “và nói với mẹ cháu là cháu yêu Mẹ, bác Bernie à.”

Dù yêu không phải là một từ Mẹ từng nói, cũng không phải là từ mà tôi dùng thường xuyên. Dẫu vậy, vì một lý do nào đó mà vào đêm ấy, có lẽ vì niềm khao khát mà Roy đã khuấy động lên khi bế tôi ra khỏi xe, tôi muốn Mẹ biết rằng tôi yêu bà.

“Bác sẽ nói với cô ấy” Bernie hứa.

Khi tôi ra khỏi phòng làm việc, Roy đang đợi tôi.

“Cháu có gì để mặc đi ngủ không, hay cháu muốn mượn thứ gì đó? Chú có một chiếc áo sori cũ rộng thùng thình bằng vải ílanen có thể dùng được đó, hoặc Rube có lẽ tìm thứ gì đó thời trang hơn mà cháu có thể mượn nếu muốn.”

Tôi bảo chú rằng tôi có vài thứ trong vali và bắt đầu quay trở lại phòng ngủ nhỏ nơi tôi đã thay đồ trước đó. Roy khiến tôi ngừng bước.

“Heidi, cái tên Demuth có gợi cho cháu nhớ điều gì không?” chú hỏi.

“DeMuth ư?” tôi hỏi lại.

“Diane DeMuth. Đã nghe thấy cái tên này bao giờ chưa?” chú hỏi.

“Cháu nghĩ là không. Cô ấy là ai ạ?” tôi lại hỏi.

“Thôi bỏ qua đi,” chú nói. “Ruby đã vụng vùi nước được một lúc rồi đấy. Tốt hơn hết là giờ cháu đi và hãy chuẩn bị đồ để tắm đi.”

Tôi về phòng và mở vali ra, lục lọi cho đến khi tìm thấy chiếc váy ngủ mà tôi đã xếp trong đó. Tôi moi bàn chải đánh răng ra khỏi ngăn túi ở balô và đi xuống sảnh vào nhà tắm.

Rudy đã vụng nước thật nóng, hơi nước từ bồn tắm tỏa ra nghi ngút, và cô đã cho đủ dầu tắm sủi bọt để đám bọt nổi lên như bọt váng kem. Tôi từng nhìn những bức hình dầu tắm sủi bọt trong các tạp chí, nhưng chưa thực sự được sử dụng bao giờ. Một lần khi tôi bị bệnh thủy đậu, Bernie cho bột yến mạch vào nước tắm để giúp bớt ngứa, nhưng nó vón cục lại, không giống như dầu tắm sủi bọt này tí nào. Tôi ngâm người rất lâu trong nước, và khi các ngón tay của tôi đã sun hết cả lại và các bong bóng vỡ dần thành một lớp màng như xà phòng mỏng, tôi ra khỏi bồn và lau khô người. Tôi đánh răng, mặc váy ngủ rồi cố lùa chiếc lược chạy qua máy tóc ướt, nhưng giờ đây

nó còn rối rắm hơn trước. Tôi bỏ cuộc, ít ra thì nó cũng đã sạch sẽ rồi.

Roy và Ruby không ở quanh đó khi tôi ra khỏi phòng tắm, và tôi quá e dè không dám đi tìm hai người hoặc gọi tên họ lên, vì thế tôi quay lại phòng ngủ nhỏ, lôi từ trong balô ra cuốn sổ và cây bút. Tôi mang chúng lên chiếc giường gỗ và đặt trên mặt chăn. Đoạn tôi lật giở các trang cho đến khi tìm thấy danh sách “Những điều tôi không biết về Mẹ”.

*Soo*fla gì?

là tất cả những gì trong danh sách này. Tôi viết thêm vào phía dưới:

Vì sao chú Elliot biết từ của Mẹ?

Một mối đến độ không viết thêm được nữa, vì vậy tôi gấp cuốn sổ lại và nhét nó xuống dưới gối. Rồi tôi kéo chăn, trườn xuống giữa tấm khăn trải giường bằng vải lanh mịn man mát. Tôi tắt đèn và đã lơ mơ vào giấc ngủ thì có một tiếng gõ nhẹ nhẹ trên cửa phòng và một luồng ánh sáng nhạt hắt vào phòng. Ruby đứng ở ngưỡng cửa.

“Mọi thứ ổn cả chứ?” cô hỏi.

“Mmm-hmm,” tôi lẩm bẩm đáp, giọng ngái ngủ.

“Cần gì không? Uống nước nha? Hay lấy thêm chăn?” cô hỏi tiếp.

Điều tôi cần ngay bây giờ là cô bước vào phòng và ngồi bên mép giường, đọc truyện hoặc gãi lưng cho tôi hay trò chuyện với tôi như Bernie luôn làm vào giờ đi ngủ. Giấc ngủ trên xe buýt đến bất cứ lúc nào nó tới. Nhưng ở đây, nằm trong một chiếc giường thật sự như này trong một căn phòng thực sự, tôi muốn được ai đó chăm sóc giấc ngủ.

“Cháu ổn,” tôi đáp, và tự hỏi có nên tính đây là một lời nói dối hay không.

“Vậy thì tạm biệt,” Ruby bảo tôi. “Ngủ ngon nha.”

“Cô Ruby?” tôi gọi khi cô bắt đầu khép cửa.

“Có gì không, Heidi?”

“Những khăn trải giường ở đây cảm giác khác mấy cái ở nhà cháu. Cứng hơn.”

“Chúng được phơi khô tự nhiên đấy” cô đáp. “Ở phía sau nhà.”

“Chúng có mùi giống như... bầu trời,” tôi bảo.

“Cô chưa từng nghĩ tới việc gọi nó như vậy” Ruby đáp giọng nhỏ nhẹ. “Chúc ngủ ngon nha, Heidi.”

Đêm ấy tôi ngủ thiếp đi và nghĩ về tất cả mọi người trên thế giới. Mẹ và Bernie và mọi người khác ở

nhà, nhưng giờ đây tôi cũng biết Georgia, Roy, Ruby và Elliot. Những khuôn mặt bắt đầu lẫn lộn với nhau trong đầu tôi, xáo trộn như những viên kẹo đậu lộn xuống các góc trơn nhẵn của chiếc lọ thủy tinh. Ngay trước khi chìm sâu vào giấc ngủ, tôi trở mình; và khi cặp chân trần trượt xuống dưới tấm vải trải giường cứng cứng, tôi nghe giọng của Elliot gọi tôi. Soooooooooof.

Roy đến nói lời chúc ngủ ngon - tôi nghe tiếng chú nhưng tôi đã đi quá xa vào trong giấc ngủ không đáp lại lời chú được. Tôi đã đi theo tiếng gọi của Elliot vào trong giấc mơ đang đợi tôi ở phía bên kia. Tôi thấy chiếc đồng hồ của Thurman Hill. Ông đến phòng tôi, chìa một tay ra cho tôi, những ngón tay trắng bệch và lạnh lẽo nắm chặt một vật gì mà tôi không thể nhìn rõ. Ống tay áo của ông cuộn lên khi ông chìa tay ra, và tôi nhìn thấy cổ tay xương xẩu với chiếc đồng hồ vàng. Mặt đồng hồ màu xanh da trời, nhưng không có con số nào trên đó cả, chỉ có bốn chữ cái S-O-O-F - các chữ cái nằm ở vị trí mười hai giờ, ba giờ, sáu giờ và chín giờ.

“Cho cháu xem cái gì trong tay ông,” tôi nói.

Ông ta mỉm cười và lắc đầu. “Cháu sẽ không bao giờ biết được,” ông thì thầm đáp lại.

Đoạn, ông biến thành một con chim trắng khổng lồ với cặp mắt màu thủy tinh biển nhạt và vút bay ra ngoài cửa sổ.

Chương 17

Hôn

SÁNG HÔM SAU TÔI DẬY TRỄ. Khi tôi ra khỏi giường thì gần chín giờ, và điều đầu tiên tôi nghĩ tới là Elliot. Tôi muốn cho chú ấy xem các bức hình. Tôi đi thẳng xuống bếp mà không kịp thay đồ.

“Chú Roy đâu ạ?” tôi hỏi Ruby, cô đang đứng bên chậu rửa để rửa bát đĩa. “Chú ấy chưa đi lên Hilltop, phải không ạ?”

“Không, sáng nay chú ấy đi Monticello,” cô đáp. “Chú ấy có chút việc với lục sự quận. Cháu ngủ ngon chứ?” cô hỏi.

“Dạ say như con quay ạ,” tôi trả lời như cái máy.

“Cách diễn đạt ấn tượng nhỉ,” Ruby nhận xét. “Tại sao cháu có từ đó?”

“Cháu không biết - Bernie hay nói như thế lắm ạ.” Tôi đáp.

“Cô từng nghe nói ngủ say như chết, hay ngủ khिन khít như con nít, nhưng chưa nghe ngủ say như con quay bao giờ,” Ruby bảo.

“Sau khi ở Monticello chú Roy sẽ lên Hilltop chứ ạ?” tôi hỏi.

“Lát chú ấy sẽ gọi điện. Khi đó, chúng ta có thể hỏi xem sao,” cô đáp. “Muốn ăn chút bánh kếp không? Có sirô việt quất cô làm từ hồi hè đó.”

Tôi đói ngấu, và bánh kếp với sirô nghe thật hấp dẫn, nhưng tôi sẽ không xao lãng kế hoạch của mình.

“Hôm nay cô sẽ lên Hilltop làm việc chứ ạ? Cháu có thể đi cùng cô không? Cháu muốn cho chú Elliot xem mấy tấm hình của cháu,” tôi nói. “Cháu nghĩ có lẽ chú ấy có thể nhận ra Mẹ nếu chú ấy từng gặp bà.”

“Hôm nay cô nghỉ làm,” Ruby bảo tôi. “Cô nghĩ có lẽ chúng ta sẽ dành thời gian cùng nhau đấy.”

“Chú Elliot không nhớ cô sao?” tôi hỏi.

Tôi thích Ruby, nhưng tôi không muốn dành cả ngày ở đây với cô để đợi chú Roy. Tôi cần phải quay trở lên Hilltop. Tôi cần tới đó để chắc rằng có ai đó yêu cầu ông Thurman Hill giải thích vì sao Elliot biết từ của Mẹ.

“Cả năm nay cô chưa từng có ngày nào cho riêng mình cả,” Ruby nói. “Có rất nhiều người khác mà Elly quý mến. Có Sally này. Cô ấy hát, và giọng Sally hay hơn giọng cô rất nhiều. Và hôm nay cậu ấy có buổi vật lý trị liệu với Bruce. Cậu ấy cũng thích điều đó.”

“Nhưng cháu muốn cho chú ấy xem các bức hình,” tôi nhắc lại.

“Đưa cô xem cho,” cô bảo. “Hôm qua, cô mới chỉ xem có vài tấm. Thật ngạc nhiên khi nhìn thấy nơi đó đã thay đổi như thế nào. Và cô muốn nhìn lại mẹ cháu, và cả bà cháu nữa.”

“Cháu không biết có phải đó là bà cháu không,” tôi đáp. “Cô có nghĩ là chú Roy sẽ dừng ở đây trước và đón cháu cùng đi lên đó không? Hoặc cô có thể đưa cháu đi, cho dù cô không đi làm?”

“Heidi, cô rất tiếc, nhưng giờ đây, dù thích hay không cháu cũng bị kẹt ở đây với cô,” cô nói. “Thậm chí nếu cô muốn đưa cháu lên đó thì cô cũng không thể. Chúng ta chỉ có một chiếc xe và Roy đã dùng nó rồi.”

“Cháu có thể đi bộ chứ?” tôi hỏi.

“Quá xa để đi bộ. Gần mười dặm đó. Sao cháu không đi lấy mấy tấm hình và cô sẽ làm cho cháu một đĩa bánh kẹp nhĩ,” Ruby đề nghị.

Tôi thất vọng, nhưng tôi chẳng thể làm gì khác được. Tôi trở lại căn phòng ngủ nhỏ để thay đồ.

Khi mở vali ra, tôi ngạc nhiên nhận thấy nó trống trơn. Tôi nhìn quanh và tìm thấy mọi thứ đựng trong vali đã được lấy ra, giặt giũ, là ủi, gấp gọn ghẽ và xếp gọn gàng trong ngăn kéo trên cùng của chiếc tủ com-mốt nhỏ gần cửa ra vào. Những chiếc tất được cuộn chặt thành những quả bóng nhỏ, gợi cho tôi liên tưởng tới những con tatu^[12] mà Bernie và tôi từng nhìn thấy một lần trong cuốn sách về động vật mượn ở thư viện. Những chiếc áo sori và đồ lót được xếp ngăn nắp và quay về cùng một hướng. Nằm giữa các chồng đồ là

một trái bóng tròn nhỏ đầy những cục màu nâu. Nó có mùi gia vị, và khi nhìn kỹ, tôi thấy nó là một trái cam cắm đầy đinh hương.

Chiếc lọ kẹo và balô của tôi đang đặt trên giá phía dưới cửa sổ gần giường ngủ. Tôi lấy xấp hình ra khỏi balô và quay lại nhà bếp, nơi Ruby đang bận bịu với lò nướng, lật những chiếc bánh kếp.

“Cảm ơn cô đã giặt quần áo cho cháu,” tôi nói. “Chúng thơm lắm, và cháu thích cách cô gấp chúng quá đi mất.”

Ruby mỉm cười.

“Cháu biết không, chiếc giường cháu ngủ đêm qua là giường của cô khi cô còn bé đấy, Heidi ạ,” Judy bảo tôi trong lúc cô xấp đĩa ra bàn cho tôi. “Trước đây nó được sơn màu xanh da trời, và phía bên dưới cạnh giường bên phải là nơi cô hay dính kẹo cao su ở chỗ đó vào ban đêm.”

“Nó vẫn còn ở đó chứ ạ?” tôi hỏi khi ngồi xuống và kéo chiếc khăn ăn được gấp hình tam giác phía dưới chiếc nĩa tại vị trí của tôi.

“Nếu mà còn thì giờ đây nó là một món đồ cổ đáng giá đấy.” Cô cười phá lên.

Có một bình nước cam và một ly nước cam nhỏ với những con cá ngựa viền quanh miệng ly. Ruby mang một tách cà phê tới bàn và ngồi đối diện tôi.

“Cũng nên đền bù lại món bánh mặn chán ngắt hôm qua,” cô nói. “Mùa hè qua cô đã làm sirô đấy, tự cô hái quả đó nha.”

Tôi ấn chiếc nĩa xiên chéo xuống chõng bánh kếp. Sirô viết quất tràn ra các cạnh và tràn ra mép đĩa giống như một dòng sông xanh nhỏ xíu. Tôi cắn một miếng lớn, nhắm mắt lại, và thốt ra một tiếng thật to, bánh sao mà ngon thế.

Ruby quan sát tôi ăn, và khi tôi quệt bằng sạch chiếc đĩa, cô vươn người gõ gõ nhẹ ngón tay vào chiếc phong bì màu vàng đựng mấy tấm hình.

“Cháu cho cô xem nha?” cô đề nghị.

Tôi gật đầu và lấy khăn ăn lau miệng. Rồi tôi mở chiếc gói nhỏ mà tôi đã mở cả triệu lần trước đây và bắt đầu đưa mấy tấm hình sang bên kia bàn cho Ruby.

“Đây là tấm mà cô đã xem rồi, với mọi người đứng ở hàng hiên phía dưới tấm biển,” tôi nói. “Và đây là tấm chụp Mẹ cùng người phụ nữ mặc áo len dài tay màu đỏ mà có lẽ là bà cháu.”

Ruby cầm lấy tấm hình tôi đưa.

“Và đây là ông già Noel gầy gơ xương...” tôi dừng lại ở giữa câu. Ông già Noel với cánh tay quàng qua một cậu bé tóc tai bờm xờm. Bộ đồ đỏ không độn bông, rũ xuống lưng thùng quanh cái khung người cao gầy nhảnh của ông, hai ống tay áo quá ngắn khiến hai cổ tay gầy gơ xương chìa ra ngoài. Và chiếc đồng hồ của ông ta... đồng hồ của ông ta. Không nghi ngờ gì tôi đã mơ về nó vào đêm trước.

Giờ thì tôi biết ông già Noel này là ai rồi.

Chương 18

Tệ

LÚC MƯỜI GIỜ Roy gọi cho Ruby nói là chú đang trên đường về từ Monticello.

“Có tin mới đây,” tôi nghe Ruby nói với chú. “Ông Hill trong mấy tấm hình, Roy à. Và Elliot nữa. Hôm qua ông ấy đã xem các bức hình này, và ông ấy vẫn nói mẹ của Heidi chưa từng ở đây.”

Thurman Hill đã biết mẹ tôi. Giờ thì không còn nghi ngờ gì về điều đó nữa. Ông ta đã ở trong bữa tiệc với Mẹ và người phụ nữ mặc áo len dài tay màu đỏ. Người thì nói dối, nhưng các tấm hình thì không. Elliot cũng ở trong đó. Chú ấy là cậu bé tóc màu nâu quăn tít. Tôi biết có gì đó thật quen thuộc ở chú khi lần đầu tiên nhìn thấy chú ngủ trên ghế, nhưng chú đã cạo tóc, tôi không thể nhận ra chú là người trong bức hình.

Tôi bồn chồn đợi Roy quay về. Ruby giải thích với chú rằng tôi đang rất nóng lòng muốn quay lại Hilltop để gặp Elliot, và Roy bảo chúng tôi sẽ nói chuyện đó khi chú về tới nhà. Trong khi chờ đợi, Ruby và tôi xem lại các tấm hình lần nữa, từng tấm một, lấy ra các tấm có Elliot hay Thurman Hill hoặc Mẹ. Có vài tấm cả ba người này chụp chung với nhau.

“Cô chỉ không hiểu được,” hơn một lần Ruby nói như vậy. “Ông ấy là một người tốt, Heidi à. Tại sao ông ấy lại nói dối cháu chứ?”

“Cháu không biết nữa, nhưng rõ là ông ấy làm thế mà,” tôi đáp. “Ông ấy nói với cháu rằng mẹ cháu chưa từng ở đây, mà thực ra ông ấy biết rõ là bà ấy ở đây.”

“Hẳn phải có một lý do nào đó khiến ông ấy không nói ra sự thật,” Ruby bảo.

Tôi nghĩ đến danh sách của mình.

Đôi khi người ta nói dối vì sự thật quá nặng nề để thừa nhận nó

Khi Roy quay về, điều đầu tiên chú làm là hỏi xem các bức ảnh. Chúng tôi cho chú xem tất cả những tấm hình đã được lấy ra khỏi xấp.

“Rõ ràng là ông ấy,” Ruby nói. “Và Elliot. Nhìn tóc cậu ấy mà xem, Roy - nó quăn tít. Em chưa từng đoán ra điều đó.”

Roy gọi điện thoại, thế là tôi vào phòng dành cho mình để chuẩn bị lên đường. Tôi muốn mang theo cuốn sổ tay, phòng khi có những điều mới để bổ sung vào danh sách nói dối. Và tôi cũng muốn bắt đầu một danh sách các câu hỏi dành cho Thurman Hill. Tôi quyết định mặc chiếc áo len đỏ tới Hilltop, thế nên Thurman Hill không thể nói dối rằng nó không thực sự khớp với chiếc áo trong các bức hình được. Lúc tôi bắt đầu tìm kiếm chiếc áo len đỏ thì một chiếc xe hơi khởi động ở trước nhà và nghiêng sỏi lạo xạo trên con đường lái xe vào nhà. Tôi chạy ra phòng khách vừa lúc ngó ra cửa sổ và thấy Roy đang lái xe đi.

“Chú ấy đang đi đâu thế ạ?” tôi hỏi giọng lo lắng. “Chú ấy chỉ quay đầu xe thôi, phải không?”

“Không, chú ấy đang lên Hilltop,” cô đáp lời tôi. “Ông Hill gọi điện nói rằng ông ấy đang đợi cùng luật sư của mình.”

“Nhưng cháu cũng muốn đi mà,” tôi bảo. “Chú Roy biết là cháu muốn cho chú Elliot xem mấy bức hình mà.”

“Roy mang mấy bức hình đi rồi,” Ruby nói.

Tôi thực sự bức tức.

“Các bức hình của cháu ư? Chú ấy lấy mấy bức hình của cháu ư?” tôi hỏi.

“Chỉ những bức mà chúng ta xếp riêng ra thôi,” cô nói. “Những tấm còn lại vẫn nằm ở đây.”

“Chú ấy không nên làm thế. Chú ấy không nên lấy những tấm hình của cháu mà không hỏi một tiếng nào,” tôi bảo. “Và chú ấy không nên đi mà không cho cháu đi cùng. Chú ấy biết là cháu muốn đi mà. Chú ấy nói là cháu có thể đi mà.”

“Không, chú ấy không nói thế. Chú ấy nói chúng ta sẽ nói về chuyện đó,” Ruby đáp.

“Ừm, chúng ta đâu đã nói về chuyện đó. Và giờ thì chú ấy đi mất rồi.”

“Chú ấy nghĩ cách này sẽ tốt hơn cả,” Ruby bảo. “Tốt hơn là để người lớn giải quyết mọi chuyện.”

“Người lớn toàn những kẻ dối trá!” tôi quát lên.

“Chú ấy hứa là sẽ gọi điện mà,” Ruby nói.

Tôi sẽ không ngồi loay quanh đây để đợi điện thoại reo đâu. Tôi phải tới đó khi sự thật về Mẹ rốt cuộc đã hé lộ. Đó là một ngày bên ngoài trời thật lạnh lẽo, và gió uốn cong cây cối trong vườn như những chiếc ống của máy hút bụi khổng lồ màu xám. Tôi chạy vào trong phòng ngủ nhỏ để lấy chiếc áo len đỏ. Tôi sẽ phải giữ ấm cho chặng đi bộ dài tới Hilltop.

Tôi khá chắc rằng Ruby không cất chiếc áo len chung với những quần áo khác trong ngăn kéo thơm tho trên cùng, thế là tôi mở ngăn kéo thứ hai kể từ trên xuống. Trong đó đầy những thứ quần áo bé tí hon -những chiếc sơ mi và quần áo ngủ được đính dải ruy băng và in các họa tiết những chú cừu, mèo con và vịt, phần lớn chúng vẫn trong bọc hoặc còn đính nhãn. Tôi không nghe thấy tiếng Ruby bước vào phòng.

“Mấy thứ này thuộc về những đứa bé đã mất của cô,” cô bảo tôi. “Ba đứa tất cả.” Cô dựa vào cửa quan sát tôi, và nếu Bernie có ở đây, tôi biết bác sẽ nói rằng mắt của Ruby kể lên toàn bộ câu chuyện. Tôi vội vã đóng ngăn kéo lại, nhưng đã quá muộn - nỗi buồn bị nhốt giữa những lớp vải cotton mềm mại màu nhạt này đã thoát ra ngoài và giờ đây treo lơ lửng trong không trung như một đám sương mù ẩm ướt lạnh giá. Mọi thứ chùng xuống khi đám sương mù cuộn xoáy xung quanh hai chúng tôi đang cùng nhau đứng trong căn phòng ngủ nhỏ.

“Cháu xin lỗi cô Ruby. Cháu không có ý định mở nó,” tôi nói. “Cháu đang tìm chiếc áo len của cháu.”

“Đêm qua cô giặt nó rồi. Nó đang phơi trên giá phơi đồ ở ngoài hiên,” cô đáp. “Mà có lẽ cô nên bỏ hết đồ ra khỏi cái ngăn kéo đó.”

Tôi có thể thấy màn sương u buồn mà tôi vừa làm cho nó thoát ra đã vây bọc thật chặt quanh Ruby. Tôi muốn nói với cô rằng tôi lấy làm tiếc vì cô đã mất những đứa bé ấy, xin lỗi vì tôi đã khiến cô nhớ đến điều này. Thay vào đó, tôi mời cô một thứ mà tôi nghĩ nó có thể khiến cô thấy khá hơn.

“Lúc mới đầu có một ngàn năm trăm hai mươi bảy viên trong này. Cháu đã ăn vài viên vào hôm qua, vì thế cháu không biết chính xác còn bao nhiêu nữa. Nhưng cô có thể dùng số còn lại,” tôi nói trong khi bước tới và nhắc chiếc lọ thủy tinh nặng trĩu kẹo đậu khô giá để đổ.

Ruby quệt mu bàn tay ngang qua đôi mắt và nở nụ cười buồn buồn.

“Thật là hấp dẫn,” cô bảo. “Mà cháu lấy đâu ra thứ này?”

“Cháu đã thắng được chúng đấy,” tôi đáp. “Với một lời đoán may mắn.”

“Cô tin,” cô nói.

Cô ngồi xuống mép giường, và tôi ngồi cạnh cô với chiếc lọ trong lòng.

“Một ngàn năm trăm hai mươi bảy viên, phải không?” cô hỏi.

“Lúc đầu là vậy đó,” tôi trả lời.

Tôi nghiêng chiếc lọ sang một bên và ngắm nhìn những hạt kẹo đậu lăn trong lọ. Đỏ, xanh lá cây, hồng, chông chát lên nhau, rồi tách nhau ra, tạo thành những hình hoa văn lúc hợp lúc tan khi chúng chuyển động. Tôi nghiêng lọ sang một hướng khác, ngắm chúng di chuyển và một lần nữa bị xáo trộn. Tôi là một chiếc lọ bị nghiêng, nhưng tôi lại không thể điều khiển được tôi như tôi làm đối với lọ kẹo này; tất cả những gì tôi có thể làm là quan sát.

“Thật không công bằng,” tôi nói. “Chú ấy đã định đưa cháu đi cùng mà.”

“Cô biết, nhưng cuộc đời đôi khi đâu có công bằng, phải thế không?” Ruby nói.

Rồi điện thoại reo, và Ruby đi nghe máy. Khi cô quay lại, cô mang theo chiếc áo len dài tay màu đỏ của tôi.

“Cô nghĩ giờ nó đã khô rồi đấy. Này, mặc nó và chải tóc đi. Roy đang quay về đón cháu lên Hilltop đó.”

Chương 19

Không

DÙ TRỜI LẠNH BUỐT, tôi vẫn đợi Roy ở bên ngoài. Giờ đây khi biết chú đang về để đưa tôi lên Hilltop, tôi không thấy giận chú nữa. Tờ báo buổi sáng nằm ở hiên nhà, cuộn tròn cạnh tấm thảm chùi chân. Tôi cầm nó đến chỗ chiếc văng thế là tôi có thể đứng đưa và đọc để giết thời gian trong lúc đợi chú về. Tôi đã chải tóc theo lời Ruby, dù vẫn còn rất nhiều những nùi rối to tướng nằm giấu phía trong tóc.

Tôi nằm vào văng và mở tờ báo một cách ngẫu nhiên tới mục khoa học, có một bài báo khiến tôi chú ý. Bài báo nói về loài khủng long và không ai thực sự biết màu sắc của chúng như thế nào vì chúng ta không thể đoán dựa trên việc ngấm xương của chúng.

Ruby bước ra hiên và gọi tôi.

“Heidi! Có điện thoại của bác Bernadette này!” Tôi chạy vù vào trong nhà.

“Bác Bernie, cháu xin lỗi vì sáng nay không gọi cho bác. Cháu bận quá đi mất,” tôi nói. “Cháu định sẽ gọi cho bác sau.”

“Không sao, bé con,” bác nói. “Lý do bác gọi cháu là vì chúng ta cần nói về một chuyện quan trọng.”

Giọng bác nghe có vẻ nghiêm trọng.

“Chuyện gì thế ạ?” tôi hỏi.

“Giờ cháu phải về nhà,” bác nói. “Mẹ cháu và bác cần cháu về nhà.”

Trở về Reno không phải là điều tôi nghĩ tới lúc này. Chú Roy về ngay bây giờ để đón tôi lên- Hilltop. Tôi chắc chắn rằng chú đã tìm ra một điều quan trọng. Nếu không thì chú về đón tôi để làm gì cơ chứ?

“Cháu không thể về nhà, bác Bernie à, không phải lúc này. Cháu phải ở đây cho đến khi khám phá ra mọi chuyện. Chú Elliot nói ra cái từ của Mẹ, cháu đã kể cho bác chuyện ấy chưa nhỉ? Và cái ông già Noel đó chính là Thurman Hill. Chú Roy đang quay về đón cháu ngay giờ đây. Có chuyện lớn đang xảy ra, bác Bernie à. Cháu chỉ biết thế thôi.”

“Cháu cần về nhà, Heidi,” bác Bernie nhắc lại. “Ngay bây giờ.”

Đó là khi tôi nhìn ra cửa sổ và thấy xe hơi của chú Roy đang tiến vào đường lái xe vào nhà.

“Chú ấy về rồi, bác Bernie. Chú Roy ở đây rồi và cháu phải đi thôi. Cháu sẽ gọi cho bác sau và kể cho bác mọi chuyện,” tôi nói. Tôi không nhờ bác hôn Mẹ giúp tôi, hay thậm chí đợi nghe bác nói câu tạm biệt. Tôi gác máy, vẫy chào Ruby và chạy ào ra gặp chú Roy.

“Có gì trong đó vậy?” chú hỏi trong lúc tôi nhảy vào ghế trước và đóng cửa xe lại.

Tôi vẫn cầm tờ báo trong tay. Hẳn là tôi đã cầm nó theo lúc Ruby gọi tôi vào nghe điện thoại.

“Cháu đang đọc vài thứ về lũ khủng long,” tôi đáp.

“Thứ gì về chúng?” Roy hỏi.

“Té ra không ai biết khủng long có màu gì,” tôi trả lời.

“Chú cứ nghĩ chúng có màu xanh lá kia đấy,” chú bảo.

“Đó là điều mọi người nghĩ thế, nhưng không ai biết chắc cả vì ta không thể dựa vào xương của chúng mà biết được,” tôi nói. “Chú đã đưa các tấm hình của cháu cho vị luật sư đó ư?”

“Không,” Roy đáp. “Chú không đưa.”

“Tại sao không?” tôi hỏi, xoay người trong ghế để nhìn vào chú. “Đó là bằng chứng duy nhất mà chúng cháu có, cho thấy mẹ cháu từng ở Hilltop.” “Chuyện phức tạp đấy,” Roy nói.

“Cái gì phức tạp ạ?” tôi hỏi.

“Mọi chuyện, nhưng chú không muốn nói về nó chừng nào chưa tới đó,” Roy đáp.

“Tại sao không chứ? Tại sao chú không thể kể cho cháu những gì chú biết?” tôi hỏi.

“Đó thực sự không phải chuyện của chú để mà kể, Heidi à. Chúng ta gần tới nơi rồi - giờ tạm thời gác chuyện đó lại, được chứ?” chú bảo.

Tôi không hiểu, nhưng tôi có thể biết được rằng Roy sẽ không suy chuyển. Chúng tôi đi trong im lặng một lúc. Roy bật radio lên, và tôi dõi mắt ra ngoài cửa sổ, không nhìn cụ thể vào vật gì cả.

Chính Roy cuối cùng đã phá tan sự im lặng. Khi chúng tôi rẽ và bắt đầu leo lên con đường dốc đứng dẫn lên Hilltop, chú hỏi xem tôi có cho rằng vấn đề đó quan trọng hay không.

“Chuyện gì quan trọng ạ?”

“Màu của lũ khủng long là gì ấy,” chú nói.

“Cũng không không hẳn,” tôi bảo chú. “Cho dù màu của chúng là gì đi nữa thì chúng cũng vẫn bị tuyệt chủng, không phải thế sao?”

“Lập luận hay đó,” chú nhận xét.

“Nhưng điều đó không có nghĩa là cháu sẽ không tiếp tục muốn biết sự thật,” tôi bảo. “Chú cũng thế chứ?”

“Chắc chắn rồi, nhưng xem ra chúng ta sẽ không biết được.”

“Nếu ai đó rất muốn được biết, họ sẽ tìm được cách để luận ra thôi,” tôi đáp.

“Cháu nghĩ thế ư?”

Tin bác đi, Heidi, có vài thứ trong cuộc sống mà một người không thể biết được.

“Vâng,” tôi nói, giọng không thực sự tin tưởng cho lắm.

Roy tắt máy và với xuống ghế sau lấy chiếc mũ của chú. Chúng tôi cùng mở cửa xe. Khi chú đội mũ lên đầu và ra khỏi xe, chú ngửa đầu ra sau và nhìn lên bầu trời, tôi làm theo như vậy. Ánh mặt trời rực rỡ trên đầu và không có lấy chút gợn mây trong tầm mắt. Một bầy chim màu đen đang di chuyển trên bầu trời xanh biếc rộng mênh mông. Những bộ phận nhỏ tạo thành một tổng thể lớn. Tôi tự hỏi liệu

chúng biết rằng mỗi khi chúng nghiêng cánh, bay chậm lại hoặc tăng tốc lên có thể làm biến đổi hình dáng của toàn bộ đội hình không nhĩ.

Chúng tôi bước lên những bậc thềm, qua những chiếc ghế ngựa và những chậu hoa cảnh, nhưng ngay trước khi chúng tôi vào trong nhà, Roy dừng lại và đặt tay lên vai tôi.

“Heidi này,” chú nói, “vài chuyện trong số những gì chúng ta nói ở đây hôm nay có thể sẽ không dễ nghe đối với cháu đâu.”

“Chỉ có những gì không biết thì mới nặng nề đối với cháu thôi,” tôi đáp. “Cháu không quan tâm ai nói gì, trừ khi cuối cùng điều đó là sự thật.”

“Chúng ta sẽ bắt đầu với Diane DeMuth nhé?” ông Dietz hỏi.

Luật sư của Thurman Hill là một người thấp và hói đầu, có giọng nói nghe như ai đó đang xiết cổ ông ta mỗi khi ông ta mở miệng.

Chúng tôi ở góc phòng. Thurman Hill đang ngồi trên chiếc ghế đỏ, nơi lần đầu tiên tôi bất ngờ bắt gặp Elliot đang ngủ. Chiếc ghế giờ đây quay ngược khỏi khung cửa sổ, và ai đó đã mang vào ba chiếc ghế gỗ gấp cho những người còn lại trong số chúng tôi ngồi. Ông Dietz lấy từ trong túi áo ra một phong bì trắng, mở nó và lôi ra tờ giấy đã gấp lại.

“Theo như ghi chép của hạt, bà ta sinh ở đây, tại Liberty,” ông ta nói. “Không có ghi chép về lễ cưới, chỉ có ngày sinh đẻ. Một đứa bé gái, Sophia Lyme DeMuth, được Diane sinh ra tại Bệnh viện Liberty West, mười ba năm trước vào ngày hai mươi ba tháng mười một. Theo như ghi chép của bệnh viện, đứa trẻ ra đời với thương tổn đáng kể.” Đến đó ông ta ngừng nói, gấp các tờ giấy lại và nhét nó vào phong bì.

Một sự im lặng đầy khó chịu. Roy trở mình trong ghế và hắng giọng.

“Cháu không hiểu,” tôi nói. “Ai là Diane DeMuth và chuyện đó có liên quan gì đến mẹ cháu?”

“Chuyện đó phức tạp lắm,” Roy nhắc lại.

Ông Dietz gật đầu, quay sang Thurman Hill và hỏi: “Ông muốn tiếp tục như thế nào đây ạ?”

Ông ta không trả lời ngay. Thay vào đó, ông ngồi nhìn chăm chăm vào đôi tay mình, chúng đang nắm lại trong lòng ông. Cuối cùng sự im lặng đã làm tôi không chịu nổi.

“Ông đã nói dối về mẹ cháu,” tôi lên tiếng. “Bà ấy ở đây và ông biết điều đó. Tại sao ông không nói ra sự thật ngay đi chứ?”

Rồi Thurman Hill ngược nhìn lên. Tôi nghĩ ông sẽ nổi giận vì tôi đã kết tội ông nói dối. Tôi nghĩ rằng cặp mắt màu thủy tinh biển lóe lên những tia giận dữ chiếu thẳng vào tôi như chúng từng làm trước đây, nhưng thay vào đó tôi ngạc nhiên khi thấy chúng ầng ậng nước.

“Điều đó là sai,” ông ta nói. “Tôi muốn hai quý ông lui ra để tôi có thể nói chuyện riêng với cô bé.”

“Cháu không muốn ở một mình với ông,” tôi đáp. “Chú Roy à, chú đừng đi.”

Nhưng chú Roy và ông Dietz cùng đứng dậy.

“Cháu không muốn ở một mình với ông ấy đâu,” tôi nhắc lại. “Ông ấy nhằm cháu với một người nào đó.”

“Không, Heidi à,” ông Thurman Hill đáp, giờ đây ông nhìn thẳng vào tôi. “Ta biết chính xác cháu là ai.”

Chương 20

Uh-oh

“DIANE DEMUTH LÀ BÀ NGOẠI CHÁU, HEIDI A. Và con gái bà ấy, Sophia, là mẹ cháu,” ông Thurman Hill mở đầu.

Không đến hai mươi bốn giờ đồng hồ kể từ khi tôi đứng trước chiếc ghế đỏ này, nghe Elliot nói ra cái từ của Mẹ. Giờ đây tôi ở đó và một lần nữa đông cứng lại khi nghe tên Mẹ lần đầu tiên trong đời. Sophia.

“Khi Diane tới chỗ ta nhờ giúp đỡ, ta ước gì mình đã xua bà ta đi, gửi bà ấy tới Roscoe hoặc xa hơn về phía Bắc tới một cơ sở y tế do liên bang quản lý ở Syracuse. Thay vào đó ta lại để bà ấy thuyết phục ta chấp nhận Sophia như một trường hợp từ thiện ở Hilltop. Cô ấy ở đây không có sự hỗ trợ tiền bạc từ bà mẹ trong hơn một năm. Cô ấy rất hợp với nơi này. Cô ấy hạnh phúc, và có một người bạn tốt nhất. Elliot. Họ không tách rời nhau, Sophia và Elliot ấy. Và ta thật mừng cho Elliot, nó chưa từng có những người bạn thật sự, ta thật ngu xuẩn khi nhìn những gì diễn ra lúc đó. Khi Diana đến báo với ta cái tin rằng Sophia có bầu, thoát tiên ta không tin điều đó. Và khi bà ta quy cho Elliot là cha đứa bé, ta nghĩ điều đó không thể nào xảy ra được.” Ông ngưng lại trong chốc lát. “Họ chẳng khác nào hai đứa trẻ cả,” ông nói.

Tôi không nhìn vào ông khi ông nói. Thay vào đó, tôi gắn chặt mắt vào cái cây bên cạnh ghế ông ngồi, cái cây với những chiếc lá dài nhọn hoắt và những bông hoa nhỏ xíu tuyệt đẹp buông rủ xuống. Rồi tôi vươn người và túm lấy một bông hoa mỏng manh giữa những đầu ngón tay. Nó thật dễ bứt và rụng xuống, những cánh hoa loan xoăn rớt xuống tấm thảm như những giọt nước mắt nhỏ xíu màu trắng. Đó là nước mắt thật.

“Những cơ hội để Sophia và Elliot sinh ra một đứa trẻ bình thường hầu như không có,” ông nói tiếp. “Ta cảm thấy điều nên làm là chấm dứt cái thai ấy. Nhưng Diane từ chối. Bà nài nỉ rằng bà có thể tự mình nuôi đứa trẻ. Ta không muốn nuôi nấng thêm một đứa trẻ tật nguyền nào nữa, sau khi ta phải chứng kiến những gì Elliot đã trải qua. Diane nài xin ta, và khi không có kết quả, bà đe dọa tố cáo với nhà chức trách. Danh tiếng của Hilltop sẽ bị phá hủy. Ta sẽ mất tất cả.”

Thurman Hill ngồi ngả người về phía trước, và khi ông cử động, ánh nắng từ cửa sổ lớn phía sau ông lọt vào rọi lên mặt pha lê của chiếc đồng hồ ông đeo, tạo ra quầng sáng tròn nhỏ xíu nhảy múa trên bức tường đối diện.

“Và thế là ta cùng bà ấy đi đến một thỏa thuận,” ông nói tiếp. “Ta đưa cho Diane đủ tiền đưa Sophia đi để cô ấy sinh con, và ta đồng ý đưa thêm tiền hằng tháng để trang trải cho chi phí sinh hoạt của họ. Bà ta chọn địa điểm, Reno, và ta mở một tài khoản ở đó, thu xếp tiền nhà cùng các hóa đơn sinh hoạt cho Diane trực tiếp qua tài khoản đó, do vậy ta có thể nắm được các chi tiêu ra sao. Bà ta không liên lạc với ta, không liên lạc kể từ khi đứa bé ra đời, chưa một lần nào. Ta không biết bất cứ điều gì về cuộc sống của họ kể từ khi đó. Ta đã trả một gia tài nhỏ để không phải biết.”

Những lời hứa đã được thực thi và được trả phí.

“Ta biết rằng Elliot sẽ nhớ bạn của nó, nhưng ta nghĩ theo thời gian, giống như nhiều thứ khác, nó sẽ quên Sophia. Nếu ta biết được ta đã sai lầm về điều đó như thế nào, có lẽ ta đã thực hiện chuyện này khác đi. Elliot chẳng bao giờ còn như xưa sau khi Sophia rời đi. Nó khóc rất nhiều và động một tí là tự đập đầu mình. Và như thế điều đó chưa đủ khiến ta dày vò trong tội lỗi, mười ba năm qua, hằng ngày thỉnh thoảng nó lại gọi tên mẹ cháu. Nó chưa bao giờ quên cô ấy. Lỗi lầm lớn nhất của ta là đã nghĩ rằng tình yêu của Elliot không đủ sâu sắc vì con ta không có ngôn ngữ để diễn đạt điều đó.”

Lần đầu tiên kể từ khi ông bắt đầu nói, tôi ngược nhìn Thurman Hill, ông nội tôi. Có hai quầng thâm phía dưới mắt ông, như thể ông không ngủ ngon vào đêm trước, và ông đang chà xát những ngón

tay lên trán. Mắt của chúng tôi chạm nhau, và rồi tôi nhìn đi chỗ khác. Ông thờ dài và lại ngồi ngả vào lòng ghế.

“Mười ba năm qua Diane đã giữ đúng thỏa thuận, và trong khi Elliot tiếp tục giữ những ký ức của nó, ta thì đã gần như quên lãng. Bất ngờ ta bắt đầu nhận được những cuộc gọi từ ai đó từ Nevada tên là Bernadette. Ta nghĩ đó là Diane - ta chắc chắn về điều đó. Và khi cháu đến, ta hình dung ra rằng bà ta đã gửi cháu đến đây để cố bòn rút thêm tiền từ ta. Nhưng chẳng còn gì nữa. Chỉ có Hilltop, và khi ta đi, Hilltop là tất cả những gì mà ta để lại cho Elliot.”

Nói đến đó Thurman Hill ngừng lại và nhìn tôi.

“Cháu có câu hỏi nào không?” ông hỏi.

Tất cả sự thật này, đang đổ ập đến quanh tôi, xô vào tôi như những con sóng khổng lồ, bỏ mặc tôi ngồi giữa trận lụt mà không biết nói gì. Tôi có câu hỏi gì ư? Chỉ có một. Câu hỏi giống như tôi khi tôi bắt đầu với hành trình này.

“*Soof* là gì ạ?” tôi hỏi.

Ông mỉm cười buồn bã.

“Đó là biệt danh mà Elliot đặt cho mẹ cháu.” Ông nói. “Nó không phát âm được từ Sophia. Mẹ cháu cũng thế. Cô ấy tự gọi mình là...”

Tôi biết.

“So be it,” tôi đáp.

“So be it,” ông lặp lại. Và cách ông nói từ đó, nghe như ông thốt ra từ “Amen”.

Sau đó Thurman Hill yêu cầu chú Roy và ông Dietz quay lại, để giúp diễn và những ô trống cuối cùng.

Suốt những năm qua không có hóa đơn thuê nhà hay hóa đơn tiền điện nào hiển thị trong tài khoản ngân hàng tại Reno mà Thurman Hill đã tạo ra để thanh toán tự động.

“Vậy giờ bà ngoại cháu ở đâu?” tôi hỏi.

Cách mọi người nhìn nhau cho thấy rõ ràng họ không mong đợi câu hỏi đó.

“Ta rất tiếc, Heidi ạ, nhưng bà ấy đã chết,” ông bảo tôi. “Ta có nhờ vài người thân ở Monticello kiểm tra chéo thông tin ở Reno, và họ đã có một giấy chứng nhận đây.”

Giấy chứng tử mà chú Roy đã tìm thấy về Diane DeMuth ghi nguyên nhân cái chết là do tai nạn giao thông.

“Bà ấy bị xe buýt tông vào,” Roy bảo tôi.

“Xe buýt ạ?” tôi hỏi.

“Cái chết được xác nhận là trong thời gian trên đường chuyển tới bệnh viện County General ở Reno, Nevada.”

“Đó là vào tháng hai phải không ạ?” tôi hỏi.

“Đúng, ngày mười chín tháng hai.” Joy đáp.

Ngày mười chín tháng hai là ngày Bernadette đã tìm ra Mẹ đứng ở ngoài cửa nhà bác với tôi trong vòng tay bà.

Một cuốn phim cam phát trong đầu tôi. Mẹ và bà ngoại tôi, Diane DeMuth, đang đứng ở góc đường, đợi để đi qua phố. Chuyện gì đó xảy ra, Diane mất tập trung và bước khỏi lề đường quá sớm ngay khi chiếc xe buýt to lớn màu xanh-và-trắng lượn vòng qua góc đường. Chiếc váy của Mẹ bay tung lên và bà cố vịn nó xuống bằng một tay. Ai đó thét lên. Khi Mẹ nhìn lên, Diane đang nằm sòng soài trên phố. Mọi người từ tứ phía đổ xô tới tụ tập quanh bà, cố giúp đỡ. Người lái xe nhảy ra khỏi xe và lách qua đám đông, cúi xuống phía bà, nghe nhịp tim đập. Trong tình cảnh rối loạn ầy, không ai để ý tới người phụ nữ trẻ sợ hãi với đôi mắt xanh mở to tay ôm chặt đứa bé đang gào khóc vào ngực và hối hả xuống phố hướng về phía căn hộ trống.

“Xong, xong, xong, Heidi, suyt.”

Nhưng tất nhiên tôi chỉ đang giả định, vì rốt cuộc tôi đang bắt đầu hiểu rằng có vài thứ trong cuộc đời mà một con người không thể nào biết được.

Vào lúc hai giờ mười lăm phút, tôi gọi cho Bernadette. Một lúc lâu bác mới bắt máy, tới hơn mười lần chuông reo. Thoạt tiên tôi nghĩ có lẽ bác không ở nhà, nhưng rồi tôi nhận ra điều đó là không thể. Bernie luôn luôn ở nhà. Cuối cùng bác trả lời điện thoại, nhưng nghe

giọng bác thật buồn cười - có vẻ xa vời. Tôi nghĩ đường dây điện thoại kết nối không tốt.

“Bác có nghe thấy cháu nói không, bác Bernie?” tôi hỏi.

“Có, bác có thể nghe thấy cháu nói mà,” bác đáp. “Bác đang đợi điện thoại của cháu này giờ.”

“Cháu có rất nhiều chuyện để kể cho bác,” tôi nói. “Bác sẽ không tin được đâu. Mẹ cháu có ngày sinh, bác Bernie ạ, một người mẹ và một cái tên. Mẹ cháu có một cái tên đẹp tuyệt.”

“Không phải lúc này, bé con,” Bernie nói.

Đó hoàn toàn không phải điều tôi mong đợi được nghe thấy. Thông thường bác sẽ bắt đầu đặt ngay cho tôi những câu hỏi, háo hức nghe về những gì tôi đã khám phá ra. Nhưng bác lại hỏi tôi xem Ruby có đó không.

“Ruby ư?” tôi hỏi. “Không, cháu đang ở Hilltop, bác Bernie à. Cháu đi với chú Roy.”

“Vậy chúng ta sẽ nói chuyện sau nhé,” bác bảo. “Cháu sẽ gọi cho bác nhé.”

“Khoan đã, bác Bernie,” tôi nói. “Đừng gác máy. Cháu muốn kể cho bác nghe về Mẹ.” “Không phải lúc này, bé con. Cháu sẽ gọi cho bác nhé,” bác nói, và rồi bác gác máy.

Tôi đứng đó cầm ống nghe trong một lúc lâu, không biết chuyện gì đã xảy ra. Tại sao Bernie không muốn nói chuyện với tôi? Tại sao bác có vẻ lạ lùng đến thế? Có lẽ Mẹ đã khiến bác thức cả đêm hay có chuyện gì đó chẳng. Tôi bước qua phòng khách và ra hiên trước để hít thở làm đầu óc mình tỉnh táo. Mọi thứ vẫn còn quay cuồng ở trong đầu. Tôi cảm thấy chóng mặt.

Trời đủ lạnh để tôi nhìn thấy hơi thở của mình tỏa ra trên hiên, và tôi nhớ rằng ai đó đang đốt lá khô ở gần đó. Tôi ngược lên để nhìn xem có bầy chim nào nữa không, nhưng bầu trời hoàn toàn trống trải. Tôi nghe tiếng xe hơi đang lái lên lối vào nhà. Đó là một chiếc xe taxi, và tôi ngạc nhiên khi thấy Ruby ngồi ở ghế sau.

Tôi đứng lên và quan sát Ruby từ cửa sổ trong lúc cô trả tiền cho tài xế. Cô bước ra và sập cửa xe lại, nhưng giờ đây khi tôi nghĩ lại,

thật là là tôi không nhớ nó phát ra âm thanh. Cứ như thể thế giới đột ngột vặn nhỏ âm lượng xuống. Gió giật từng cơn và thổi tung món tóc ngang qua khuôn mặt Ruby. Nó mắc vào giữa làn môi cô và cô gạt nó đi, giắt nó vào vành tai.

Cô không nói lời chào, cô chỉ vội vã bước tới chỗ tôi đang đứng và quàng hai cánh tay quanh tôi, và bỗng nhiên tôi hiểu ra. Cái làn sương u buồn mà tôi đã thả nó từ trong ngăn kéo ra không hề bám theo Ruby. Nó bám theo tôi. Khi nó lùa những ngón tay băng giá vào trong tôi và bọc nó xung quanh trái tim tôi, là lúc Ruby thì thầm nhỏ:

“Tội nghiệp. Tội nghiệp quá.”

Chương 21

Ôi

CHO DÙ BÀ NGOẠI và mẹ tôi mất cách nhau gần mười ba năm, nhưng tôi có cảm giác như tôi mất cả hai vào cùng một ngày.

Sau khi Ruby ôm lấy tôi, cô đưa tôi vào nhà. Bernie đã gọi cho cô và đề nghị cô ở bên tôi khi tôi nghe tin về Mẹ. Cô quay điện thoại cho tôi, tôi đưa ống nghe lên tai và lắng nghe.

“Mẹ con đã đi ngủ, bé con ạ. Bác đã nghĩ rằng cô ấy chỉ đang ngủ vì cơn đau đầu khủng khiếp đó. Cơn đau đầu mà bác đã kể cho con là nó vô cùng tệ hại. Nhưng sau một lúc không thấy mẹ con dậy, bác đến kiểm tra và cô ấy đã...” “Chết ư? Mẹ chết rồi ư?”

Ngay khi thốt lên câu đó, tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi muốn lộn hết những thứ bên trong mình ra ngoài, rũ bỏ sạch những cảm giác ngột ngạt như kiến bò. Tất cả là lỗi của tôi. Tôi quá thiết tha với những gì đang xảy đến với mình, nên thậm chí không thêm hỏi thăm Mẹ vào lúc sáng nay. Bernadette đã biết là tình hình của mẹ đang xấu đi.

Mẹ cháu và bác cần cháu về nhà.

Nhưng tôi đã chẳng thêm nghe.

Bernie cố gắng an ủi tôi. Bác nói rằng dẫu sao thì tôi cũng không thể về nhà kịp để nói lời vĩnh biệt Mẹ. Ruby ôm tôi và vỗ vỗ nhẹ vào lưng tôi, còn chú Roy vòng hai cánh tay to lớn mạnh mẽ của chú qua hai chúng tôi như sợi dây buộc quanh một gói hành lý.

Chúng tôi lái xe về nhà, Ruby đưa tôi đi tắm và đưa tôi vào giường cho dù trời đang là buổi chiều. Cô mang cho tôi bát súp, nhưng tôi không thể nuốt được, và ngồi cạnh tôi cho đến khi cuối cùng tôi cố chìm vào giấc ngủ. Khi tôi tỉnh giấc thì trời đã tối, và ngôi nhà chìm trong bầu không khí tĩnh lặng. Tôi nằm đó một lúc lâu, cố

không nghĩ ngợi, cố không dả động đến cảm giác trong mình. Tôi ước gì rũ sạch được chúng. Tôi nhắm mắt và kéo gối phủ lên đầu. Thứ gì đó lạnh lẽo và mềm mại chạm vào má tôi, và tôi nhận ra đó là cuốn sổ ghi chép mà tôi đặt ở dưới gối vào đêm trước.

Tôi ngồi dậy và bật đèn lên. Sao tôi từng nghĩ nó vô cùng quan trọng cơ chứ? Quan trọng đến mức phải cất công đi tìm hiểu. Giờ thì chẳng gì trong sổ đó quan trọng cả. Sự hiểu biết không thay đổi được bản chất sự việc. Tôi xé từng trang một của cuốn sổ, vò nhàu chúng và ném ra sàn nhà cho đến khi không còn gì giữa hai tấm bìa màu đỏ.

Tôi tắt đèn và nằm xuống với hai cánh tay ôm chặt lấy ngực. Ôm lấy bản thân mình như thế, tôi khẽ đung đưa. “Xong xong, xong,” tôi thì thào giữa lúc làn sương ẩm ướt lạnh giá xoáy tròn xung quanh tôi trong bóng tối. “Xong, xong, xong, Heidi. Suyt...”

Chương 22

Xong

“TỐI NAY ĐỪNG VỀ TRỄ NHA, Roy. Em đang làm món thịt om đấy,” Ruby gọi to từ hàng hiên.

“Thịt om ư? Thật tuyệt. Lâu lắm rồi em chưa làm món này nhỉ,” Roy nói to đáp lại.

“Tiếc là không có gì ngoài xương và da cả,” Ruby đáp.

“Ồ, món thịt om là để thết đãi Heidi phải không? Nếu đêm nay chỉ có anh thôi thì có lẽ chúng ta sẽ chén mỗi món bánh PopTarts trong lúc xem tivi cũng nên,” Roy bảo.

“Em chưa bao giờ để anh ăn Pop-Tards vào bữa tối cả và anh biết điều đó mà, Roy Franklin. Giờ thì ra khỏi đây trước khi em đổi ý chẳng thềm nấu cho anh ăn nữa đó.”

Roy bỏ mũ, cúi đầu và bước vào trong xe hơi. Chú quay xe, khi lái xe ngang qua tôi, chú hạ cửa kính xuống và nói to: “Cháu không biết sống là thế nào cho đến khi được thưởng thức món thịt om của Ruby đâu đấy, Heidi ạ.”

Họ đang cố tạo ra một sự bình thường, nhưng chẳng còn gì bình thường nữa. Tôi ra chỗ cái vũng, nơi nhiều ngày trời tôi nằm trên đó, cuộn mình trong chăn bông cùng chiếc váy ngủ và đôi tất len dày. Thịnh thoảng Ruby ra ngoài và ngồi bên tôi trong một chiếc ghế, nhưng chúng tôi không trò chuyện cùng nhau. Tôi không có gì để nói cả. Bernie gọi điện liên tục, nhưng tôi cũng chẳng muốn nói chuyện với bác. Tôi biết bắc và chú Roy đang cố hình dung xem phải làm gì với Mẹ và đám tang, nhưng tôi thực sự không muốn nghe về điều đó.

Một lúc sau Ruby ra khỏi nhà mang theo một chồng báo trên tay. Cô kéo ghế đến cạnh chiếc vũng, nhưng tôi quay mặt đi chỗ khác.

“Cô biết là cháu không muốn nghĩ tới điều đó, Heidi ạ, nhưng chúng ta phải nói chuyện về ngày mai. Chú Roy đang xuống sân bay Sullivan County chiều nay để đặt một chiếc quan tài. Có vài điều quan trọng chúng ta cần quyết định đấy” Tôi rút một chân ra khỏi đám chăn bông nhùng và thả xuống mép võng, như vậy tôi có thể đẩy xuống đất và đứng đưa võng.

“Cô đang nghĩ có thể cháu muốn cô cắt tóc cho cháu,” cô bảo.

Tôi móc chân vào chân ghế của cô để dừng võng lại.

“Tại sao cô muốn cắt tóc cho cháu ạ?” tôi hỏi.

“Cô nghĩ có lẽ cháu muốn sửa sang đôi chút cho ngày mai trước buổi lễ,” cô đáp.

“Lễ nào cơ?” tôi hỏi.

“Mục sư từ nhà thờ Methodist sẽ nói vài lời,” cô bảo tôi.

“Ông ấy sẽ nói gì cơ? Ông ấy đâu biết về Mẹ chứ,” tôi bảo.

“Phải có ai đó nói vài lời chứ, Heidi,” cô nói.

Chú Roy nói với tôi rằng chú và Bernie đã thảo luận và bác quyết định rằng tốt hơn cả cho Mẹ là được an táng tại Liberty, nơi bà được sinh ra và lớn lên. Họ cũng nói về chuyện chôn cất mẹ ở Reno, cạnh mẹ của Mẹ. Roy đã gọi vài cuộc điện thoại và tìm ra Diane DeMuth được chôn trong một nghĩa trang của những ngôi mộ vô chủ ở phía Tây thị trấn, nhưng cuối cùng Bernie nghĩ rằng Liberty là địa điểm tốt hơn cho Mẹ. Tất nhiên mọi người có hỏi tôi xem tôi nghĩ gì, nhưng tôi bảo với họ rằng tôi không quan tâm.

“Cô muốn cháu xem những cuốn tạp chí này” Ruby nói, “chỉ để cho cháu vài ý tưởng thôi. Cô khá giỏi vụ cắt tóc đấy. Cô cắt tóc cho Roy và cả vài người hàng xóm nữa.”

Cô để những cuốn tạp chí ở trên ghế và vào nhà. Một lúc sau, tôi thò tay ra và kéo chúng vào lòng mình. Trên từng tấm bìa là những phụ nữ xinh đẹp khác nhau với môi đỏ mọng, mái tóc óng mượt và răng trắng bóng, tinh tươm và hoàn hảo, họ làm tôi nhớ tới những viên kẹo cao su Chicklets.

Tôi không thể tin được rằng có cơ man nào là kiểu tóc cho một con người. Những trang tạp chí đầy những từ ngữ như vuốt ngược,

tóc rũ, gió thổi tốc, và rất nhiều kiểu tự nhiên. Chẳng phải tự nhiên nhất là không cắt tí tóc nào đi ư? Tôi tự hỏi.

Tôi thu cái kén chặn quanh người, bước vào trong nhà, đi qua phòng khách và vào phòng tắm. Tôi mở hộp đựng thuốc và tìm thấy thứ mà mình đang tìm kiếm. Một chiếc kéo cắt móng bằng bạc. Đứng trước gương, tôi bắt đầu cắt những nùi rối trong tóc mình, thoát đầu tôi thao tác cẩn thận, và sau đó với những chuyển động cắt đầy giận dữ khiến bản thân đau đớn cùng những cú kéo giật liên hồi, lần đầu tiên kể từ khi Mẹ mất tôi bắt đầu bật khóc.

Ruby nghe thấy tiếng tôi vội bước vào và giật lấy chiếc kéo trong tay tôi. Cô ôm lấy tôi trong khi tôi nức nở, và khi tôi đã dịu đi, cô đắp khăn mặt mát vào mặt tôi. Rồi cô xả nước ấm vào chậu và nhẹ nhàng gội đầu cho tôi. Sau đó tôi theo cô vào bếp, vẫn quấn mình trong chăn, và ngồi trên chiếc ghế đẩu cao tại bếp trong khi cô cắt tóc cho tôi.

Ruby mở radio và lầm nhảm hát theo một bản nhạc trong lúc cô thao tác, quay đầu tôi từ bên này bên kia, chỉnh cằm tôi để chắc chắn là đầu đã ở vị trí cân đối. Khi cô cắt xong, cô làm khô tóc bằng máy sấy tóc và một chiếc bàn chải tóc lớn; rồi cô thổi vào mặt và cổ tôi để loại bỏ vụn tóc có thể còn dính trên da.

“Cháu có muốn nhìn không?” cô hỏi tôi.

Tôi kéo chiếc chăn chặt hơn quanh người và bắt đầu đứng lên. Một dòng thác những món tóc quăn và tóc nhỏ xíu màu nâu rơi ào vào không khí và rớt xuống sàn.

“Bỏ cái chăn ở đây đi, Heidi. Nó dính toàn tóc rồi,” Ruby nói. “Không nên kéo nó đi quanh nhà. Cô sẽ quét dọn ở chỗ này sau.”

Tôi miễn cưỡng buông rơi chiếc chăn, và Ruby đưa tôi quay vào phòng tắm, cô đứng sau tôi, những ngón tay cô xới nhẹ tóc tôi trong khi tôi nhìn mình trong gương. Tôi không còn là tôi nữa. Tôi là một cô bé khác. Một cô bé với mái tóc ngắn màu nâu loan xoăn. Một cô gái với mái tóc mới và giờ đây cũng không còn mẹ nữa.

“Cháu nghĩ sao?” Ruby hỏi.

“Cháu không biết,” tôi đáp.

“Không sao đâu,” cô bảo tôi. “Cháu không cần phải biết đâu.”

Chương 23

So Be It

CHÚNG TÔI CHÔN CẤT MẸ vào ngày hôm sau ở một nghĩa trang nhỏ gần một vườn táo, chỉ cách Hilltop khoảng một dặm. Roy và Ruby đến dự, cả ông Thurman Hill nữa, dù ông đứng tách khỏi chúng tôi, phía cánh cổng nơi chúng tôi đã bước qua đó. Tôi đã nói với Bernie qua điện thoại vào đêm hôm trước và bảo bác rằng tôi không muốn mục sư phát biểu trong lễ tang của Mẹ.

“Cháu nghĩ cháu nên làm việc đó,” tôi nói.

Bernie cố gắng giúp tôi chuẩn bị những từ ngữ phù hợp để nói.

“Khi một người ra đi, chúng ta thường nói về những điều chúng ta mất mát khi thiếu người đó,” bác nói, “hoặc những điều quan trọng mà người đó đã làm khi họ còn sống.”

“Nói để mọi người biết người ấy là ai phải không ạ?” tôi hỏi.

“Chính xác,” Bernie đáp. “Nói cho mọi người biết người ấy là ai.”

Đêm đó, sau khi Bernie và tôi gác máy, tôi lấy ra một miếng giấy hình vuông từ trong tập giấy viết cạnh chiếc điện thoại và làm một danh sách. Tôi định đọc nó lên vào ngày hôm sau ở đám tang của Mẹ.

“Cô có nhớ mang nó theo không?” tôi hỏi Ruby khi chúng tôi bước đi trên cỏ ướt tiến về phía quan tài của mẹ đặt ở cạnh một đồng đất mới đào màu nâu.

“Có, cháu yêu quý ạ, cô mang nó theo đây,” cô đáp, vỗ vỗ vào chiếc túi xách tay nhỏ của mình.

Chúng tôi đứng đó khoảng một phút trong im lặng, và rồi tôi mở miếng giấy hình vuông mà tôi đã nắm chặt nó trong tay từ khi rời nhà tới đây.

BA LA AI

Sophia Lynne Demuth

So B. It

Cưng yêu quý

Mẹ

Soof

Tôi đã định đọc danh sách này lên và không nói gì thêm nữa. Nhưng khi tôi nhìn những từ về Mẹ viết ở dòng cuối cùng, bỗng nhiên có thứ gì đó bật mở ra trong tôi như một chiếc chìa khóa. Tôi nhìn về phía ông Thurman Hill, đang đứng lặng lẽ bên cánh cổng, đôi bàn tay của ông lút sâu trong túi áo, cặp mắt nhìn xuống phía dưới.

“Cháu luôn biết rằng Mẹ yêu thương cháu,” tôi cất lời. “Cháu nghĩ rằng chỉ có điều bà không có từ ngữ để diễn tả điều đó. Nhưng cháu đã nhầm. Bà có từ để diễn tả về tình yêu - song nó khác với từ mà những người khác đang sử dụng. Chúng ta có những cái tên cho Mẹ - Cô em yêu dấu, Sophia Lynne Demuth, Mẹ - nhưng bà không tự gọi mình bằng bất cứ tên nào trong số đó. Bà tự gọi mình là So B. It, cho dù không ai gọi bà bằng cái tên đó; song bà vẫn là người mang cái tên như vậy. Từ lâu lắm rồi, có người gọi yêu Mẹ và đã gọi bà bằng cái tên *Soof*. Nhưng khi bà nói từ đó ra, bà không nói về bản thân mình. *Soof* không phải là tên của Mẹ; *soof* là tên của Mẹ dành cho tình yêu.”

Rồi đã đến lúc để hạ Mẹ xuống lòng đất. Ruby mở túi xách tay ra và đưa cho tôi một gói nhỏ bọc bằng khăn giấy. Bernie gửi nó từ Reno tới, và tôi đã nhờ Ruby mang nó theo cho tôi, giữ cho nó được an toàn. Mở những lớp giấy gói ra, tôi nhẹ nhàng đặt chiếc chén màu trắng với vành miệng viền vàng lên trên nắp quan tài. Bên cạnh đó tôi đặt một hộp Juicyfruits lớn mà tôi đã yêu cầu chú Roy dừng xe lại ở nhà ga để mua trong lúc trên đường đến đây. Hộp kẹo đã được mở, vì tôi đã lấy ra khỏi hộp tất cả những chiếc kẹo màu xanh lá cây và ném chúng đi.

Tôi nhắm mắt và nghĩ về Mẹ. Về ánh mắt của bà khi mẹ con tôi nhìn nhau lần cuối cùng. Vươn người ra cửa sổ cùng với Bernadette, vẫy chào tạm biệt tôi khi tôi chuẩn bị lên đường.

“Trà, Heidi?” tôi nghe giọng Mẹ vang lên trong đầu mình.

“Vâng, Mẹ à. Trà.” Tôi đáp.

Rồi tôi ngồi cạnh Mẹ bên chiếc ghế dài lần cuối cùng và nhắm nháp vị ngọt ngào của ly trà sữa nóng. Tôi ngắm nhìn nụ cười của Mẹ. Tôi cảm thấy bàn tay Mẹ vỗ vỗ lên đầu gối mình. Tôi nhìn vào đôi mắt xanh nhạt mở to của bà.

“Về sớm, Heidi?” bà nói. “Về sớm?”

“Tạm biệt Mẹ,” tôi thì thào.

Đêm đó, tôi đang ngồi với Roy và Ruby ở phòng khách nhà họ, vẫn mặc chiếc áo mà tôi đã mặc khi đi đưa tang Mẹ. Ruby đã bày ra những đĩa thịt om còn dư, nhưng dường như không ai thực sự đói cả.

“Anh chỉ không quen được với kiểu tóc đó,” Roy nói, đưa mắt nhìn tôi. “Con bé trông già đi nhiều quá, phải thế không, Rube?”

Chú đã nói điều này ba lần trước đó rồi, ngay khi chúng tôi ngồi xuống bàn. Tôi nghĩ tất cả chúng tôi đều biết rằng có việc mà chúng tôi cần phải bàn đến. “Cô chú đang nghĩ có lẽ cháu thích ở đây với cô chú một thời gian,” Ruby nói. “Cháu có thể nhập học vào trường trung học cơ sở ở thị trấn và ở ngay tại đây với cô chú.”

“Một cơ hội để gặp Elliot... và ông nội cháu,” Roy nói.

“Cô chú có thể sơn phòng cho cháu. Dán giấy dán tường cho phòng. Bất cứ cách nào cháu muốn,” Ruby bảo.

Tôi nhìn hai người đang ngồi cạnh nhau trên ghế dài và nghĩ về trò chơi Trí nhớ. Tôi ước các luật chơi có thể khác, rằng có thêm một sự kết hợp nữa cho từng tấm thẻ. Nhưng Ruby đã đúng - đôi khi cuộc đời không có chuyện công bằng.

Vài ngày trước, chúng tôi dừng ở Hilltop trên đường ra sân bay. Tôi đứng với Elliot trong phòng giải trí trước chiếc lò sưởi lớn, như vậy Ruby có thể chụp hình chúng tôi để tôi mang về cho Bernie xem. Lúc đó chú không gọi tôi là *soof*. Có lẽ với mái tóc cắt ngắn tôi trông không còn giống Mẹ nữa. Ông Thurman Hill ngồi ở ngoài cho tới khi chúng tôi chuẩn bị rời đi. Rồi ông bước tới và trao cho tôi một phong bì.

“Đây là tất cả những gì trong hồ sơ của mẹ cháu. Ông cũng kẹp vào cả vài bức ảnh nữa, từ năm mà cô ấy ở đây với chúng ta, và ảnh của mọi người khác trong...” ông lưỡng lự trước khi nói tiếp “gia đình. Ông nghĩ cháu sẽ nhận thấy mình giống bà nội quá cố của cháu. Bà là một phụ nữ đáng yêu, mẹ của Elliot ấy.” Tôi có thể nhận thấy thật không dễ dàng cho ông khi nói với tôi những điều như thế. Rốt cuộc, ông đã phải trả một gia tài nhỏ để không biết ngay cả về sự tồn tại của tôi. Trước khi tôi đi, ông nói một điều với tôi.

“Ông biết có lẽ thật là không thể sau tất cả những chuyện đã xảy ra, nhưng một ngày nào đó ông sẽ muốn được biết về cháu.”

Sau đó tôi đã mừng vì mình không nói câu nói chực bật ngay ra trên đầu lưỡi: “Có một số thứ trong cuộc sống mà một con người không thể nào biết được.”

ooo

Có rất nhiều điều thay đổi sau khi Mẹ qua đời. Thoạt tiên, tôi luôn trong tình trạng sầu não, nhưng Bernie nói tôi hãy cảm nhận bất cứ điều gì tôi cảm thấy cho tới khi tôi kết thúc cảm giác về nó, và mặc dù tôi vẫn chưa vượt qua được trạng thái đó, sau một thời gian tôi đã thấy ổn hơn nhiều. Ruby và Roy đã gieo một ý tưởng vào đầu tôi, và tôi đã ghi danh vào trường trung học cơ sở ở Reno, nơi mọi người gọi tôi với cái tên Heidi DeMuth. Zander và tôi vẫn la cà với nhau vào các buổi chiều và chúng tôi thay phiên nhau trông trẻ cho cặp sinh đôi nhà Chudacoff. Bernie bỏ uống cà phê, vì bác đọc ở đâu đó rằng cà phê khiến cho những người lo âu càng thêm lo âu, và bác cũng quyết định thử học nấu ăn.

Một điều khác thật sự khác biệt đó là sau khi tôi từ Liberty trở về, vận may của tôi đến hồi kết thúc, ít nhất là trong trò cờ bạc. Thịnh thoảng, Bernadette tung đồng xu để tôi đoán, nhưng tôi chỉ đoán đúng tương đương với số lần mà một người bình thường có thể đoán được.

Tôi đã quay lại thăm Liberty. Lần đầu tiên là vào mùa thu sau khi Mẹ mất, chúng tôi đặt một hòn đá lên mộ của bà. Đó là một viên đá cẩm thạch màu hồng với một danh sách các tên của Mẹ được khắc

trên đó theo lối chữ thảo. Tấm bia đó, và một danh sách chúng tôi đã gắn vào trong tủ bếp ở căn hộ tại Reno, là những danh sách còn lại của đời tôi vào thời gian đó.

Bụng của Ruby đã lùm lùm như trái bóng rổ vào mùa thu năm ấy. Vài tháng sau cô sinh con. Một bé gái xinh xắn được hai vợ chồng đặt tên là Aurora theo gợi ý của tôi.

“Cô chú đã từng thôi hy vọng sẽ có được một gia đình,” Roy nói với tôi khi chú gọi điện từ bệnh viện vào ngày cô sinh con. “Ruby tin rằng cháu đã chuyển sự may mắn của cháu sang cô ấy, cháu biết đấy.”

Tôi hy vọng cô nói đúng.

Tôi không nhìn thấy Elliot hay ông nội tôi vào lần đầu tiên tôi quay trở lại. Chú Roy đề nghị lái xe đưa tôi lên Hilltop, nhưng tôi chưa sẵn sàng cho chuyện đó. Chuyện này sẽ mất một thời gian.

Vài ngày sau khi tôi về nhà, trong lúc xếp hàng đợi tính tiền ở Double D tại Reno thì tôi phát hiện ra một hộp Jujufruits ở trong một giá để kẹo và ném nó vào quầy tính tiền. Sau đó, khi ở trong căn hộ, tôi mang về phòng mình và ngồi nhìn chăm chăm vào chiếc hộp màu vàng quen thuộc với những hình kẹo đầy màu sắc ở phía trước. Tôi nghĩ về Mẹ, Bernie, tôi và cuộc sống của chúng tôi trước khi tôi đi Liberty.

Bỗng nhiên, tôi phát hiện ra một điều mà trước đây tôi chưa từng nhìn thấy. Tên của công ty làm kẹo Jujufruits được viết bên hông hộp bằng những chữ đen li trong một hình viên kim cương đỏ. Heide. Từ này không giống hết, kết thúc bằng chữ e chứ không phải chữ i, nhưng dấu vậy tôi vẫn chắc rằng khi đọc nó to lên thì âm thanh cũng tương tự. Heidi.

Tôi tự hỏi không biết bà ngoại Diane DeMuth của tôi có dùng Jujufruits để dỗ ngọt Mẹ làm mọi việc như cách mà Bernadette và tôi từng làm hay không. Tôi tự hỏi có lẽ bà đã nhìn thấy từ này bên hông hộp kẹo vào ngày tôi chào đời và nghĩ đó là một cái tên dễ thương sẽ hợp với một cô gái bé bỏng. Tôi ngồi bần thần tự hỏi về những điều đó cho đến khi nghe tiếng Bernie gọi từ trong bếp.

“Lại đây một giây được không, Heidi-Ho? Bác đang thử làm theo công thức làm món thịt om mà Ruby gửi cho và bác làm mọi thứ lộn xộn hết cả lên rồi này. Bác cần cháu tra từ thịt om trong cuốn B.T.N xem sao.”

Tôi quăng chiếc hộp màu vàng sang một bên.

“Cháu đang tới đây, bác Bernie!” tôi gọi to đáp lại.

Và khi tôi bước ngang phòng, bước qua tất cả những gì đang mất mát, xuyên qua cánh cửa, tôi bước vào trong vùng ánh sáng chiếu rọi như một nụ cười ngọt ngào rộng mở lên tất cả mọi thứ thực sự đang tồn tại ở chốn này.

NHỮNG TỪ CỦA MẸ^[13]

Heidi

So be it

Tốt

Không

Xanh

Soof

Nóng

Tệ

Xong

Suyt

Uh-oh

Về sớm

Chào

Dette

Trà

Đi

Nửa

Lại

Xinh

Nay

Hôn

[1] Nathalie Kay “Tippi” Hedren (sinh năm 1930) là nữ diễn viên kiêm cựu người mẫu nổi tiếng, có 60 năm thâm niên trong nghề. Các bộ phim tiêu biểu có bà thủ vai phải kể đến loạt phim Alfred Hitchcock, The Birds, Marnie.

[2] Twinkle là một loại bánh snack của Mỹ.

[3] George Washington Carver (1864-1943) là một nhà sáng chế, nhà khoa học, nhà giáo dục và nhà thực vật học người Mỹ.

[4] Punch: rượu mạnh pha với nước nóng, đường, sữa, chanh, gia vị.

[5] Trong tiếng Anh, có một số từ chữ thề gồm bốn chữ cái, được gọi một cách hình ảnh là “four-letter-word” - từ bốn chữ cái.

[6] Liberty là địa danh mà Heidi muốn tới nhưng người phụ nữ này nghĩ rằng Heidi nói Liberty với nghĩa “tự do”.

[7] 4-H là một tổ chức thanh niên của Mỹ do Viện Thực phẩm và Nông nghiệp Quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ quản lý, với nhiệm vụ thu hút và giúp đỡ lớp trẻ phát triển toàn bộ tiềm năng của cá nhân. Tên của tổ chức biểu hiện sự phát triển bốn khả năng của con người: khối óc, trái tim, bàn tay và sức khỏe (Head, Heart, Hands, Health). Tổ chức này thu hút được hơn 6,5 triệu thành viên từ 5 tuổi đến 90 tuổi.

[8] Collect Call - dịch vụ cuộc điện thoại do người nhận cuộc gọi thanh toán tiền cước. Người gọi phải đăng ký trước với tổng đài.

[9] Hộp hình nộm là loại hộp đồ chơi có chú hể hay con rối gắn lò xo bên trong, khi mở, vật bên trong này sẽ bật ra ngoài, gây bất ngờ thú vị cho con nít.

[10] Jelly bean là loại kẹo một loại kẹo làm từ đường, có nhiều hương vị khác nhau, thường có mùi trái cây. Chúng được làm với kích thước nhỏ, như hạt đậu đỏ hoặc nhỏ hơn và thường là kẹo có vỏ cứng.

[11] Nguyên văn: Big cheese, nghĩa là sếp lớn. Trong câu tiếp theo, Elliot nghe thấy từ cheese (phó mát) liền nói ra câu “Cheese stands alone” (Miếng phó mát đứng một mình) trong bài hát đồng dao cho con nít Farmer in the Dell. Chúng tôi dịch thoát ý theo ngữ cảnh.

[12] Tatu là một loài động vật có vú có mai, nguồn gốc của chúng là từ Nam Mỹ. Khi gặp nguy hiểm, tatu có thể cuộn mình tròn lại như một quả bóng.

[13] Ghi chú: hai “từ” của Mẹ về cơ bản không phải là từ đơn - về sớm và so be it - nhưng Heidi tính chúng vào đây vì Mẹ chưa từng dùng chúng như những từ riêng biệt, so, be, it, về hoặc sớm trừ khi trong các cụm từ như vậy.

Table of Contents

Start

Lời nói đầu

Chương 1 Heidi

Chương 2 Dette

Chương 3 Xin chào

Chương 4 Soof

Chương 5 Suyt

Chương 6 Trà

Chương 7 Ra

Chương 8 Thêm

Chương 9 Về sớm

Chương 10 Đi

Chương 11 Tốt

Chương 12 Lại

Chương 13 Xanh

Chương 14 Xinh

Chương 15 Nay

Chương 16 Nóng

Chương 17 Hôn

Chương 18 Tệ

Chương 19 Không

Chương 20 Uh-oh

Chương 21 Ôi

Chương 22 Xong

Chương 23 So Be It